

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : **NGUYỄN-VỸ**

Tòa soạn : 227, Đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — Đ.T. Saigon 558

BỘ MỚI SỐ 1 * 1-11-1958

	Số trang
1— Thân chào Bạn đọc	P.T. 11—12
2— Hàn Lâm Viện Việt-Nam.	Nguyễn Vỹ 13—14
3— Nhà văn Nguyễn Tuân với phố Ngẫu-pín.	Quốc-Bảo 15
4— Vua Nhựt. Minh trị là một nhà thơ.	Phạm-Công-Thiện 16—20
5— Luật Lao-dộng V.N.	Huỳnh khắc Dụng 21—25
6— Nước Cộng Hòa « Con Ong »	Huỳnh Bội Hoàng 26—31
7— Chất chính một nhà viết sử.	Trúc-Linh 32—33
8— Thành phố Saigon 100 năm trước.	Đặng văn Nhâm 34—41
9— Trăng, dưới mắt các nhà thơ Anh.	Cô Lê thị Nguyệt Thu 42—44
10— Mất Vàng	Liên-Nhụy 45—47
11— Ai ăn hột ọt lộn ?	B.S. Hoàng Mộng Lương 48—50
12— Trường thơ Lettrisme bị phá sản.	Hoàng Trúc Ly } cô Diệu Huyền } 51—55
13— Nước mắt.	Bà Thu Vân 56—59
14— Phụ nữ thể dục.	Cô Tuyết Anh 60—61
15— Món ăn phổ thông	Bà Thường Lạc 62—63
16— Lương Khải Siêu	Trần Tuấn Khải 64—67
17— Bích Câu kỳ ngộ.	Thầm Thệ Hà 68—71
18— Shakespeare.	Tạ Ký 72—75
19— V.N. sẽ có một trung tâm Nguyên-tử lực.	Giáo-sư Bửu-Hội 76—77
20— Ngử Học	Lê Ngọc Trụ 78—82

Bộ Sách thâu góp những tinh hoa của nền
Văn Học Việt Nam. Sưu tầm và tuyển chọn công
phu đã hơn một năm trời. Nay sắp xuất bản:

TINH HOA TUYỂN TẬP

do TRẦN-QUỐC-BẢO biên tập

*

TRÍCH TỰA

..... Lịch sử văn học bắt đầu ghi lại sự phát triển tột bậc này. Đó là một bước tiến dài, quá dài khiến cho con cháu chúng ta sau này chắc sẽ phải ngạc nhiên khi ngó lại quá trình Văn học của những thế hệ cũ. Cho nên khu vườn văn chương Việt-Nam đến nay đã có thêm nhiều đóa hoa thơm ngát mới lạ bên những đóa hoa cỗi diên cổ hữu. Mỗi khi bước vào khu vườn đầy hương sắc này những người yêu mến văn chương không thể không cảm thấy lòng mình xôn xao vì bao niềm rung động, bao nỗi xúc cảm.

Chúng tôi cũng là kẻ sung sướng và tự hào mỗi khi vào du ngoạn trong khu vườn đó.

Giữa ngàn hoa tươi thắm mịn màng, chúng tôi sẽ lần lượt lựa chọn rồi thu góp những đóa hoa kiều diễm, khá ái và thơm tho hơn cả; thành từng bó đề gửi đến các bạn bốn phương.

Phải chăng đây là những kỷ niệm của một thời đại văn học chừng 60 năm nay mà chúng ta có thể gọi một cách tự hào là thời đại hoàng kim của tư tưởng.

.....

精
華
選
輯

21— Nhà ăn ngủ trên hàng kiến	Vương Hồng Sơn	83— 86
22— Cát lượng đã được 41 tuổi	Nguyễn Ang Ca	87— 90
23— Tôi làm phim	Thái Thúc Diễn	91— 93
24— Những người đời mười	Nguyễn Thu Minh	94— 97
25— Văn Nghệ sĩ thanh niên hiện đại	Lâm Vị Thủy	98—103
26— Sách mới xuất bản	Hồ thị Lý	104—105
27— Nhờ các bạn trả lời giùm		106—107
28— Kiên Trinh (Tiểu thuyết)	Cô Văn Nga	108—115
29— Bà Tèo trả lời giùm		116—117
30— Buồn ơi Chào mi ! (Tiểu thuyết)	Diệu Huyền	118—124
31— 4.000 năm ca dao	Bà Tèo	125—128

★ Sắp-xếp bài, trình-bày bìa và nội-dung, cho màu	cô Diệu.Huyền
★ Tranh vẽ	cô Xuân-Mai ?
	Họa-sĩ Duy.Liêm
	— Đăng-Nhâm
★ Bản kẽm	Nguyễn-Diêu
★ Hình Bìa	Văn-Mười
★ In offset Bìa	Đông-Nam-Á

- Các Báo Sách Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.

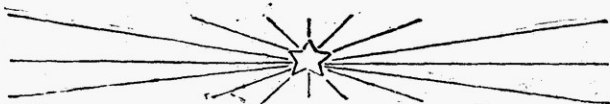
- Qấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

■ **PHỒ-THÔNG SỐ 2** : Những bài của : NGUYỄN-HIỆN-LÊ, TÔ-THUY-YẾN, BÀ TĂNG-XUÂN-AN, ĐOÀN-QUAN-TẤN, THANH-VĂN, TAM-ÍCH, v. v. . . THƠ của THANH-NHUNG

★ **ẢNH ĐÈN**, dịch truyện Tàu của VI-HUYỀN-ĐẮC.

PHỎ - THÔNG **THÂN CHAO** TẠP - CHÍ **BẠN ĐỌC**



THƯA bạn, chắc PHỎ-THÔNG TẠP CHÍ không xa lạ gì với Bạn nhỉ. Như lúc Bạn thoát mới trông thấy, Bạn đã nhận ngay đây là một người bạn cũ trở về với Bạn, sau một thờ gian vắng bóng bốn năm.

Lý do vắng mặt, chúng tôi thiết tưởng không cần nói rõ chắc Bạn cũng dư hiểu rằng do lúc bấy giờ tờ Nhật báo DÂN TA đã cướp mất rất nhiều thì giờ của PHỎ THÔNG giữa lúc nó hãy còn là tạp chí Văn-hóa đầu tiên và duy nhất của Việt nam, được các giới Trí - thức, Thanh niên cũng như Lão - thành nhiệt - liệt hoan - nghênh và ủng hộ Rồi tờ Dân-Ta bị đình bản, buộc lòng tạp chí Văn-hóa PHỎ-THÔNG cũng phải đình bản luôn.

Bốn năm nay, 1954-1958 các bạn bốn phương trung-thành với PHỎ-THÔNG tạp chí, vẫn thường nhắc-nhở đến nó luôn với niềm cảm mến nồng hậu mà các Bạn

đã đề dành vinh-dự đặc-biệt cho nó.

Nay, PHỎ-THÔNG được may mắn trở về trong tay Bạn. May mắn là nhờ một phần ở sự nhắc nhở thường xuyên của Bạn cõ-vỏ và khuyến - khích chúng tôi rất nhiều.

Hôm nay, trong cuộc trùng-phùng quý báu này, PHỎ-THÔNG xin hoan-hỷ tỏ lời cảm ơn tất cả các Bạn xa gần đã mến nó trước kia.

Tạp chí Văn-hóa PHỎ-THÔNG tục-bản cũng xin giữ đúng tôn chỉ mà nó đã tự vạch ra từ khi mới xuất-hiện. Nó sẽ giữ đúng thể tài và nội - dung PHỎ - THÔNG 1952-1954. Nó sẽ tiếp-tục phục-vụ Lý-tưởng Văn nghệ của nó, là :

GÓP PHẦN XÂY-DỰNG VĂN-HÓA VIỆT-NAM.

PHỎ-BIỆN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM CỎ.

Nhưng từ nay, nó xin hứa góp phần xây dựng mạnh mẽ hơn, và phồn-biến sâu rộng đầy đủ hơn.

PHỒ - THÔNG TẬP-CHÍ chủ trương bồi đắp một nền Văn-hóa tự do, không chịu bó-buộc trong bất cứ một khuôn-khổ nào, cũng không nề một chương-ngại rào. Nó sẽ biểu diễn tư tưởng thuần-túy, và sẽ không phân-bội nhiệm vụ sáng tạo và nhân-đạo của Văn hóa loài người.

Nó cũng sẽ cố-gắng trau dồi kỹ thuật ấn-loát cho thích hợp với nghệ - thuật tiến - triển của thời buổi mới

PHỒ-THÔNG TẬP-CHÍ sẽ nhất

quyết không làm chính-trị, mà chỉ chú-trọng chuyên môn về Văn-hóa, về tất cả các bộ môn Văn-ngệ.

Nó mở rộng cánh cửa đón tất cả các tài năng tinh - túy của Dân-tộc Việt-Nam, các danh nhân già dặn kinh nghiệm, và các tài hoa chớm nở của Thế-hệ hậu chiến.

Sau cùng, PHỒ-THÔNG TẬP-CHÍ xin cảm ơn tất cả các nhà trí thức và các Văn-hữu đã có thiện cảm với nó, và đã sốt sắng giúp đỡ nó về bài vở có giá-trị đặc biệt, nhờ đó PHỒ - THÔNG TẬP-CHÍ mới được hân hạnh ra Bộ mới số 1 này.

PT

Chic Bạn Đọc

✱ Saigon, 9-9-58.

Tôi nghe tin người la đồn rằng ông sắp cho ra lại Tập-chí Phồ-Thông, thưa ông, có phải thế thật không? Có phải Tập-chí Phồ-Thông trước kia mà chúng tôi rất thích rất mê đó không? Nếu thế thì tôi tin rằng không những chúng tôi, mà còn đa số bạn đọc cũ của Phồ-Thông cũng sẽ vui mừng đón chờ Phồ-Thông..

Trần-Tú-Dung

(Nhà máy đèn Chợ-quán)

✱ ... Hiện em còn giữ đủ bộ Phồ-Thông cũ, từ số 1 đến số 15. Chú em đi xa vắng, nhưng vẫn để lại cho em, và em đã đọc « nó » say - mê. Thú - thật với ông rằng em nhận thấy cái thú đọc sách đọc báo từ khi em đã đọc Phồ-Thông. Nay xem quảng-cáo trong các báo có tin Phồ - Thông tái bản... trời! em mừng không xiết kể. Em mong rằng...

Lê thị-Hồng-Quang

(Ấp Hà-Đông, Dalat)

Việt-Nam 4.000 năm văn hiến
vẫn chưa có một

HÀN-LÂM-VIỆN

HẦU hết những Quốc-gia hãnh-diện có một nền Văn-hóa riêng biệt, biểu-dương Quá-khứ vinh-quang vĩ-đại của mình, đều có một Hàn-Lâm-Viện. Nó không phải một xa-xỉ-phẩm phù-phieß của một chế độ hay một thời-đại, cũng không phải một cơ-cấu trường-giả không có lợi-í.h thiết-thực cho nhân-dân. Hàn-Lâm-Viện là, trước hết, tượng trưng nền văn-minh cổ-hữu của một Dân-tộc, uy-lực tinh-thần của nó, và thể thống của nó đối với Quốc-tế.

Cho nên, không phải vì sở-hiểu đế-vương mà vua Lê-thánh-Tôn đã sáng lập *Tao-dàn* với 28 nhà Văn-học triều Lê : Thân-nhân-Trung, Đỗ-Nhuận, và 26 vị Văn thần khác đã soạn ra bộ sách *Thiên-nam-du-hạ tập* gồm 100 quyển. Tiếc thay, trải qua lịch-sử Văn-học Việt-Nam, chỉ có mỗi một vị Vua ấy là đã lập ra một Hàn-Lâm-Viện quốc-gia. Và lại *Tao-dàn* này cũng chỉ tồn-tại đến cuối triều Vua ấy thôi, 1460-97.

Hàn-Lâm-Viện Pháp lập ra từ 1637 và tồn tại cho đến ngày nay, với một quá-trình rất vẻ-vang cho Văn-học Pháp, Đức, Ý, Anh, Mỹ, Nga, Nhật, Y-pa-Nho, Bồ-đào-Nha, Tích-Lan, Ai-Cập, Thụy-Điền, v. v... cũng như Pháp đều có Hàn-Lâm-Viện riêng cho mỗi bộ môn văn-nghệ (khoa học, hội họa, âm nhạc, văn học, chính trị, v. v...). Những cơ cấu quốc gia ấy là trung-tâm-điểm phản-chiếu Văn hóa và tư-tưởng của mỗi Dân-tộc trên thế giới.

Nước Việt - Nam, với bốn ngàn năm văn - hiến rất tốt đẹp, có thể thua kém các cường quốc tân tiến về khoa học và văn minh cơ khí, chứ chắc rằng không đến nỗi sút kém lắm về văn - minh tinh-thần, nhất là về văn-học. Việt-ngữ là một trong những ngôn ngữ đẹp nhất thế-giới. Nói rằng nó là một sinh ngữ đẹp nhất ở Đông-nam-Á, cũng không phải là tự phụ đâu.

Vì vậy, trong lúc nước Việt-nam đang vươn mình lên với Quốc tế, sự thành-lập một Hàn-lâm-viện Việt-nam không phải là quá sớm, và cũng không phải là không cần.

✱

Nó cần thiết gấp rút nữa là khác. Vì một Hàn-Lâm-viện Việt Nam dĩ nhiên phải có nhiệm-vụ *bảo-vệ và đề-cao Việt-ngữ*.

Tiếng nói của người Việt nam hiện nay đang biến-hóa mau lẹ, và văn-chương Việt-Nam cũng đang tiến triển rất mạnh. Sự tiến hóa ấy đang theo một đà hỗn độn, thiếu kỷ luật và thiếu liên-hợp chặt chẽ. Sự lạm dụng những từ ngữ mới, sự xâm nhập chữ Pháp và chữ Tàu, đã gây ra cho Việt ngữ một trạng thái hỗn-độn gần giống như Pháp ngữ trước thời-kỳ Malherbe.

Tình trạng ấy sẽ kéo dài mãi nếu không có một quyền *Tự Điền Việt-Ngữ* đầy đủ được ra đời. Tôi nói một quyền Tự - điền Việt-ngữ đầy đủ là một quyền Tự điền chân chính, với tất cả những tên người và tên đất của lịch-sử và Địa-dư Việt - Nam từ xưa đến nay, tất cả những tiếng nói thổ ngữ và quốc ngữ của toàn xứ, cũ và mới, phổ biến sự tăng hợp toàn vẹn của 4000 năm Văn hóa Việt nam. Ít nhất nó cũng phải được như một quyền Tự điền Pháp ngữ của Larousse, hay Littré.

Một quyền Tự điền như thế, từ trước đến nay ta chưa có. Bởi nó là cả một công trình vĩ đại mà chỉ có một Hàn-lâm viện gồm những nhà văn-sĩ và học giả chân chính của Nam Trung Bắc, hợp nhau lại, chung sức nhau, tìm tòi, khảo cứu, trong năm bảy năm, mới thành công.

Ngoài ra một Hàn-lâm viện Việt-nam sẽ phải có nhiệm-vụ :

✱ Biên soạn một bộ *Sử-ký Việt Nam* đầy đủ làm căn bản cho các sách sử-ký đề giáo huấn ở các trường.

✱ Một bộ *Văn-học sử Việt-Nam* đầy đủ.

✱ Hoàn-thành một quyền *Văn phạm Việt Nam* chính đáng.

✱ Đặt những giải thưởng các tác phẩm thật là đặc-sắc.

✱ Dịch đề phò-biến các tác phẩm văn-chương của Việt-nam ra Ngoại quốc.

Bảo vệ và đề cao Việt ngữ, như tôi trình bày sơ-lược trong bài này, là một công tác vô cùng lớn lao, cần-thiết gấp rút. Tôi thiết tưởng nhiều bạn Trí thức cũng công nhận rằng ngoài một *Hàn lâm Viện*, sẽ không có một cá nhân nào, hoặc một nhóm tư-nhân nào, dám tự phụ đảm đương nổi.



Nhà văn NGUYỄN-TUÂN

với Phở Ngẫu-Pin

TRONG số các nhà văn miền Bắc bị đem ra đấu tố và chính huấn, có Nguyễn Tuân. Ông là một trong số những nhà văn kỳ cựu, ở lại theo kháng chiến. Chính ông đã nhiều lần tuyên bố quyết tâm « thoát xác » nghĩa là đổi hẳn lối viết và tư-tưởng tiểu tư sản. Ông cũng đã công khai tự hủy bỏ những tác phẩm cũ như : *Vang bóng một thời*, *Thiếu Quê hương*, *Một chuyến đi*, *Nhà bác Nguyễn*, vân vân... Mới rồi Nguyễn-Tuân viết một bài tùy bút « *Phở* » đăng trong tuần báo « *Văn* » số 1 và 2. Chính vì bài Tùy bút « *Phở* » đó, Nguyễn-Tuân bị khép vào tội phản động và lập tức bị « *Tổng* » vào « *Trại chính Huấn* » để nghiên ngẫm lại tác phẩm của mình. Sau đây là đoạn ông viết về « *Phở* » và « *Phở ngẫu pin* » đã bị kết án :

— « Nhưng khoa phở đã có những việc nó đòi phá cả những khuôn phép của nó. Theo tôi nghĩ, cái nguyên tắc cơ bản của phở là làm bằng thịt bò. Có thể có nhiều thứ thịt loại 4 chân, loại ở nước

loài bay trên giòi nó ngon hơn thịt bò, nhưng đã phở thì phải là bò. Có phải là vì muốn chống công-thức mà người ta đã làm phở vịt, phở xa xiu, phở chuột ? Cứ cái đà tìm tòi ấy thì rồi sẽ có những hàng phở ốc, phở ếch, phở dè, chó, khỉ, ngựa, tôm, cá chép, bồ câu, các kê... nghĩa là loạn, phở nổi loạn. Có lẽ ngày ấy thiên hạ sẽ gọi là đi ăn một thứ phở mỹ miều gì đó. Trong năm đói 1945 ở đây nổi nước phở của thời đại, ở Haiphong và Hanoi, đã có thùng phở có cả những bàn tay trẻ con, nhưng đó lại là một chuyện khác.

« Lại còn phở ngẫu pin. Chắc thứ phở này chỉ những người năm bảy vợ hoặc thích léng phéng mới hay ăn. Tên thứ thịt phở này còn gọi lại một thứ roi của bọn Tây độc ác hay đánh cu-li đến thối thịt tìm xương »...

Có lẽ chính Nguyễn-Tuân cũng không ngờ rằng mình viết về Phở thú vị đến thế mà rồi rút cục bị đăng chính huấn, đấu tố đến .. tóa phở ra thì oan thiệt !

Quốc Bảo



MINH-TRỊ
(1852-1912)

VUA NHẬT-BÔN
MINH-TRỊ
THIÊN-HOÀNG
LÀ MỘT
NHÀ THƠ
ÍT AI BIẾT !

HOÀNG-đế thứ nhất của Nhật-bản cổ-kinh là Jimmu Tenno ; hoàng đế thứ nhất của Nhật-bản duy-lân là THIÊN-HOÀNG MINH-TRỊ.

MINH-TRỊ không còn là một tên xa-lạ với chúng ta nữa.

Ai mà không biết MINH-TRỊ (Meiji) là hiệu của Mục-Nhân (Mutsu Hito), một hoàng-đế đại-tài, lỗi-lạc nhất của Nhật-bản, người đã canh-tân nước Nhật và đưa Nhật lên địa-vị một cường-quốc.

Ngày xưa và cả ngày nay, nhắc đến MINH-TRỊ Thiên hoàng, chúng ta — dân Việt-Nam — chỉ

nhớ đến Huân-công hiên-hách của ông ghi trong Lịch-Sử Nhật-bản, chứ ít người biết rằng ông còn có một địa-vị xứng đáng trong lâu-đài Văn-học của non nước Phù-Tang. MINH-TRỊ là một trong những thi-sĩ trữ danh của Nhật ở thời hiện-dại.



Trước khi giới-thiệu thi-phẩm của ông, tưởng cũng nên nói đến thi pháp của Nhật để độc-giả có một ý-niệm khái-quát về thi-ca Nhật-bản.

Thơ cổ-diễn Nhật thường rất ngắn; đọc thơ Nhật, ta có cảm-

tưởng như những nét chấm-phá đan-thanh trong một bức tranh của danh-họa Hiroshige. Một bài thơ thường chỉ gồm vài ba câu, nhiều nhất là năm câu.

Đây là bài «haikai» rất truyền-tung của thi-hào BACHO (1634-1694) nhà thơ vĩ-đại nhất của Nhật :

*Cành cây khô
Con quạ đậu
Hoàng-hôn mùa thu*

Và đây là một bài thơ nổi tiếng của thi-sĩ trứ danh ISSA (1763-1827) :

*Lúc tôi chết
Cành gác bên mồ tôi
Con cháu-cháu*

Những thể thơ lưu-hành nhất là «tanka» và «haikai». Thể «tanka» gồm có 5 câu, câu thứ nhất và thứ ba là những câu có năm vần (pentasyllabiques), câu thứ hai, thứ tư và thứ năm là những câu có bảy vần (heptasyllabiques), nghĩa là một bài thơ theo thể «tanka» gồm có 31 vần:

$$5 + 7 + 5 + 7 + 7 = 31$$

Thể «haikai» (hay hokkai) gồm có 3 câu. Câu thứ nhất và thứ ba là những câu có năm vần, câu thứ hai có 7 vần. Một bài thơ theo thể «haikai» gồm có tất cả là 17 vần :

$$5 + 7 + 5 = 17$$

Hai bài thơ trên của BACHO và ISSA viết theo thể «haikai»

(BACHO là ông tổ của thể thơ haikai). Hoàng đế MINH-TRỊ và hoàng hậu TCHOKENN rất nổi danh về thể thơ «tanka».

★
Dưới đây tôi xin trích dẫn vài bài thơ tiêu-biểu nhất của MINH-TRỊ để độc giả có một đại-ý về thơ của một vị hoàng-đế đa-tài của đất Nhật. Tất nhiên tôi chỉ dịch nghĩa mà thôi, vì vậy cái hay của nguyên-tác cũng mất đi rất nhiều.

Có nhiều bài thơ của MINH-TRỊ mà người đọc có cảm tưởng như đọc những câu tư-tưởng của một hiền-nhân, chẳng hạn :

國のためあなす仇はくなくとも
いつくしむべき事を忘れえ

cỦA PHẠM-CÔNG-THIỆN

Viết theo Romaji: Kuni no ta-me ata nasu ata wa kudaku to mo itsukushimu beki koto na wasure so.

Dịch Nghĩa: Ngay khi đánh một kẻ thù làm hại đến tổ quốc anh, anh cũng phải nhớ mà yêu thương nó.

Đọc bài thơ trên, người ta có cảm-tưởng như đọc một câu trong THÁNH-KINH. Ai nào ngờ vị hoàng-đế đã gây ra hai trận chiến Trung-Nhật và Nga-Nhật lại có lòng bác-ái như thế. Đọc bài thơ trên, người ta nhớ đến câu sau đây của Jé-sus: «Bây phải yêu kẻ thù bây và làm phúc kẻ làm khổ bây» (Aimez vos ennemis, faites du bien à ceux qui vous persécutent).

Như tên hiệu của ông, ông là một minh-quân, cho nên ông luôn luôn tự nhủ:

Ta muốn

Luôn-luôn

Lòng ta quang đãng

Như thái dương mọc sáng

Nguyên văn: Sachi noboru asahi no gotoku, sawayaka ni motama hoshiki wa kokoro nari keru. (phiên-âm La-mã-tự)



Tôi nhớ hình như bài thơ này đã được ông Asataro MIYAMORI phỏng-dịch ra thơ Anh-ngữ như vậy:

*Like the rising sun, which
shines,*

*Serene and bright,
Would that my heart might
every be*

Filled with light.

Người ta cũng gọi nước Nhật là nước mặt trời mọc (Phù-Tang). Trong bài thơ trên, ông hạ câu «như mặt trời mọc sáng»

(さし昇る朝日の如く)

thì cũng đã khéo.

Ông là một hoàng-đế luôn luôn tha thiết với công-cuộc duy-tân đất-nước. Trong thơ ông, thường bàng-bạc những ý-tưởng như bài sau đây:

Chuyện tốt diệt xấu

Ở...ta muốn

Làm sao

Không kém thua nước người

Nguyên-văn: Yoki wo tori ashihi wo sutete, totsukuni ni otoranu Kuni to nasu yoshi mo gana.

Có bài thơ của ông như một mệnh-lệnh ban xuống cho toàn-thể nhân dân Phù-tang, chẳng hạn:

*Hãy văn-minh-hóa
Tổ quốc non sông!
Nhưng đừng quên lãng
Tinh-thần truyền-thống
Của Nhật-bản.*



Nguyên-văn : Hiraku beki
michi wa hirakite kamitsu-yo no
kuni no sugata wo wasure zara-
namu.

Có những bài thơ ông y hệt
như lời giáo-huấn :

Hỡi vũ-trưởng

Muốn trở nên gương tốt

Cho hoàn cầu

Phải giới trau

Tinh-thần

Của cổ Nhật-bản.

N V : Kuni to in kuni no
gami to naru bakari migake ma-
surao yamato damashii.

Sau khi trích-dẫn năm bài thơ
trên của MINH-TRỊ THIÊN-
HOÀNG, tôi tưởng đến đây
độc-giả cũng đã có một đại-ý về
thơ ông rồi.

Về hình-thức, những bài thơ
ông đều làm theo thể « tanka »
(bạn đếm thử những bài thơ trên
sẽ thấy mỗi bài đều có đúng 31
vần).

Về nội dung, ông chỉ phụng-
sự đạo lý, chủ-trọng đến thực-
tế và hô-bào lòng duy-tân của
quần-chúng, nên văn thiếu
mãnh-lực đề cảm động lòng
người, hóa ra khô-khan và mất
hẳn cái « đẹp ». Ông chủ-trương
« nghệ thuật vị nhân-sinh »



Vua Minh-Trị và Hoàng-hậu ngự-triều

Ông không ngấm vịnh tạo-vật.
Người ta nói rằng hoa, gió,
trăng, núi, thông, ech nhái, hay
sâu bọ là những chủ đề ưa-thích
(thèmes favoris) của những thi
gã xứ Anh - đào, nhưng trong
thơ ông, tôi chưa thấy một bài
nào có thể gọi là ngấm hoa vịnh
nguyệt.

Giữa buổi giao-thời mới cũ,
MINH-TRỊ Thiên-hoàng là một
nhà đại ái-quốc, tất nhiên ông
là một nhà văn rất cảm - thông
với vận-mệnh dân - tộc, vì thế
thơ của ông không giống những
khúc thơ duy-mỹ của BACHO,
ISSA hay BOUÇONN :

Cảnh cây khô

Con quạ đậu

Hoàng hôn mùa thu

(BACHO)

Lúc tôi chết
Canh gác bên mờ tối
Con châu chấu
(ISSA)

Hay là :

Trên đầu gậy
Của Sư ông đi hành hương
Đậu và thiú-thiú ngủ
Con bướm

(BOUÇONN)

Ngày nay, tuy địa - vị của
MINH - TRỊ Thiên - hoàng trong
văn học không rực-rỡ như BA-
CHO, ISSA hay B O U Ç O N N ;
nhưng, theo nhà văn-học Fran-
çois TOUSSAINT ; ông cùng
hoàng-hậu TCHOKENN được dân
Nhật xem như là «những nhà thơ
tinh vi nhất ở thời hiện-dại»
(considérés par les Japonais com-
me les plus fins poètes contem-
porains). PHẠM-CÔNG THIÊN

* OSCAR ???...

Có những chuyện « trên không chẳng dưới không rõ », có
những danh từ xuất xứ rất vu vơ. Thế mà được cả thế giới công nhận.
Đó là trường hợp « Pho tượng OSCAR ». Tượng vàng OSCAR, hình
dung chàng hiệp sĩ thời Trung Cổ, tay cầm thanh gươm chống mũi
súng. Là giải thưởng Điện Ảnh, mỗi năm do « Hàn Lâm Viện Nghệ
thuật khoa học chiếu bóng » của Hoa Kỳ tặng.

Nhưng bởi đâu mà người ta gọi tên « Tượng Vàng » đó
là OSCAR ? . Thật ra đó chỉ là một việc ngẫu nhiên. Hồi năm 1931, bà
Margaret Herrich, trong Ban Chấp Hành của Hàn Lâm Viện, một
hôm nhân vui chuyện đã nhắc lại sự nhận xét của bà về Pho Tượng
Vàng. Bà nhận thấy rằng cái hàm vuông, và tấm khăn rằn rỏi oai
vệ của Pho Tượng giống hệt hình ông OSCAR là cậu của bà. Câu
« Chuyện vui » đó lọt vào tai một ông... nhà Báo. Thế là hôm sau
(có lẽ vì báo thiếu tin tức) ông Ký Giả nhà ta phết ngay một mẩu tin
vật, với hàng «tit» bự lên báo mình như sau : « Viện Nghệ Thuật và
Khoa học chiếu bóng đã đặt tên pho Tượng Vàng là OSCAR. » Thoạt
đầu Viện định cải chính cái tin vịt đó nhưng sau không hiểu vì sao
lại thôi. Thế là Pho Tượng Vàng mang tên OSCAR từ đó !

Trần-Quốc-Bảo



LUẬT LAO-ĐỘNG VIỆT-NAM

HUỲNH KHẮC DUNG

Chánh án tòa Thượng-thẩm Saigon

SAU cuộc khởi-nghĩa Yên-Báy ngày 10 tháng 2 năm 1930, chính-quyền Đông-Dương thắng tay khùng-bổ. Nước Pháp gởi phái đoàn Paul Reynaud sang viếng Đông-Dương vào khoảng tháng 10 năm 1931, thì lòng dân ta bùng-bột lạ thường. Trong khắp xứ, từ Bắc chí Nam, những cuộc mít tinh, biểu tình bắt bớ lung-tung xảy ra không ngớt. Nhưng càng đàn-áp, chính-quyền Đông-Dương càng tăng cao nhiệt độ của ý-chí Lao - động đấu tranh bên cạnh các đảng chính-trị quốc - gia, thoát ần thoát hiện.

Nhân bên Pháp, phe Mặt Trận Bình-Dân lên cầm quyền, bên nước ta, thừa cơ hội ấy, vận động ráo - riết tổ - chức Đông-

Dương đại hội, đề đòi cải-cách đường lối chính trị và phóng-thích chính-trị phạm. Các nhà tri-thức yêu nước đồng tâm hợp lực, nhằm mục tiêu ấy, như trong Nam, có nhóm La Lutte của Tạ Thu Thâu, Phan văn Hùm, v. v. . nhưng chẳng bao lâu, nội các Léon Blum lật đổ, thì cái mộng của họ cũng theo đó mà vỡ luôn. Hầu hết đều vương chân nơi sỏ bìa đen, có kẻ bị lưu đày ra Côn-đảo...

Tuy như ngọn lửa rơm, bạo phát chóng tàn, phong trào ấy đã gieo vào lòng dân ta nhiều ý-niệm mới-mẻ đánh thức giới cần-lao, làm cho họ suy-nghĩ, tuy rút-rẻ nhưng kiên-nhẫn ; sự kiện đó đánh dấu một cuộc tranh đấu ngấm-ngấm để đảo ngược một

chế độ bóc lột của kẻ giàu tiền mạnh thế. Phong trào ấy đã gây được một ảnh-hưởng sâu xa trong quần-chúng, khiến họ bắt đầu ý-niệm được quyền lợi của người lao-công đối với chủ, là hạng người trông nhờ nơi lao-lực của dân-nghèo mà lập nên sự-nghiệp.

Từ 1934 trở đi, chính-phủ Đông-dương đã phải đắn-đo suy nghiệm lại vấn-đề, tìm một lối thoát, trước các quan-niệm cấp tiến từ mẫu quốc đưa sang, sau hồi chuông cảnh-trình của nhà văn Louis Roubaud và nữ sĩ Andrée Viollis, cuộc thăm viếng của ông Justin Goddard, và đứng trước một tình-thế nhân-tâm căng thẳng, những vụ đình công liên-tiếp ở các nhà máy, xưởng dệt và đồn điền. Tuy biết thế, nhưng bọn quan cai-trị phản-động vốn lệ-thuộc lũ tài-phiệt hùng cường đã trù-trừ không thực tâm áp dụng những nguyên tắc khuynh hướng xã-hội mà cuộc chính-biến bắt buộc phải ban-hành nơi những miền thuộc-địa xa-xôi.

Chúng không muốn cho trình-độ hiểu biết của dân ta lan rộng ra, chúng không buồn huấn luyện dạy-dỗ, trái lại chúng chỉ hiểu thuộc-địa là con bò nặn sữa, mỗi năm cung huê-lợi là bao nhiêu thôi; vấn-đề nhân-vị cần-lao, chúng trộn luôn vào vấn-đề chính-trị; hễ ai có bàn tới là bị xem như chủ trương quá-khích, nghi kỵ, bức sách đủ

điều. Tuy nhiên, chẳng dừng được, thét rồi cũng phải ban-hành cho thuận với trào-lưu.

Luật lao động thuở ấy, ta có thể nói mà không sợ lầm, là chỉ dành riêng cho người Pháp và một thiểu số công nhân có học, am hiểu tinh thần pháp-lý phần nào. Kỳ dư, đa số thợ thuyền là thất học, khóm róm trước sự áp bức đe dọa của chủ nhân hống hách bạo tàn. Đó là chưa kể các phu mộ ở những đồn điền cao su vĩ đại, đồ số mệnh mỏng như cả một son hà, là những nguồn sinh lực dồi dào của bọn thực dân tư bản. Hạng làm mướn trên đây bị đặt hẳn ra ngoài vòng pháp luật xã-hội, vì họ được tuyển-dụng bởi một kẻ ước lãnh trước của chủ một số tiền công cam kết phải làm trong thời hạn là bao nhiêu lâu, nếu nửa chừng bỏ trốn, thì bị truy-tổ và bỏ tù về tội hủy ngang kẻ ước.

Đời sống vô cùng tủi nhục của phu mộ, ít ai thấu đáo. Họ là những con vật lặn lè nơi chốn nước độc rừng sâu, làm việc vất vả dưới ngọn roi tiếng quát của những tên cai phu nịnh-hót, họ ăn không đủ no, mặc không đủ ấm, trăm người như một, nhiễm bệnh rét kinh niên, bụng bang-rang, da vàng cháy, thiếu thuốc men tinh dưỡng, như những xác không hồn. Thoảng như sự uất ức gây cuộc đình công phản đối

hay xin tăng lương, thì kẻ cầm đầu bị luật hình nghiêm-phạt, ai ương ngạnh lại sẵn có Lao-Bảo, Bà-rá, Côn-sơn... rộng cửa !

† Nói là luật lao động, chứ thật ra, là vài ba sắc lệnh, một mớ nghị-định của viên toàn quyền Đông-dương ban-hành, chỉ dạy một cách thô-sơ những điều-kiện lao động, thì người ta có quyền nghĩ rằng họ làm luật cho lấy lệ vậy thôi, chứ tình-cảnh của người làm công ở miền thống trị không hề được nung đỡ cải-thiện.

Thuở ấy, cũng có Hội đồng Trọng-tài, cũng có Tòa Tập-Tụng xử việc lao-động tại Saigon, nhưng không mấy ai kiện tụng làm chi, so sánh với số vụ đảng đường ngày nay như trời với vực.

Chúng tôi lúc bấy giờ đã là một nhân viên từng sự tại các tòa án Hanoi, Saigon và các tỉnh trong Nam, biết rõ câu chuyện đề thuật lại cho các bạn nghe chơi — Rồi, thời cuộc đổi thay, một ngẫu nhiên khiến chúng tôi được đặt ngồi ghế chánh-án Tòa Lao-động Saigon suốt mấy năm trường, từ khi tòa án này mới thành lập, năm 1956, nhờ công vun-quên đắp-bồi của một vị thẩm phán tài-ba ông Nguyễn văn-Sĩ, Bộ-trưởng Bộ Tư pháp, đã tận tâm xây-dựng cho Chánh thể Cộng-Hòa.

Vi luật Lao-động là một thứ luật hộ đặc-biệt chỉ dành riêng

cho hai giới chủ nhân và thợ thuyền, sách vở lại thiếu, nên ban đầu còn bỡ-ngờ, chúng tôi phải hết sức tìm tòi, cố gắng mới làm tròn sứ mạng hót gạnh lên vai, đã làm thỏa mãn phần đông không bệnh ai bỏ ai, mãi cho đến lúc được chuyển chuyển đi nơi khác, chúng tôi hãy còn vâng vâng bèn tại lời cảm mến cả hai nguyên và bị vì đã chẳng đến nỗi làm phật lòng họ cho lắm....

Vậy, chúng tôi, không lượng sức mình múa riu qua mắt thợ, muốn cùng các bạn, ngược sông thời-gian, ôn lại các chủ-văn khuyh-huống xã-hội, từ thời Pháp thuộc rồi phân-tách phẩm bình Bộ Luật Lao-động Việt-Nam ngày nay, thử xem Tòa-án đã áp-dụng nó ra làm sao, khi phải giải quyết nhiều bài toán gay-go mắt-mỏ, mà nhà làm luật không thể thấy trước đề trù định.

« Ôn cổ tri tân » chúng ta sẽ tiến đến một trình-độ cao hơn của hạng người « bán công nuôi miệng » và hạng người « ngồi không chia của », và, biết đâu, ta sẽ không dung-hòa được hai giáo-dục khác nhau của hai lứa con đồng cha mẹ nhưng vì hoàn-cảnh xã-hội mà đã phải tẻ ra, người một ngã. Tôi muốn nói đến chủ-nhân và công-nhân vậy.

Chúng tôi sẽ lần-lượt cùng các bạn nghiên-cứu vấn-đề và phân nó ra làm ba đoạn, đoạn đầu sẽ xét đến vài đạo sắc lệnh của

Tổng thống Pháp quốc Cộng-Hòa, chủ văn bản mà hiện thời tòa án chúng ta hãy còn trọng-dụng, lẽ dĩ nhiên, với một tinh-thần mới cho hợp-thời; đoạn kể, sẽ vừa giải-thích Bộ Luật Lao-động nước nhà, vừa cử ra làm ví-dụ, những án-lệ của nước Pháp và của Tòa án Lao-động Việt-nam. và đoạn cuối, ta sẽ kết luận.

Giúp ích được cho những bạn chưa quen với luật Lao động, cũng như các chủ nhân và công-nhân, nếu loạt bài này được phổ biến rộng-rãi trong đại-đa số đồng-bào, thì chúng tôi mãn nguyện vậy.

Tuần-Lý, Huỳnh-khắc-Dụng
Saigon trọng-thu, năm
Mậu-Tuất (1958)



Những chủ-văn xưa

Như đoạn trên đã nói, chính quyền Đông dương không bao giờ nghĩ tới các công tác xã-hội ở xứ này, nên họ đã đặt cái cây trước con bò, họ thiết-lập các cơ-quan hành - chính gần hai chục năm trước rồi mới làm ra luật lao-động.

Thì đây, ta chỉ đọc lại các chủ văn lễ-tễ ngày xưa thì rõ :

1o) Lập sở Thanh-tra Lao-động tại Nam-kỳ (Nghị - định ngày 28 tháng 11 năm 1918)

Tại Bắc-kỳ. (Nghị-định ngày 30 t1 án ; 4 năm 1926)

Tại Trung-kỳ. (Nghị-định ngày 10 tháng 6 năm 1927).

Và tại Cao-miền. (Nghị-định ngày 19 tháng 10 năm 1927)

2o) Bảo vệ nhân-công có khế-uớc (Nghị-định ngày 25 tháng 10 năm 1927, sau được sửa đổi bởi N.Đ. ngày 21 tháng 9 năm 1935).

3o) Thiết lập ủy ban hòa-giải để giàn-xếp cá-nhân phân-tranh giữa chủ và thợ (Sắc lệnh ngày 29 tháng tư năm 1930, sau được sửa đổi bởi S. L. ngày 18 tháng tư năm 1931 và S. L. ngày 19 tháng tư năm 1934).

4o) Tổ-chức Ủy-ban hòa-giải để giàn-xếp những cộng-đồng phân tranh giữa chủ và thợ.

(Sắc lệnh ngày 2 tháng tư năm 1932).

5o) Quy-định chế-độ tự-do làm mướn và bảo-vệ công nhân đàn bà và trẻ con.

(Sắc lệnh ngày 19 tháng giêng năm 1933 sau được sửa đổi bởi S. L. ngày 13-10-36).

Như ta đã thấy, quan-trọng nhất trong tràng chủ-văn vừa kể trên, có sắc lệnh 1933 vì nó có tính cách nhân-đạo phần nào... Tuy nhiên nó không đá động tới vấn-đề lao động cho công nhân. Thợ thuyền ngày càng đông thêm, sự đàn-áp không mang lại kết-quả mỹ mãn cho lắm. Hầu được tinh-thế đó, nên cuối năm

1936, ông Marius Moutet, Tổng trưởng Bộ thuộc địa của Pháp-quốc lúc bấy giờ, mới thấy cần đề trình cho Tổng Thống một dự-luật lao động. thi được phê duyệt ngay vào ngày 30 tháng chạp năm 1936.

Sắc lệnh ngày 30 tháng chạp 1936 được Triều đình Huế ban hành cho Bắc-kỳ (từ ngày 6 tháng 9 năm 1937), cho Trung kỳ (từ ngày 16 tháng 11 năm 1937). Nó là một chủ văn nông-cốt tập-trung tất cả những luật lệ đã có từ trước, nên ta có thể gọi là Bộ Luật Lao Động cho toàn cõi Đông-Dương. Sắc-lệnh đó ấn định thời gian làm việc, nghỉ hàng tuần, nghỉ hàng năm có lương, buộc các xưởng có 25 người thợ sắp lên, phải đặt ra một quy-điều nội-lệ. Đó là kết quả của nhiều năm nghiên-cứu và là một công trình khá tỉ mỉ gồm có 10 chương 427 điều-khoản, ta phải công bình thú nhận như vậy.

Theo sau, có sắc lệnh ngày 24 tháng 2 năm 1937 phỏng theo sắc lệnh trên, quy-định cho người và hạng người được đồng h'a với người Pháp, là người Trung-h'a chỉ khác nhau vài chỗ, ví dụ như thời gian làm việc mỗi

ngày cho người Pháp thì 8 giờ, cho người Việt thì 9 giờ kể từ đầu 1937, và 8 giờ kể từ đầu 1938. Mỗi năm giúp việc thì công nhân người Pháp và người Tàu được nghỉ 15 ngày có lương lại được lãnh thêm một món tiền 100 đồng gọi là lương phụ trội, làm được mấy năm thì lãnh mấy trăm, còn công nhân người Việt thì không có thứ tiền đó, và chỉ được nghỉ 5 ngày kể từ đầu năm 1937, 10 ngày kể từ đầu năm 1938.

Các chủ văn sửa đổi bổ túc

Sắc lệnh ngày 23 tháng 2 năm 1942 cho phép chủ nhân phạt và công nhân vi phạm kỷ-luật trong xi nghiệp. Truất ra 1/4 lương trong ngày bỏ vào quỹ cứu-trợ lập ra cho toàn-thể nhân-viên mỗi lần phạt như vậy phải biên vào sổ.

Sắc lệnh ngày 4 tháng 10 năm 1943 sửa đổi điều 46 và bổ khuyết điều 105 S.L. 1936, bổ khuyết điều 33, S.L. 1936 và bổ khuyết điều 27, S. L. 1937.

VỀ CÁC TAI-NẠN
Kỳ sau : LAO-ĐỘNG

— Giai cấp nào cũng cần có nhau, vì không thể có Tư bản mà không có Cần Lao, cũng không thể có Cần Lao mà không có Tư bản. Hòa hợp sinh ra trật tự và mỹ lệ, trái lại luôn luôn xung đột chỉ đưa đến những cuộc hỗn loạn tranh đấu dã man.

Rerum Novarum



của HUỖNH - BỘI - HOÀNG

BẠN Huỳnh Bội-Hoàng nguyên là một nhà chuyên về nuôi ong lâu năm. Do đó ông đã thu lượm được nhiều kinh nghiệm về nghề nuôi ong, và trong một thời gian khá lâu, ông đã mất công khảo sát về các sinh hoạt và lẽ lối tổ chức của xã hội loài ong, trong đó có nhiều khám phá rất lạ lùng, lý thú. Bạn đọc sẽ thấy bổ ích và không khỏi ngạc nhiên, sau khi đọc bài sau đây vì được biết rằng cái xã hội loài vật nhỏ bé này đã có một tổ chức thật chu đáo, và những thói tục kỳ lạ đáng cho chúng ta phải khen phục. Đây là cả một gương mẫu CẦN LAO và KỶ LUẬT, tổ chức không khác nào một chế độ dân chủ mà vị Thủ lĩnh là một Nữ Hoàng dịu hiền, duyên dáng, được toàn thể đồng loại tôn-thờ mà vẫn luôn luôn ở trong cung điện, hưởng tuần trăng mật giữa 2 vạn thần dân...

N. V.



NƯỚC CỘNG-HÒA « CON ONG »

DÂN SỐ 20 000

DO MỘT NỮ HOÀNG CAI TRỊ

BÃ hội loài Ong là một xã hội có tổ chức rất trật tự, rất là dân-chủ, nhưng vẫn có Vua chúa, quân thần, mọi công việc làm ăn phân phối điều hòa, nhịp nhàng, khiến chúng ta nếu hiểu biết cũng phải ngạc nhiên mà thán phục. Hình như ông Tào - hóa cũng muốn cho toàn thể giống ong được phồn thịnh với một luật rất công bằng; đoàn thể lập thành mà tăng lên bao nhiêu, thì cuộc sinh tồn, cá nhân phải giảm đi bấy nhiêu. Ở đây sự phồn thịnh của toàn thể, là do ở sự hy-sinh nhiều hay ít về mọi phương diện của cá nhân mà ra.

Ngắm kỹ một con ong con, ta thấy nó phải hết sức khó nhọc mới từ trong giữa tổ, nào đục chạm, nào xô đẩy, chen chúc khổ sở, mới qua được mấy hàng rào ong khác để ra đến ngoài cửa. Thế mà nó chẳng hề từ bỏ đám

đồng loại đông nghẹt để đi mưu đồ hạnh phúc riêng cho mình.

Ong bay bồng trên không, sa vào những đám hoa thơm ngào ngạt. Trước mắt nó, hiện ra nào nhị, nào mật hoa, thật là một thế giới cực lạc, vậy mà nó chẳng bao giờ hưởng lấy một mình, chốc chốc lại còn bay về tổ rử thêm đồng loại đến để cùng « chia bùi sẻ ngọt » với nhau. Hơn loài người, loài Ong không bao giờ sống vị kỷ, tham lam, hay tranh dành cướp dặt.

Giả sử có một con ong đào ngũ tách riêng đoàn để ra ở một nơi nào chẳng nữa, — đó là nói thí dụ chứ không bao giờ có — thì dù chỗ đó không khi tốt, hoa thơm, mật nhiều cũng chỉ trong vài ngày là con ong đó chết cong queo thê thảm. Không chết vì đói rét, mà chết vì không chịu nổi sự cô đơn dày vò của phản bội!

Thật là một lẽ huyền bí đã khiến cho Ong kia phải quên cả nhân hạnh phúc để đem thân hy-sinh cho cộng đồng tập thể.

CHÍNH THỦ CỦA NỮ HOÀNG ONG

Một đoàn Ong thường có đến 20.000 con (hai vạn) gồm có năm bảy trăm Ong đực và một Ong chúa độc nhất. Còn bao nhiêu là Ong thợ.

Ong chúa luôn luôn là một con Ong cái, được tôn lên làm Hoàng Hậu, và được toàn thể hết lòng kính thờ, phục tòng, triu mến và nuôi dưỡng rất tận tụy. Nguyên nhân chỉ vì trong một đoàn Ong 20.000 con duy có một Nàng Ong chúa là có cơ quan sinh dục để sinh sản và bảo toàn cho nòi giống được lâu dài.

Ngay từ lúc mới sinh trưởng con Ong-cái bay vù ra ngoài trời. Đó là cuộc du lịch đầu-tiên trong đời nàng mà cũng là cuộc du lịch duy - nhất. Những người theo-rõi để nghiên-cứu đời sống của loài Ong, gọi đó là cuộc « Bay ái tình », người Pháp gọi là « Vol Nuptial », — Phải, vì Nàng ay theo tiếng gọi của tình yêu... Thế nào Nàng cũng gặp một chàng Ong-đực. Đôi bạn trẻ liền kết - duyên Tần - Tấn ngay trong lúc chàng và nàng vẫn đang say-mê bay lượn dưới trời xanh...

Xong rồi, Nàng vĩnh-biệt chàng ngay, vì, than ôi, duyên Nàng chỉ



ngắn-ngủi có thể thôi! Nàng phải trở về tổ Mẹ, để rồi cùng đoàn Ong-đực mới sinh-nở một lượt với Nàng, từ-giã Hoàng-Thái-Hậu để đi xây-dựng một tổ khác. Thường thường, số Ong mới nở ra đông lắm đến 40.000 hay có khi đến 50.000 con, gồm có một Ong-cái, nhiều Ong-đực, và vô - số Ong thợ, (tức cũng là Ong-cái nhưng không sinh nở được (Femelles stériles). Thế là Nàng Ong-cái mới kia được tôn làm Nữ-Hoàng thứ hai, và một nửa bầy Ong-đực và Ong thợ mới sinh-trưởng tình nguyện bay theo Nàng, để xây dựng Tổ-quốc mới. Còn một nửa ở lại với Cựu-Hoàng Thái-Hậu...

Xã hội loài ong tổ chức thực tài tình, trật tự. Thoạt trông ta tưởng như Ong-chúa có tài quán-xuyến cai-trị muôn dân (như Nữ-Hoàng Elisabeth II của nước Anh chẳng hạn!) Nhưng không phải. Nàng được toàn thể dân-tộc Ong của Nàng suy-tôn rất âu yếm, chính vì Nàng Ong - chúa được Thiên-nhiên phó-thác cho nhiệm-vụ thiêng - liêng cao - cả nhất, là việc sinh đẻ.

Nàng luôn luôn ở trong Cung-diện chẳng phải chạy ngược chạy xuôi, bay ra bay vào, cũng chẳng phải ra « chỉ-thị » hay dùng oai quyền gì cả mà mọi công việc đều được cả đoàn ong làm theo kỷ-luật, chăm-chỉ đều hòa, không hề xảy ra một sự rối loạn bao giờ.



Xem thế ta có thể hiểu rằng tổ chức của xã hội Ong là một tổ chức có hệ thống theo lối sinh hoạt tập đoàn mà mỗi con là một phần tử nhỏ hoan hỉ góp công xây dựng cộng đồng tập thể.

XÂY DỰNG MỘT TỔ QUỐC

Tháng hai, tháng ba, ta bắt một đàn ong về (phép bắt ong xin nói sau) cho vào một cái đồ lông kính mà nuôi. Ta thấy đàn ong như quên hết cuộc đời dĩ vãng, vội vàng phân phối công việc làm ăn, và cần phải xây tổ cho Ong Chúa để. Một số đông kéo nhau bò thành hàng đen nghịt từ chân đờ lên đến nóc. Con nào đến trước, thì lấy hai chân trước, bám chặt lấy nóc đờ (đờ là cái thùng để nuôi ong) rồi buông mình xuống.

Con lên sau bò qua mình con trước, lấy hai chân bám lấy hai chân sau con kia mà buông mình



lũng lẫng trên không để cho con thứ ba bám theo vào... và cứ lần lượt nối vào nhau như thế, đàn ong bám thành hình cái «chóp nón» buông



xuống đến lưng chừng đờ, rồi đầu yên lặng hàng giờ không nhúc nhích, khiến ta đứng xem phải kinh ngạc sự yên lặng đó, tưởng như đàn ong đang làm một bí thuật gì. Mà sự thực thì chúng đang chế tạo sáp vậy. Trong khi đàn ong thợ làm sáp, thì những ong khác cũng thi đua hoạt động. Bọn thì tha từ cái lá khô, hòn đất cho đến cái cỏ, cái rác mang liệng đi rất xa; Đây là Ủy-ban Vệ-sinh. Bọn thì đi kiếm nhựa về lấp hết những chỗ nứt nẻ, đem sơn tường đờ một thứ nước sáp cho thơm tho: Đây là Ủy-ban bài-trị Bọn khác nữa thì ra canh cửa, phụ trách việc Cảnh-sát Công-an. Ngoài ra lại còn một bọn chuyên việc đi xa kiếm mật hoa đem về tổ làm lương thực cho cả đàn. Tức là Ủy-ban tiếp-tế.

Còn đàn ong làm sáp thì cứ đầu yên lặng như thế mãi. Trong khoảng 18 hay 24 giờ, nhiệt độ trong đờ lên quá 27 độ, sẽ có tám cái mảnh sáp nhỏ li ti hiện ra ở 8 cái hạch ở ngay cuối bụng ong.

Ong làm thế nào cho ra sáp thì ta không sao hiểu được) Bí mật nhà nghề!) Song ta chỉ nhận ra rằng trong khi làm sáp

thì ong phải ăn rất nhiều mật. Muốn làm ki-lô sáp, ong phải tiêu thụ ít nhất là một ki-lô mật. Biết được như thế, vì xét kỹ mỗi khi sẽ đàn ra đi, ong có trữ sẵn trong bì một số mật có thể nuôi sống trong bảy ngày khi đến chỗ ở mới, ong cứ ở lì trong tổ mà chuyên chú về một việc làm sáp.

Chừng bảy hôm, ta đã thấy có một số sáp tương đương với số mật của ong đem đi.

Con ong nào đã làm được sáp, thì vội vàng bỏ chỗ đậu, trèo qua những con kia mà bò lên nóc tổ. Nó lấy đầu đẩy những con ở gần nóc tổ ra cho rộng chỗ, rồi hai chân sau lấy một mảnh sáp nhỏ ở dưới bụng ra, đưa lên miệng, lấy răng ngào cho kỹ với nước dãi, rồi nặn, rồi đắp, xoay đi, xoay lại mãi, bao giờ mảnh sáp đó thật quánh mới đem gắn chặt vào nóc tổ.



Khi đã ngào và đắp hết 3 mảnh sáp lấy ở bụng ra rồi, thì nó lại vội vàng chen vào giữa đám đông tiếp tục làm

thêm sáp, nhường chỗ cho con ong khác mang sáp đến gắn vào tổ. Sáp gắn trên nóc tổ lớn dần, thì mấy chú ong nhỏ, oai vệ như mấy nhà kiến trúc đến chạy ngang chạy dọc lẫn xấn ngấm hương cho một bọn nữa khởi công làm tầng. Bọn này bám trên hai mặt miếng sáp, lấy răng đào nhiều lỗ nhỏ. Đào



được một nửa thì cả bọn lại nghỉ nhường chỗ cho bọn thứ ba đến tiếp tay làm nốt. Thật là lạ lùng và khéo léo, đoàn ong không cần học toán hình học (géométrie) cũng không cần dùng đến thước, équerre, compas, mà xây miêng lỗ nào cũng đúng hình lục lăng, và đều cạnh, và đồng nhau như đúc một khuôn.

Một tổ có nhiều tầng, số tầng nhiều hay ít sẽ tùy theo đồ rộng hay hẹp và số ong đông hay thưa. Điều đáng chú ý là đàn ong làm tổ trên cao và trong bóng tối mà tài tình lối kiến trúc vẫn làm theo được một quy củ nhất định. Tầng ong thường làm xông đôi nhau độ 1m/m (gấp đôi bề dài của một con ong) mỗi tầng dày độ 23m/m.

Xem vậy thì khi làm tổ, các nhà kiến-trúc ong cũng có suy nghĩ, tính toán đo lường cần thận lắm ! Có khi ong tính cũng lầm, song khi biết rằng lầm thì làm lại ngay. Tỉ như khi có tầng nào đắp sát nhau quá thì ong biết liệu xê-xích đắp rộng cho cách xa những tầng kia đủ

11m/m để rộng lối đi lại... Chứ không phải chật hẹp như các ngõ hẻm ở xóm Bàn Cờ!

Ong làm 4 thứ lỗ:

1/— Lỗ nuôi Ong-Chúa. hình giống quả soan, ta gọi là « mũ thầy » Đây là Cung-Điện riêng của vị Nữ-Hoàng, thủ-lãnh của Đoàn Ong.

2/— Lỗ rộng để nuôi ong đực.

3/— Lỗ thường để nuôi ong con (ong thợ).

4/— Lỗ để làm kho chứa vật liệu: mật và nhị hoa.

Mỗi tầng có tới mấy ngàn lỗ. Lỗ nào cũng làm chên chếp cho mật khỏi chảy, theo một kiến trúc tuyệt-kỳ tinh-xảo.

Ong làm tầng tổ rất nhiều công phu. Vì vậy muốn cho chóng có nhiều mật, các nhà nuôi ong Tây phương dùng máy làm nhiều tầng giả bằng sáp đem để vào tổ cho ong dùng.

(Kỳ sau tiếp)



AI CẮT ĐẦU PHO TƯỢNG STALINE ?

Trong cuộc cách mạng đẫm máu hồi tháng 10 năm 1956 tại Hung gia Lợi, con người đã có can đảm gần như liều lĩnh, cắt đầu Staline lại chính là một người vô sản, anh Daniel Sego.

Daniel Sego, người công nhân vô sản này đã làm một việc tượng trưng nhất trong cuộc cách-mạng. Đêm 25 tháng 10 năm 1956, chính Daniel Sego đã cắt đầu pho tượng Staline, cao 8 thước sừng sừng đứng giữa một công viên lớn tại Budapest. Anh đã phải làm việc vất vả trong hai tiếng đồng hồ mới cắt đứt được cái đầu khổng lồ của kẻ độc tài trước sự cổ vũ vui mừng náo nhiệt của hơn 10 vạn dân Hung. Cái đầu Staline, liền sau đó bị lôi kéo khắp đó thị, sau cùng bị đập tan ra từng mảnh vụn.

Ít lâu sau khi cách-mạng bị đàn áp, anh đem được vợ con trốn thoát Hung, di cư sang nước Anh. Hiện nay Anh giúp việc cho một nhà máy tại Anh quốc. Daniel Sego có lần nói với bạn bè : « Thật ra nếu có phải đổi cái đầu của mình để cắt cái đầu Staline, thì không riêng gì tôi mà tất cả công nhân vô sản Hung-gia-lợi sẽ tranh nhau để được làm công việc đó »

QUỐC BẢO

Xin chất-chính một nhà viết sử

THÀNH PHẬT-THỆ Ở CHỖ NÀO ?

ĐỌC sử Việt-Nam, có nhiều đoạn làm cho phần khởi lòng người thì cũng có nhiều đoạn làm cho ta buồn rầu uất-ức. Nhưng đó là lẽ dĩ nhiên, vì những cuộc hưng vong của lịch sử thì dân tộc nào lại tránh khỏi được? Tuy nhiên, người ta vẫn buồn, buồn nhất là những đoạn không phải do cái gì đã xảy ra, mà buồn vì người chép lại. Đọc một quyển sử, người ta mất cả tin tưởng ở tác giả nó. Trường hợp đó, ông Phạm-văn-Sơn đã mắc phải khi ông viết quyển Việt - sử tân biên (Q I Nhà xuất bản Trần - hữu-Thoan ấn hành năm 1956).

Nếu nói rằng: viết lại một quyển sử là « phải có một sự tìm tòi gặt gao các sử liệu còn thiếu sót, một sự nghiên cứu rất thận trọng các sử sự để tránh các điều sai lầm hay xuyên tạc nhất là đối với các sử liệu ngoại quốc » (O. C. tr. 17 (Lời tác giả) hàng 21-25-26) như lời tác giả nói đầu sách thì cũng chính tác giả làm cho người ta rất dỗi hãn khoản tức bực.

Nổi bần khoản đó là đoạn nói về triều Lý: vua Lý-Thái-Tông (chứ không phải « Tôn » như ông P.V.S. đã viết) và Lý-Thánh-Tông đi đánh nước Chiêm và

chiếm thành Phật thế. Trước khi nói đến sự « nghiên cứu rất thận trọng » của ông P.V. Sơn, chúng tôi xin dẫn địa điểm thành Phật thế theo vài quyển sử:

— Ở quyển « Việt-nam sử lược » của ông Trần-trọng-Kim, chúng ta đọc thấy rằng: «... Thái Tôn tiến binh đến quốc đô là Phật

của TRÚC - LINH

thế (nay ở làng Nguyệt hầu, huyện Hương thủy, tỉnh Thừa thiên), vào thành bắt được Vương phi là Mị Ê (...) và các cung nữ đem về... » (t. I tr. 82 hàng 7-8-9; Vĩnh Thành 1928 Hà-nội).

— Ông Nguyễn-văn-Tổ, một nhà khảo cổ đứng đắn, trong « Tri tân tạp chí » đã dẫn theo các sách Khâm định việt sử (Q 3 tờ 8A-9B), Toàn thư (Q2 tờ 34 a-b mà chép: «..... Đến thánh bầy năm ấy (1044) vua Lý (Thái-Tông) đem quân vào thành Phật thế (nay ở xã Nguyệt-biêu, huyện Hương thủy, phủ Thừa thiên...) bắt sống thế thiếp của Sạ đầu và những cung nữ biết hát múa Tây thiên khúc điệu, (...). Trong bọn thế thiếp, có Mị Ê... » (Tri tân số 134 — 16 mars 1944 tr. 8 cột giữa từ h. 15 đến h. 25).

Về chiến tranh thì hai tác giả trên đều chép giống nhau là trong trận này quân Chiêm dân ở phía nam sông Ngũ hồ, vua Lý hô quân tiến từ phía bắc sang. Quân Chiêm bị giết 30.000 người bắt hơn 5.000 tướng sĩ và 30 con voi. Lại nói Quách Gia Gi chém đầu vua Sạ đầu (h. Xạ đầu) đem dâng vua Lý tại trận.

— Ông G. Maspéro « trong Le royaume du Champa », nơi trang 25 lại cho kinh thành Phật thế ở Bình định.

— Ông Đào duy Anh trong « Việt-nam văn hóa sử cương » lại dẫn theo Maspéro cho « thành Phật thế (Vijaya), tức Bình định bây giờ » (O. C. tr 29 Phần tự luận, Bốn phương tái bản, s. d.)

Vậy thì thành Phật thế ở chỗ



nào ? Thuyết nào đúng ? Ông Phạm văn Sơn « viết lại quyền sử mới » có rọi thêm ánh sáng

cho dứt khoát hay không ? Đây « Việt sử tân biên » trả lời : « ... Thái Tôn tiến đến thành Phật-Thế bấy giờ là quốc đô của Chiêm-Thành (thuộc làng Nguyệt-Hậu (sic), huyện Hương thủy, tỉnh Thừa thiên) bắt được vương phi Mị-Ê và một số cung nữ Chăm đem về nước »... (O. C. ch V tr. 352 h. 22 đến 25). Về chiến-tranh ông P. V. Sơn viết y như các tác giả trên. *Sáu trang sau, ông Phạm viết* : « ... Thành Phật thế (sau gọi là Chà Bàn mà ta thường chép lầm ra Đồ Bàn) ở vào địa phận tỉnh Bình Định ngày nay, ba phía Tây-Nam-Bắc có núi che chở, phía đông giáp bể » ... (O. C. ch. III Lý-thánh-Tôn tr. 359 h. 13 - 14 - 15). Như thế, ông Phạm, trong khi viết quyển « Việt sử tân biên » đã theo thuyết nào ? Việt hay Pháp ? Thành Phật thế ở đâu ? Ông Phạm có « tìm tòi gặt gao các sử liệu... », và có « ... nghiên cứu rất thận trọng các sử sự... » không ? Cái đó tùy độc giả phẩm bình. Chúng tôi xin nhắc lại một lời nói của Lão Tử : « Làm thầy thuốc mà làm thì giết một người, làm địa lý làm thì giết một họ, làm chinh trị làm thì giết một nước, làm văn hóa làm thì giết muôn đời ».

Ông Phạm văn Sơn giải quyết thế nào khi ông cho in một quyển sách chứa đựng mâu thuẫn như thế trong có 6 trang giấy ? Ngoài ra còn vô số điểm sai khác mà chúng tôi không trích dẫn vì ngoài phạm vi bài này.

THÀNH - PHỐ SAIGON



Những người tiến-bộ thực-sự là những người, ngay từ
khởi điếm, đã có lòng tôn-kính sâu-xa quá-khứ.

E. RENAN.

C HỌ Sài-Gòn đèn xanh đèn
đỏ.

„Anh coi không tỏ rõ, anh ngờ
đèn tàu. . .

(Ca-dao)

Câu ca-dao đơn-sơ, mộc-mạc
này đã gọi lòng hoài-cổ sâu-xa
trong những con người luôn tha-
thiết yêu quê-hương, xứ-sở.

— Sài Gòn !

Có thuyết cho rằng, tên này
phát-sinh do tiếng « Cây Gòn »,
là một loại cây mọc rất nhiều ở
Nam-Việt, mà dân-chúng thường
trồng để làm hàng rào chung-
quanh nhà.

Theo AUBARET viết trong
quyển « Histoire et description

de la Basse Cochinchine » nơi
trang 2, thì chữ Sài-gòn có lẽ là
tiếng Cao-Miên Prey Nokor nghĩa
là rừng gòn Vua Cao-Miên là
Âng non có đóng dinh thự ở
vùng Cây-Mai hiện giờ, chung
quanh dinh có trồng một hàng
rào cây gòn.

Do đó mà người Việt đặt tên
địa phương này là Sài-gòn.
Nhưng đó là thuyết của Aubaret
hoàn toàn không đúng. Vì nếu
đúng thì tại sao người Việt
không gọi là cây gòn mà lại gọi
là Sài-gòn ? (Sài là tiếng thổ, gòn
là tiếng Việt). Vả lại, có những
sách sử ghi chép nguyên thủy của
chữ Sài-gòn, xác đáng hơn. Nhà
Bắc-học MALLERET đã nghiên

cứu lý mỹ và cặn kẽ trong « *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises* » như sau đây :

Hồi Tây Sơn đánh Gia-long ở tỉnh Gia-định, tức Sài-gòn hiện giờ, quân Tây Sơn có đắp một bờ đê dọc theo rạch Bến-Nghé đê cổ thủ thành Gia-định. Nhưng sau Gia-long thắng trận, quân Tây-Sơn rút đi hết, thì có một số khách trú kéo đến lập phố buôn bán trên bờ đê ấy, phần nhiều là người Quảng-Đông và người Triều-châu. Họ liền gọi thành phố mới của họ là Đê-ngan (chữ Tàu, nghĩa là Bờ đê cao), người Quảng đông đọc hai chữ Đê-ngan là Xay Ngồn, người

cho Tây, người Tàu muốn ngạo người Việt chơi, bèn đổi hai chữ Đê Ngan (họ cũng gọi là Tsi-Kún) ra hai chữ Tây Cống, (cống cho Tây) tựa như hai tiếng Sài-gòn vậy.

Đề cập đến lịch-sử thành-phố Sài-Gòn trong tác-phẩm « *À la recherche de Prei Nokor. Notes sur l'emplacement présumé de l'ancien Saigon Khmer* » ông L. Malleret đã viết : « Sài-Gòn là một vùng đất đã có dân-cư rất lâu đời ». Mặc khác, ông Jean Buchot lại quả quyết : « từ năm 1.623, Sài-Gòn đã là một trung-tâm-thiền thương-mãi của Cao-Miên ở miền Nam (Đông-Dương) ».

100 NĂM VỀ TRU'Ó'C

Triều châu thi đọc là Tsi kún. Do đó, người Việt đọc trại ra là Thầy-gòn, rồi Sài-gòn. Năm 1814 vua Gia-long sai một vị quan tên là Trần-văn-Học vẽ địa đồ tỉnh Địa-định. Địa đồ ấy hiện nay vẫn còn ở Thư viện, trong đó Trần-văn-Học ghi chép nơi địa điểm Chợ-lớn bằng hai chữ nôm là Sài Cồn Xứ, trại theo tiếng Tàu Quảng-Đông là Xay-Gồn. Trong quyển *Đại Nam Quốc âm Tự vị* của *Paulus Của* cũng nói : Sài-gòn hồi đời Gia-long gọi là Sài-Cồn. Sau người Pháp qua lập nghiệp, cũng gọi theo tiếng Tàu là Sài-gòn. Nhưng từ khi Sài-gòn bị vua Tự-Đức cống hiến

Hồi về sau, đến năm 1.791, chúa Nguyễn-Ánh cho xây-cất tại Sài-Gòn một cái thành hình bát giác, có tám cửa, theo bát-quái-đồ. Đây là một cái thành đầu tiên của người Việt-Nam ở Sài-Gòn.

Công việc này, chúa Nguyễn ủy-nhiệm cho một vị sĩ-quan tây phương, ông Olivier de Puymanel, có khi còn gọi là Victor Olivier hay Đại-tá Olivier, bạn đồng chí của Evêque d'Adran — thực-hiện theo kiểu Vauban. Ông Olivier de Puymanel là người đã xây cất rất nhiều thành trì ở Việt-Nam, dưới thời chúa Nguyễn-Ánh.

Hiện nay, thành này đã bị san bằng và xóa mờ trong lịch-sử. Nhưng, theo các sử-liệu người ta có thể chắc-chắn rằng: vị-tri của nó hiện nằm trong phạm-vi những con đường: Công - Lý (De Gaulle) Lê-thánh-Tôn (d'Espagne), Phan - đình - Phùng (Richaud), và khu nhà thương Đồn Đất.

Đến đời vua Minh-Mạng, vào năm 1.833, giặc Lê - văn - Khôi chiếm thành khởi loạn chống triều-đình. Nhưng vì quân-binh ít mà thành-trị lại rộng lớn bao la, khó chống-cự; nên chỉ trong ít lâu, quan quân triều-đình đã phá được thành, khắc-phục giặc Khôi cách dễ-dàng.

Sau đó, nhà vua ra lệnh xây lại một cái thành khác trên khu đất ấy.

Thành này thực hiện xong vào năm 1.834, hình vuông, nhỏ hơn và nằm về góc phía bắc của thành cũ. Vị-tri của nó hiện nay là chu-vi những con đường: Phan-đình-Phùng (Richaud), Rousseau, Mạc-đĩnh-Chi (Massiges) và Mossard.

Vị-tri này đã được ghi chú rõ-ràng trên những bản-đồ vẽ trong khoảng những năm 1.863 và 1.867; và đại-lộ Cường-Đề (Luro) bây giờ tức là con đường «Boulevard de la Citadelle» ngày xưa chạy dài từ bờ sông đầm thẳng vào trung-lâm thành. (tên «Boulevard de la Citadelle» do Pháp quân đặt khi mới đến chiếm nơi này).

Trước khi quân Pháp đến chiếm Sài-Gòn thì, thành - phố nhỏ bé

này chỉ gồm có: một cái thành tên là Bến-thành (có nghĩa gần như là: Cái thành ở bên rạch Bến-Nghé) và một khu thương-mãi gọi là Bến-Nghé. Trên thực-tế, thời ấy khu thương-mãi chỉ hoạt-động trong phạm-vi chiều dài của hai con đường dọc bờ sông, bây giờ gọi là Bến Chương-Dương và Bến Bạch-Đằng. Hai con đường này ngày xưa gồm toàn nhà ngói mà sau lưng mỗi căn lại có một kho hàng cất theo kiểu nhà sàn trên bờ bông.

Tuy những hình ảnh đó hiện nay đã bị xóa mờ, nhưng chúng ta vẫn có thể giao-cảm với người xưa được, qua những khu xóm lá nghèo-nàn bên sông, từ phía Cầu-kho vào Chợ-lớn.

Tả quang-cảnh thành-phố Sài-Gòn khi xưa, một nhà đại-học-giã miền Nam, ông Trương-vĩnh-Kỷ đã viết: « Trong số những làng trong thành Bến Nghé người ta thấy có: làng Hàng-Đinh. Chu-vi làng này hiện thời là góc đường Tự-Do và Gia-Long. Xóm Vườn Mít (hiện là góc đường Taberd và Mac-Mahon) và bên cạnh là chợ Da Cong (lấy tên của một cây da cong). Về phía Nam, hướng vào Chợ-lớn, là xóm Đệm-Buồm. Ngoài ra, còn có một vùng mộ địa nằm gần bên đường Mac Mahon hiện thời. Đường này, ngày xưa là ranh-giới giữa Sài-Gòn và Chợ Lớn (souvenirs historiques 1.885).

Như vậy, cách đây một trăm năm về trước, Sài-Gòn hãy còn

là một thành-phố nhỏ-bé, dân-cư thưa thớt, nhà cửa nghèo-nàn, lụp-xụp.

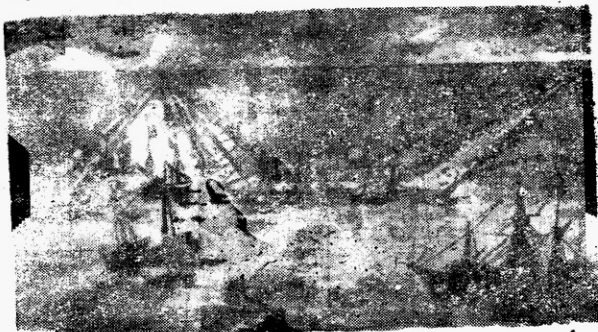
Một trong số những người ngoại-quốc đầu tiên đặt chân lên mảnh đất thân yêu này là ông Pallu de la Barrière, đã viết : « Du-khách đến Sài-Gòn, thấy về phía bên phải sông Bến-Nghé có một con đường nhỏ, có vẻ như đường phố mà những góc đường thẳng-thoảng lại có vài khoảng đất trống bỏ hoang. Phần nhiều nhà cửa đều làm bằng gỗ, lợp lá dừa. Có một số ít nhà — đa số của người Trung-Hoa ! — làm bằng gạch lợp ngói đỏ, khiến du-khách phải ít nhiều chú-ý. Thỉnh-thoảng cũng có vài căn nhà ngói lớn, mái cong, là những chùa thờ Phật. Ở đây chỉ có cái chợ là kiến trúc có vẻ chắc-chắn hơn.

Đọc theo lòng sông, hàng nghìn

chiếc thuyền đậu sát bên bờ, làm thành một khu thủy-cơ, ngày đêm bỗng bồng trên sóng nước (Histoire de l'expédition de Cochinchine — 1861).

Tả về quang-cảnh Sài-Gòn, Bác-sĩ CAUDÉ cũng đã viết : « Trước khi người Pháp đến chiếm Sài-Gòn, nơi này chỉ là một vùng toàn những lều làm theo kiểu nhà sàn có nhiều gian nối liền giầy, bằng cách cặp những sáo tre lại với nhau, tạo thành những chòm nhà ở bên bờ những con rạch sinh lầy » (arroyos fan-geux. (chữ này cũng như chữ Mirador, gốc Tây-ban Nha, đã phát-sinh trong khi Pháp quân cùng với quân Tây-ban Nha đánh chiếm thành Sài-Gòn 1.859—1.861)

Trong khi đó, R. LINDAU thông tin-viên của tạp-chí « Hai thế-giới » (Revue des 2 mondes) đã



Quang cảnh thương-cảng Saigon vào khoảng năm 1.860

nhìn Sài Gòn bằng một con mắt rõ ràng hơn : « Cái làng nghèo-nần ấy gồm toàn những lều lăm bằng lá dừa. Dân chúng thì dơ-dáy, xấu-xi, rách-rưới, đi lại trên khắp các ngã đường... »

Những nhận-xét của những người ngoại-quốc trên đây có lẽ hơi thiên-lệch và chủ - quan đôi chút. Tuy nhiên, dù sao cũng là những sự-liệu giá-trị giúp ta mở đường quay nhìn về dĩ-vãng, để giao-cảm với người xưa.

II.— SÀI GÒN THAY ĐỔI

Pháp quân bắt đầu tấn-công thành Sài-Gòn vào sáng sớm ngày 17 tháng 2 năm 1859, với một lực lượng hùng-hậu, gồm có 7 chiến hạm với súng ống tối - tân như : Soai-hạm Phlégréton (luôn luôn thường kỳ Đô-Đốc) chiến hạm Primauguet, Avalanche, Alarme, Dragonne, El Cano, và Prégent.

Tất cả đặt dưới sự chỉ-huy trực-tiếp của Đô-Đốc Rigault de Genouilly cùng với một số đồng sĩ-quan cao-cấp như : Đại-ủy thủy-quân Lafont. Trung-tá Tây-ban-Nha Escario, Đại-ủy kỵ-binh Lopez Đại-ủy pháo binh Lacour, Thiếu-tá Des Pallières, Đại-ủy Galimard, Thiếu-tá Breschin, Trung-tá Reybaud, Đại-tá Lanzarotte và Đại-ủy bộ binh Valère...

Theo một tài-liệu cổ bằng chữ Hán, thông-cáo của các vị tri-huyện báo cho dân-chúng biết tin-tức về sự quan quân triều-định thất thủ thành Sài-Gòn thì, lực-lượng Pháp quân tham dự trong trận này gồm có 10 chiến hạm và độ 2.000 binh sĩ.

Theo bản báo-cáo chinh-thức về mặt trận của Đô-Đốc Chaner, trận đánh chiếm thành Sài-Gòn đã kết thúc vào ngày 25 tháng 2 nghĩa là đúng 9 ngày sau.

Sau đó chính-phủ Nam-triều đã ký-kết với Pháp và Tây-ban-Nha một hiệp-uớc, ngày 5 tháng 6 năm 1862, nhìn nhận chủ quyền của Pháp trên đất này.

Một giai-đoạn mới mở màn. Người Pháp bắt đầu lo tổ chức cai-trị.

Công việc tổ chức cai-trị hoàn toàn nằm trong tay các sĩ-quan thủy-quân và lục-quân. (Les premières années de la Cochinchine, colonie française — của Paulin Vial).

Ngày 22 tháng 2 năm 1860 do một nghị-định của Đô-Đốc Page, thương cảng Sài-gòn bắt đầu mở cửa để giao-dịch buôn-bán với ngoại-quốc và dân chúng khắp nơi.

Ngày 11 tháng 4 năm 1861 do một nghị-định của Phó Đô-Đốc Chaner đã chỉ định chủ-vi của thành-phố Sài Gòn, một bên là rạch Tàu-Hủ,





Quân Pháp lần công thành Sài Gòn ngày 17 tháng 2 năm 1859

và rạch Bà-Nghê người ta còn gọi là rạch Thị-Nghê. Sự tích do chuyện: có con gái của 1 vị đại - quan nọ đến trú ngụ bên bờ rạch, lấy chồng, và làm nên 1 cái cầu ngang sông để nối liền với thành Sài-Gòn. Do đó, dân chúng bèn đặt tên rạch ấy là rạch Bà Nghê (hay Thị-nghê). Một bên là sông Sài-Gòn (hay Bến-Nghé) và 1 đường ranh giới, chỉ từ chùa Cây-Mai đến thành Kỳ-Hòa cũ.

Đến người kế-vị là Đô-Đốc Bonard, cho rằng chu vi này có vẻ tù hãm và chật-chội quá, bèn định thực hiện theo cái bản-đồ của Đại-Tá Công-Binh Coffyn, phác-họa dự-tưởng về thành-phố Sài-Gòn vào năm 1.862. Hiện tám bản-đồ lịch sử ấy hãy còn lưu-trữ lại viện bảo-tàng Sài-Gòn. Bản-đồ đó lấy sông rạch làm

ranh-giới thiên-nhiên cho thành-phố.

Trông vào bản-đồ, thành-phố Sài - Gòn chẳng khác nào một hòn đảo nhỏ, bốn bề có sông bao-học như: sông Sài-Gòn, thị-Nghê, sông Cầu-Bông, Cầu-Kieuở Cầu Mạc-má-Hồng v.v...

Vào năm 1862, theo một cuộc kiểm-tra dân-số của người Pháp, thì dân-chúng Sài-Gòn gồm có độ từ 8.000 đến 10.000 người cư ngụ. Dân-số đó không kể người Trung-Hoa, vì đã được sống biệt-lập, cách xa hơn 5 cây số ngan.

Theo đại-úy T. de Grammont, giám-đốc bản-xử-vụ ở Hốc-môn đã viết: « Từ khi chiếm được Sài-Gòn, người Pháp đã sáng-tạo nhiều kiến-trúc mới gần bên cái thành chấy cũ, do M. Jauréguiberry khởi-xương và đốc-công.

Chương-trình còn dở-dang thì thiếu-tá D'ariès đến thay thế và tiếp-tục. Những kiến-trúc mới đầu tiên của người Pháp trên đất Sài-Gòn là: dinh quan Thống-Đốc, những bệnh-xá, một ngôi nhà thờ nhỏ (Khánh-thành ngày 15 tháng 8 năm 1860) và sau cùng là những nhà in của chính-quyền. Tất cả đều nằm trong chu-vi những con đường: Lucien Mossard, Trưng-Vương, Lê-thánh-Tôn, và Cường-Đô bây giờ.

Riêng về Phó-Đô-Đốc Charner khi mới đến Sài-Gòn, cũng có ra lệnh cho xây cất một căn nhà mới khác bằng gỗ rất đồ-sộ. Khung nhà này, Phó-Đô-Đốc đã gửi mua tận Singapore, tạm thời dành làm dinh Thống-Đốc theo tác-phần: « Onze mois de sous-préfecture en Base Cochinchine » của Đại-úy De Grammont).

Trong khi đó, Jean Buchot quả quyết rằng: « Dinh Thống-Đốc thứ hai này gồm có 3 giấy nhà song song và nối liền nhau, bằng gỗ, ngày xưa đã chiếm vị-tri trên khu trường Taberd hiện thời ».

Đứng trước dinh có một cột đồng-hồ, bằng gỗ. Khoảng đường Gia-Long và nhà thờ Đức-Bà hiện thời, ngày xưa người ta gọi là « Place de l'horloge ». Xung quanh công-trường có một nhà kho b c và một nhà Bưu-Điện, toàn là những lầu lá ngò-è-nân. (trên vị-tri thư viện quốc-gia hiện thời).

Vào thời này, một số những kiến-trúc quan-trọng, thẩm-mỹ đã « mọc » lên ở Sài-Gòn: trú khu

của bọn kỵ-binh Thổ-nhĩ-Kỳ theo quân-đội Pháp, những kho chứa vật-dụng của thủy-quân và pháo-binh...

Đồng thời người Pháp cũng tổ chức « trường Thông-Ngôn » (Collège des interprètes) mà một số các học giả Việt-nam ở Nam-Kỳ đã xuất thân tại đó. Cùng với một bệnh-viện mới to-tát đẹp đẽ hơn do bà sơ St-Paul de Chartres điều-khiển. (Những chi-tiết này có ghi rõ trong tám bản-dồ 1867).

Từ đó về sau, người Pháp lo đốc-xuất việc đắp đất, lấp rạch, đào kinh, xây cầu, mở mang đường xá cho mỗi ngày càng rộng rãi, đẹp đẽ hơn. Đô-Đốc De la Grandière cũng có góp công lớn trong việc tu-sửa đất đai này.

Lúc đó, một thông-tin-viên của tạp-chí « hai thế-giới » cũng đã viết nhiều câu chứng-minh sự thay-đổi quan trọng ấy của thành-phố Sài-Gòn (E. du Hally — 1863).

Các khu phố Bonard, Charner. De la Somme, Pellerin và cả kho Công-xưởng thủy-quân ngày xưa chỉ là một nơi đầm rạch sinh lầy, kề bên sông Bến-Nghé.

Trên bờ sông một con rạch lớn (tức đường Charner chỗ tòa hòa-giải rộng-quyền hiện thời) ngày xưa có một cái nhà thờ nhỏ, tên Sainte Marie Immaculée, khánh-thành vào tháng 5 năm 1863.

Theo tập « Le royaume d'Annam et les Annamites », lúc ấy

phong-trào kiến-trúc ở-ạt khắp nơi. Chánh-phủ thuộc địa cất lên 2 khách-sạn đẹp-đẽ, sang-trọng, một số nhiều nhà hàng và một cầu-lạc-bộ SI-quan. Trong số anh em nhà Roques có cất một căn nhà lầu, khiến dân-chúng bấn-xú kinh-ngạc không ít.

Đến năm 1.863, dọc bờ sông và trong thành-phố, người ta thấy có nhiều hãng buôn quan-trọng dựng lên như : hãng Frères Denis, Comptoirs Roques và hãng Ségassie ; cùng với nhiều nhà khác, như Maison Eymond và Delfin Henri, de Bordeaux (nhà này ở vào góc đường Mac Mahon và bờ sông hiện giờ).

Ngoài ra, hãng Messageries Impériales (sau này đổi lại là Messageries Maritimes), Dutreuil

de Rhins cũng ra đời và được coi là những kiến-trúc hùng-vĩ nhất của tây-phương với kiểu mái cong như chùa người Trung-Hoa.

Từ ngày Pháp-quân đánh chiếm Sài - Gòn đến bấy giờ tính ra đã bốn năm trời. Trong khoảng thời-gian này tuy người Pháp có xây-dựng nhiều cơ-sở nhưng vẫn chưa phải là những công tác đáng kể. Cục - điện Thành-phố Sài-Gòn chỉ mới thay đổi vài phần nhỏ.

Bắt đầu từ ngày 28 tháng 11 năm 1.863 quang-cảnh thành-phố Sài-Gòn mới thay đổi hẳn. Vì từ đây, thời-kỳ « cai-trị của các vị Đô-Đốc » mới thực sự mở-màn...

SỐ TỚI : SÀI-GÒN TRONG THỜI KỲ LỊCH-SỬ

★ Ngày nay chân lý bị quá lu mờ và giả dối được quá nên cao đến nơi không có lòng yêu chân lý, người ta không thể nhận biết đâu là chân lý được.

Pascal

★ Bí mật của người cương nghị là nghị lực để xác tín. Nơi nào nguyên tắc không chi huy nữa, thì ý chỉ sẽ quay theo đà tư lợi.

E. Carol

★ Công việc tôi theo rồi mặc cho thế giới nghĩ thế nào thì nghĩ. Tôi chỉ biết trong việc khảo sát khoa-học tôi chỉ là một trẻ nhỏ nó đùa trên bãi cát. Thịnh thoảng may mắn hơn các bạn, tôi tìm được hòn cuội tròn và cái ốc đẹp hơn ; nhưng chân-lý mệnh mông như đại dương đối với tôi vẫn là bí nhiệm.

Newton

★ Không phần khởi, là dấu chỉ người tầm thường.

Descartes

Trần-Quốc-Bảo sưu-lãm

TRĂNG DƯỚI MẮT CÁC NHÀ VĂN ANH

== LÊ - THỊ NGUYỆT - THU ==



ĐÊM nay, Trăng đẹp và
sáng quá chiếu vằng vặc
cả giường tôi. Cổ ngữ hoài song
ngủ chẳng được. Năm mở mắt
nhìn trời mà nhớ mấy câu Thơ
của TÀO-PHI :

*Minh nguyệt hạo hạo chiếu ngả
sáng*

*Tình hán tây lưu dạ vị vương
Khiên - ngư, Chử - nữ giao
lương vọng*

Nhĩ độc hà cô hạn hà lương !

Thật đúng tâm trạng của tôi
giữa đêm khuya này.

Chao ôi ! Chị Hằng tẻ quá !
Chị làm tôi thức trắng đêm nay,
chị đã gây tôi mơ nhớ đến
người xa vắng, chị ạ !

*Khiên - ngư, Chử - nữ giao
lương vọng*

Nhĩ độc hà cô hạn hà lương !

Tôi sẽ thức suốt đêm nay để
viết về chị, nhất-định tôi phải
nói xấu mới được, vì chị ác quá,
chị đã làm tôi nhớ nhớ nhưng
nhưng cả đêm nay mà không ngủ
nghe gì được cả...

Đối với nhà thơ Đông-phương
chị Hằng là tượng trưng sự nhớ
nhưng hay sự đoàn viên, nhất là
sự thề-nguyền :

*Cách nhau ngàn vạn dặm,
Nhớ chi đến TRĂNG THỀ ?*
(HÀN-MẶC-TỬ)

Đối với thi-sĩ Tây - phương
Trăng là chúa-tề, bà Hoàng lộng-
lẫy của ban đêm, đôi khi Trăng
cũng tượng-trưng sự thề-nguyền
như Trăng của thi-nhân Đông-
phương. Nhưng đại kịch - gia
William SHAKESPEARE cho
rằng không nên lấy trăng làm
tượng-trưng sự thề-nguyền giữa
đôi uyên-vương vì Trăng vốn hay
thay đổi (the inconstant moon).

Trong bi-kịch bất-hủ *Romeo
and Juliet*, chàng Romeo si-tình
thề dưới trăng cùng nàng Juliet,
nhưng Juliet bảo :

*O, swear not by the moon, the
inconstant moon,
That monthly changes in her
circled orb
Lest that thy love prove likewise
variable.*

(*Romeo and Juliet*, II - ii. 107)

*Ôi ! Đừng thề dưới trăng, mặt
trăng hay thay đổi
Đổi thay hằng tháng theo tuần
hoàn*

*(E rằng tình anh đối với em
cũng hay thay đổi như vậy).*

Trong thi phẩm lừng danh *P'Énéide*, thi hào La-mã VIRGILE cho rằng: « Đàn bà là một con vật hay thay đổi và nhẹ-dạ » (nguyên văn La-tinh: *Varium et mutabile semper Femina* — IV. 569). Người Nhật-bản có câu tục-ngữ sau đây: « *Onna Gógoro to-aki no sóra, yoi ni naná tabi, hi ni san-do* » (Tinh đàn-bà và trời thu hay thay đổi; thay đổi bảy lần buổi chiều và ba lần buổi sáng). Câu này giống câu tục-ngữ của người Anh: « *Women are as fickle the autumn sky* » (Đàn-bà hay thay đổi như bầu trời mùa thu). Người ta nói rằng đàn-bà hay thay đổi. Mà chị HẰNG thuộc về phái yếu (*in her circled orb*), vì thế SHAKESPEARE bảo rằng chị hay thay đổi, thi ta cũng chẳng lấy làm lạ lắm vậy.

Thi-nhân thường bảo rằng mặt trăng đỏ, vàng hay trắng, SHAKESPEARE bảo: « *Trăng có cái mặt xanh nhợt, xanh mét* » *the pale-faced moon* — KING HENRY IV, p. I), nghĩa là chị HẰNG đẹp-dẽ của chúng ta có cái mặt xanh như thầy ma! Thi-sĩ O' HAUGHNESSY cũng bảo rằng chị HẰNG xanh mét (*the pale moon* — Ode).

Hình như SHAKESPEARE không ưa chị HẰNG thi phải. Trong vở *Julius Caesar* ông nói: « *I had rather be a dog, and bay the moon* » (Tôi thích làm chó và sủa mặt trăng). Tưởng làm gì, chớ làm chó thì đừng hồng làm gì được chị HẰNG, cụ SHAKES-

PEARE của tôi ạ! Trong vở kịch « *The Merchant of Venice* », ông nói rằng ánh trăng nằm ngủ trên ghế dài (*How sweet the moonlight sleeps upon this bank*!). SHAKESPEARE nói khéo đấy, chị HẰNG ơi! ông muốn nói chị là « *án sương* » không có nhà đến nỗi phải nằm ngủ trên ghế dài ở công viên! Rồi trong tác-phẩm *Timon of Athens*, ông lại nói: « *The moon's an arrant thief* » (Chị HẰNG là một tên trộm khét tiếng). Hỏi tại sao ông nói xấu chị HẰNG đến mức đó, ông trả



lời: « *Cô nàng ăn cắp ánh lửa xanh mét của mặt trời* » (*And her pale fire she snatches from the sun.* — IV. iii)!

Nhà thơ kiêm chính-trị gia PHILIP SIDNEY để lại hậu thế hai câu thơ tuyệt-tác:

*With how sad steps; O Moon,
thou climb'st the skies!
How silently, and with how
wan a face!*
(*Astrophet and Stella, sonnet xxxi*)

Với những bước thiêu-não làm sao! Ở chị Hằng, chị leo lên trời! Êm-lặng làm sao, và với cái mặt mét xanh làm sao!

Thi-hào S. T. COLERIDGE, một trong những người tiên-khu của phong-trào lãng-mạng ở Anh Quốc, viết trong tập « *The Ancient Mariner* (part iii) như sau đây: « Chị Hằng có sừng » (*the horned moon*). Viết như thế, ông muốn chỉ trăng lưỡi liềm hay là chị Hằng bị « cắm sừng », ông Coleridge nhỉ?

Thi-sĩ kiêm phê bình gia Matthew ARNOLD bảo mặt trăng là « Chị Hằng cô-đơn » *The solitary moon*.—SOHRAB AND RUSTUM Tôi tình-y lắm, tôi biết M. ARNOLD muốn nói rằng chị Hằng là « gái già », nghĩa là ế chồng, nên mới cô-đơn!

Văn-hào Walter SCOOT có viết hai câu thơ tuyệt vời sau đây:

The stag at eve had runk his fill,

Where danced the moon on Monan's rill

(*The Lady of the Lake, I-I*)

(Buổi chiều, con nai uống đã thêm

Nơi suối con Monan mà chị Hằng nhảy múa).

Cụ Walter SCOOT có ý kháy chị đấy, chị Hằng ạ! Cụ muốn nói chị là cô gái nhí-nhà, nhí-nhánh, chỉ biết nhảy múa mà thôi!

Nhà văn Alfred NOYES ở thế kỷ XIX viết: « Mặt trăng là chiếc tàu ma lênh đênh trên biển mây » (*The moon was a ghostly galleon tossed upon cloudy seas*.—THE HIGH WAYMAN, i) Chị Hằng là một chiếc tàu ma, kinh quá nhỉ?

WALTER DE LA MARE có viết hai câu thơ rất truyền-tụng:

*Slowly, silently, now the moon
Walks the night in her silver shoon.*

(SILVER)

(Chăm-rãi và yên lặng, bây giờ chị Hằng

Đi dạo đêm với đôi hài bạc).

Con gái mà đi đêm, không sợ dị-nghị sao, chị Nguyệt?

* BỮA ĂN NGON

Một bữa nọ Napoléon dự một tiệc lớn khao quân. Từ khi ngồi vào bàn tiệc tới lúc về Ngài không nói qua một tiếng. Trước khi mãn tiệc người ta thấy Ngài dùng những bột bánh mì viết lên bàn ăn hàng chữ:

^P_g—A a, loạn thế quan khách dự tiệc ai nấy đều lạ lùng ngạc nhiên cố tìm hiểu ý nghĩa hàng chữ đó, nhưng rồi cuộc một vị Quan hầu cận đành phải hỏi Napoléon. Ngài mỉm cười trả lời: « Các ông cứ đọc lên thì sẽ hiểu nghĩa, đó là: *J'ai soupé avec un grand appétit* » (Ta đã dự một bữa tiệc thịnh soạn)! *J'ai: g. soupé: sous P. un grand Appétit: A a)*

QUỐC-BẢO

TRUYỆN ẤN-ĐỘ



MẮT VÀNG

của LIÊN-NHỤY

MỘT thương-gia giàu có đi buôn bán ở một tỉnh xa nhà. Trên đường về, ông mang vàng bạc cả vốn lẫn lời trong một túi to bằng da.

Theo lệ thường, ông ghé vào một ngôi chùa bên đường để cầu nguyện. Quỳ trước tượng Phật, ông cúi đầu khấn vái sau khi cẩn thận đặt túi bạc bên cạnh mình. Đem hết bổ-đề-tâm đề niệm kinh, lúc đứng dậy ra về, ông quên lấy cái túi vàng.

Cách chùa không xa có một anh nông-dân cũng nhiệt thành với Phật-giáo. Ngày nào anh cũng qua Chùa lễ Phật. Hôm ấy, như mọi hôm anh đến quỳ trước Điện, ngay chỗ thương-gia kia đã quỳ lúc nãy. Niệm kinh xong anh toan ra về, bỗng trông thấy một cái túi to bằng da, có khóa cẩn thận, để ngay cạnh anh. Anh đoán biết trong đó đựng nhiều vàng bạc. Ngạc-nhiên rồi bàn-khoản, anh suy nghĩ :

— Ta phải làm thế nào đây ?

Lúc bấy giờ trong nhà chùa chẳng còn người nào. Thầy Trụ-tri và các tiểu đều đi vắng cả, Anh nông dân Phật-tử tự nhủ thầm :

— Nếu ta bảo với người làng rằng ta vừa tìm thấy một túi vàng chắc hẳn sẽ có người tham lam đến nhìn, mặc dầu không phải của họ.

Anh quyết-định giữ túi vàng

cho đến khi nào anh sẽ tìm được chính chủ của nó. Anh trở về nhà, cất kỹ túi vàng trong rương rồi đi mài mực tàu để viết một hàng chữ lớn dán ngay trước cửa: «Nếu người nào đánh mất một vật gì, có thể đến hỏi tại đây ».

Hàng chữ vừa trưng lên, có nhiều người đến hỏi của mất nhưng đều không phải là người đã bị mất túi vàng.

Trong khi ấy, thương-gia kia không nhớ rằng mình đã để quên túi vàng trong chùa. Anh trở lại các nhà quen ở thành phố mà anh đã ghé thăm, để hỏi mọi người hầu tìm lại túi vàng đã mất. Nhưng vô ích. Ông buồn rầu than thở một mình :

— Tiêu tan hết cả sự nghiệp của ta rồi ! Chỉ vì ta vô ý bỏ quên túi vàng không biết chỗ nào !

Ông trở lại Chùa để cầu-nguyện Phật, xin Phật độ cho ông tìm lại được túi vàng. Bấy giờ ông mới sực nhớ chính ông đã để quên túi vàng ngay trong Chùa, trước điện Phật.

Nhưng trong Chùa, túi vàng của ông không còn. Ông đến hỏi thầy Trụ-tri nhưng thầy trả lời chẳng hay biết gì đến việc đó cả. Lo lắng và thất vọng, ông ra khỏi Chùa và lại đi lang thang ngoài đường để xem có đánh rớt túi vàng chỗ nào không. Tinh cở, đi ngang qua cửa nhà người

mông-dân Phật-tử, ông trông thấy hàng chữ lớn trên tấm giấy dán nơi cửa. Ông vừa hỏi :

— Xin lỗi anh, anh là chủ nhà này ?

— Vâng, ông cần hỏi tôi điều gì ?

— Xin anh làm ơn cho tôi biết ai đã viết hàng chữ kia dán trên cửa nhà anh thế ?

Người nông - dân phật-tử giả-vờ bảo với thương-gia :

— Ở đây, người ta qua lại nhiều lắm, nhất là các phật-tử ở chùa làng. Họ gặp vật gì viết lên vật nấy, nghĩ điều gì viết ra điều nấy. Có lẽ ông đánh mất cái gì chăng ?

— Có ! Tôi đã đánh mất hết cả gia-sản của tôi.

— Nhưng đúng thực là cái gì ?

— Một cái túi da đựng vàng bạc, có khóa cần thận.

Rồi ông tả rõ cái túi da và cái khóa cho anh nông-dân phật tử nghe. Anh này đã tin chắc chắn rồi, bèn dẫn thương gia vào buồng và trao trả cái túi ! Thương gia rất ngạc-nhiên vì lòng liêm-chính của anh, bỗng nghĩ thầm : « Lạy Phật, thật tôi không xứng đáng có được cái túi vàng này tý nào. Người xứng đáng được nó phải là người nông-dân phật-tử này đây. » Nghĩ thế xong, ông bảo anh nông-dân :

— Anh à, của này vào tay anh xứng đáng hơn vào tay tôi. Tôi

xin biểu hết anh và xin cầu nguyện Trời Phật cho anh giữ lấy của này mãi mãi.

— Ô ! Sao thế, thưa ông ? Xin ông giữ lấy túi vàng của ông. Tôi không có quyền.

— Xin tặng hết anh. Tôi không xứng đáng giữ nó nữa vì tôi đã làm mất nó rồi.

Nói xong, thương gia để túi vàng lại, vội chạy ra đường.

Người nông-dân phật-tử thấy ông bỏ chạy, anh gọi mãi không được, liền chạy theo, la lên :

— Ăn cắp ! Ăn cắp ! Bắt lấy thằng ăn cắp kia !

Nghe tiếng la hoảng, người hàng xóm đồ ủa ra chạy theo chặn bắt được thương-gia. Rồi họ hỏi anh nông-dân phật-tử :

— Nó đã lấy của anh những gì !

— Đùng vậy, bà-con ơi ! Ông ta muốn lấy cắp danh-dự và lòng liêm-chính của tôi, hai điều mà tôi đã giữ gìn từ khi tôi theo Phật !

Anh kể lại đầu đuôi câu chuyện cho mọi người nghe. Khi đã hiểu rõ sự thật, tất cả mọi người đều buộc thương-gia phải giữ lấy túi vàng của ông.

LIÊN-NHUY

(Phỏng-dịch trong
« Contes du Moyen-Âge »)

« Ai Ân- Hột Vịt Lộn Không ? »

hay là : **PHƯƠNG THUỐC MỚI CŨ**

壽世靈單

c ũ a N I C H A N S

*

Bác-sĩ HOÀNG-MỘNG LƯƠNG

NGUỜI
xướng
minh phương
thuốc này là
Bác - sĩ Ni-
chans, hiện
nay ông hành
nghề tại thủ-
đô n ướ c
Thụy sĩ, ông
chuyên môn
dưỡng - lão.
Danh tiếng
ông được
nhiều người
biết. Phương
pháp dưỡng-
lão của ông
đại khái như
thế này: rút
tinh-chất ở
tạng - phủ
bào-thai, súc-
sanh để tiêm
cho người
già yếu, hay
là n g ư ời
kém sức c

khỏe sau một trận đau nặng,
sau khi bị giải-phẫu. Ở Thụy-sĩ,
dưỡng-đường tư thực Nichans khi
nào cũng đầy khách-hàng. Phần
nhiều là những người giàu-có, cao-
niên, nam và nữ, ở tứ-phương đến.
Khách hàng của ông là người già
yếu, chứ không có bệnh gì. Bộ máy
nhơn-thể khi đã xài bảy tám mươi
năm, tuy không hư hỏng gì nhưng
các tế-bào mòn-mỏi: da mồi, tóc
sương, thịt mềm, gối mỏi, tai nặng,
mắt lòa... đây là thần chủ của ông.
Còn ra, cũng có một hạng khách
hàng nữa, là các cụ non, tuổi chưa
cao mà sức đã kém. Phương-pháp
dưỡng lão của Nichans được y
giới chú ý và được giới Thiên-chúa-
Giáo chú-ý nhờ một duyên cớ may
mắn: số là mấy năm về trước đây
Đức Giáo-Hoàng Pi XI ở Vatican
đau nặng, nhờ ông chữa trị, thánh
thể được bình an; tiếp đó ông Thủ
Tướng Đức-quốc Adenauer cũng
yếu sức nhờ ông điều dưỡng một độ
thì sức-khỏe được phục, hồi l Từ đó,
tiếng ông nổi lên khắp « tứ hải ngũ
châu ».



Bây giờ ta thử củ soát lại các phương-pháp mà y học đã dùng để dưỡng lão, (dưỡng lão chứ không phải làm cho trường sinh bất-tử, cũng không phải cái lão hoàn-đồng). Các phương-pháp ấy là: 1° dùng dái (ngoại thận) khi đột chấp ghép cho dái các cụ, cha đẻ của nó là Voronoff; nó cũng như hoa hồng, sớm nở tối tàn, nay ít người nhớ đến; 2° tiếp đó là phương-pháp của Bologometz hay là của Bardach, hai nhà bác học này dùng tế-bào của tấu-lý (tissu endothélium — réticulaire) làm ra thể bột khô, rồi tiêm vào cho người yếu. Bây giờ, thứ thuốc dưỡng lão này gần như ít ai nghĩ đến, nó phải nhường chỗ cho Phương-pháp Fitzkow: 3° một độ ở Việt-nam, thành-thị và bưng-biên nó nức dùng Tử-hà-X: siro nhau, cấy nhau tiêm nhau. Hiện nay, người ta hồ hững với môn thuốc ấy rồi. Kế đến ngày nay là Phương-pháp Nichans. Phương-pháp này rất tỉ-mỷ, rất tế-nhị nó không giản tiện như cấy nhau đâu. Bệnh-nhơn phải được khám xét tại. dưỡng đường rất kỹ-càng; được khám nghiệm qua các phòng khám - nghiệm rất châu-đáo... xong rồi mới được tiêm tinh-chất của bào-thai. Phải một tổ chức đại qui-mô mới xuất sản ra tinh-chất tạng phủ lấy ở bào thai.

Độc giả cứ ý-thức một khu vườn rộng 5 mẫu tây, trong ấy có một bãi cỏ hay là một bãi cừu, còn nào cũng đã được lựa chọn kỹ lưỡng, xóc vác, mạnh khỏe; chúng

được chăm nom rất châu đáo về cỏ ăn, nước uống; có những chuyên-viên thường xuyên phục vụ cho chúng. Trong bãi cỏ, có những con cái đậu thài. Những thài sẵn-sàng phục-vụ cho y-học. Trong trường hợp cần thêm sức của buồn phổi, hay là của quả tim cho 1 người yếu phổi hay yếu tim, thì người ta mổ liền một con vật cái, lấy thai-sanh của nó, mổ thài sanh ra, lấy buồn phổi hay là quả tim, rồi rút tinh chất của phổi hay tim ấy mà tiêm vào cho lão-nhơn. Lâu khí quả tim của thai-sanh còn đẹp phạp phồng trên bàn giải phẫu.

Tinh-chất của phủ-tạng thai sanh chứa đựng những kích-thích-tố; thêm món này vào cơ thể lão-nhơn, thì các tế bào già được xúc động làm cho con người được tráng kiện lên.

★ LẤY CÚ LÀM MỚI.

Phương-thang của Nichans được đặc dụng bên Âu-Châu trong xã-hội những người phú quý, người ta cho là mới mẻ. Còn ở bên đông-phương, ở các nước thuộc văn minh chữ Hán, nhứt là ở Việt-Nam, từ người giàu sang đến kẻ kinh-tế yếu (les économiquement faibles) ai cũng biết ăn trụng lợn hay là thảy ăn trụng gà-lợn, trụng vịt lợn, tiết canh lòng vịt, tiết canh lòng ngỗng, tiết canh mộc-tôn... Nếu chưa dùng đến, thì nhiều người cũng biết được-tánh của lộc-hàng-nam, khuyển hàng nam, dương hàng nam. Nhiều nhà giàu có vẫn dùng nhung-lộc, vẫn dùng bồ-câu ra ràng, dùng yến sào. Như vậy, phương pháp dưỡng lão cổ-hữu, ta đã có sẵn; tây

phương này khai thác nó, khai thác với đường-lối phân-chất tinh-vi, với sự tác dụng tỉ-mỉ; phương pháp của NICHANS ngày nay đặc dụng ở Tây-âu; ngày mai nó sẽ ra sao? Cái đó thời gian sẽ trả lời cho ta. Tây-y thiên về phân-chất, Hán-y, thiên về hợp chất: trong những phương thuốc đường-lối của Hán-y như Đại-Tạo-hoàn, như Đại-bổ-hoàn, người ta dùng những kích-thích-tổ của dược-thảo và của sanh vật, các vị phối hợp lại cung cấp cho thân thể nhiều sinh phẩm hơn, tôi chưa nói tới công năng « quân, thần, tá, sứ » của phương thang Hán-y.

Giữ sức-khỏe bình thường khi cao tuổi, còn phải biết những đề phòng khi còn trai tráng, những đề phòng ấy thuộc về trí dục, đức dục, thể dục; nó còn lệ thuộc đến trình-trạng kinh-tế mọi người nữa: còn ăn không no, bận không ấm, ở không

đủ tối thiểu tiện nghi... khó bề đường lối.



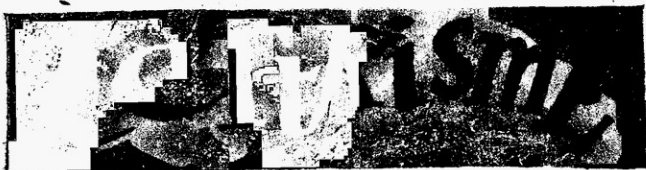
Tại sao có chữ « Mối Cũ » trong nhan đề bài này? Số là bạn Nguyễn-Vỹ có yêu cầu tôi viết cho độc giả của Phê-Thông một bài về đông-tây-y. Vị tình tri-kỷ, tôi không thể từ nản, nhưng tôi rất lúng túng về sự lựa chọn đầu-đề. Trong khi lúng túng, trong lúc củ soát tư tưởng, bới đào trong A-lợi-gia-thức để tìm kiếm một đề-tài vui và có ích thì thoát nhiên tôi nghe rao ngoài lộ « Ai * ăn trứng vịt lộn? Trứng vịt lộn mới ra lò, ai ăn? » Tức thì tôi nghĩ đến các kích thích-tổ của bào thai, rồi từ đó nghĩ đến phương pháp trị-liệu của NICHANS. Phương pháp này là một tượng-trưng của sự gặp gỡ tây-y và đông-y. Còn nhiều gặp gỡ nữa, ước ao rằng các bạn độc-giả sẽ sưu tầm và sẽ chỉ giáo cho.

★ ROCK - N' - ROLL

— Điện nhảy « Rock and Roll » dầm dật cuồng loạn lan tràn từ Mỹ qua Anh, Hòa-Lan rồi tới Pháp. Nửa đêm giữa tuyết lạnh từng đoàn thanh niên nam nữ theo Badio quay cuồng nhảy múa la hét giữa đường phố Ba-Lê khiến người quanh phố mất ngủ bức tức, có nhiều bà mẹ đồ nước lạnh lên đầu họ hoặc liệng bơ, pho mát vào bọn kỹ nữ. Sau cùng Cảnh-Bình phải can thiệp giải tán. Badio bị ra tòa vì tội làm náo động thành phố giữa đêm.

Trước mặt ông chánh án Badio tỏ vẻ hối hận y nói: « Tôi thành thật hối hận vì hành động gây rối nhưng xin Tòa hiền cho rằng đó là tôi bị âm nhạc lôi cuốn. Tôi xin cam đoan chắc với Tòa rằng nếu bây giờ bản nhạc đó trôi lên, thì quý ngài cũng sẽ phải rời ghế ngay mà cùng tôi quay múa! »

Q. B.



NHỚ khi thơ lục bát vừa được nâng lên hàng quốc phong, có một số nho sĩ không mấy bằng lòng. Là vì họ suy nghĩ: cái mà mọi người gọi là quốc hồn quốc túy kia, ít ra, vẫn phải do một ngọn gió nào đưa đến. Và ngọn gió tinh hoa ấy, dù muốn dù không, vẫn phải từ Trung quốc thổi sang. Sau nhiều công phu họ tìm được hai câu lục bát duy nhất, viết bằng chữ Hán:

*Lục tam: hạm - chương khả
trinh.*

*Hoặc tùng vương đạo; vô thành
hữu chung.*

(Kính Dịch)

Và:

*«Đế vị: Thái Xác hữu công
Sử chi tùng tự - Triết lộng
miếu đường»
(Tổng sử)*

Với hai câu trên, người xưa đã vũ đoán: thể lục bát sở dĩ phong phú vì được mạnh nha từ văn điệu thơ Tàu. Câu chuyện ấy ngày nay hầu thành... cổ tích, nhưng mỗi khi nhắc đến, lòng ai không khỏi ngậm ngùi...

DẤU BÍ

PHÂN SẢN

Từ Tây học sang-mùa, lớp thanh-niên lại một lần si mê hoa lạ, đua nhau cảm nghĩ như những thiên tài phương xa. Ảnh hưởng rộng rãi nhất có lẽ là Charles Baudelaire, con người hào hoa mà vào năm 1857, đã bị Tòa tuyên phạt 300 francs về tội làm ... thi sĩ! Và hoa hoãn ngâm lại câu thơ Huy Cận:

*«Thâu trong cái ngập dài vô hạn
Hình ảnh lung linh vũ trụ
tàn...»*

Ta khó lòng không nhớ đến một Pierre Reverdy:

*«Le monde rentre dans un sac»
hoặc:*

*«Le jour s'est déplié comme
une nappe blanche»*

Dù mãi đến bây giờ, Huy Cận đã đọc hay chưa đọc Reverdy, sự liên tưởng trên vẫn mang lại cho tâm hồn giây phút sáng khoái... Ôi! biết làm sao khi hiền nhiên đây là một bệnh hoạn của con người?

★

Vừa qua, văn học Pháp lại xuất hiện một thi phái mới mẻ, gọi là « Lettrisme », do Henri Pichette đề xướng. Nhà thơ trẻ tuổi này bao lần gào thét: *thơ là một loại súng chống lại thói quen*. (*La poésie est une salve contre l'habitude*). Sự thực, Henri Pichette nhiều khi quá khắt khở trước những đòi đoạn tâm tình. Nhưng ông vẫn không cất nghĩ nổi, « vì sao bài thơ là một cuộc xung đột của huyết hệ mà người thơ chính là nạn nhân đắc thắng? » (*Comment expliquer que tout poème est un conflit sanguin dont tout poète est la victime victorieuse* ?) Dù sao, môn phái « lettrisme » cũng đã nổi, và đã làm... thơ :

Les oiseaux

E-popopoi popoi, popopopoi popoi.

Trioto, trioto, tolobrix...

Kikkabaii kikkabaii

Torotoro — torolililix!

Một đoạn khác :

Danse de lutins

(*Accelerando, crescendo*)

I

Dolce ; dolce.

*Yadse folce
Dolce ; dolce.
Yoli, deline*

II

*Yulce, Yulce
Youdouli, dulce,
Yulce, yulce
Kzill odaline*

III

*Jalce, jalce
Yahanti galce,
Jalce, jalce
Blouzi psiline*

(Trích Tập-chí « Fontalne »)

Đọc một bài thơ « lettrisme » trên kia không một ai dám quả quyết rằng, trong lúc hứng thú, thi nhân đã dùng tiếng Anh tiếng Pháp hay tiếng Ấn độ? Và dưới bài không cần ký Henri Pichette mà có thể ký một tên gì cũng được! Vì mấy ai ép một thi sĩ dùng điển, nhưng cũng khó lòng phân biệt được, khi một người điển lạm xưng là thi sĩ.

Điều đáng ngại là nhiều báo hiệu một ngày kia, trên mảnh đất nghìn năm văn vật này, sẽ có những tài hoa làm thơ trên căn-bản... « lettrisme »! Nghề thuật tới đây sẽ còn gì? Không còn gì hết! Trên đường phiêu lưu, bạn trẻ chúng ta chỉ là kẻ hành nhân trong đêm tối vô cùng nguy hiểm.

« Thi sĩ ôi! người đang đứng trước một nguy-cơ, còi chuông kéo vấp!

HOÀNG-TRÚC-LY

TÌM HIỂU THÊM VỀ LOẠI THƠ LETTRISME

CỦA CÔ DIỆU-HUYỀN

Bạn Hoàng-Trúc-Ly, nhận xét về loại thơ « Lettrisme », cho rằng đó là một nguy-cơ, nhận xét ấy rất đúng. Nhân tiện đây, tôi muốn được góp thêm vài ý-kiến về loại « thơ » ấy, để bạn đọc PHỒ-THÔNG có một ý-niệm rõ-rệt hơn nữa về phái « thơ » này, và tại sao nó có.

Xét đúng ra, loại « thơ » lettrisme khởi thủy từ năm 1945, ngay sau khi nước Pháp được giải-phóng. Dân-chúng Pháp lúc bấy giờ đang như hoan-lạc say-sưa vì Chiến-thắng, nên tâm-hồn người ta bị bóp chặt trong uất-hận mấy năm trường dưới bàn tay sắt của quân thù, bỗng được cởi mở ra và trở nên hoàn-toàn phóng-dãng.

Tiếng chuông nhà thờ rền vang đêm ngày, reo mừng cuộc Đại Hồi Sinh của Toàn-quốc, dội vào lòng người dế-mê xáo-động, khiến cho một chàng thanh-niên vẫn là Thi-sĩ, bị xúc-cảm quá mạnh không còn biết dùng chữ gì nữa để diễn-tả được nỗi lòng xao xuyến hoan-mê, nên lấy bút ghi trên giấy tiếng chuông Nhà-thờ mà chàng nghe vang-dội như sau đây :

*Ferg, fier, foug, fobergue,
Jar, jointe, joug, jobergue,
Gagoal, gagint, gogal,
Piginne, Ringine, inguinne,
Roigall,*

*Calmétiodall,
• CalmétiodaM...
Cathedraal, dagallall,
Fal, galatine, Linne,
Siatéline,
Fal, coatégoal,
Touff — toxine !
Touff — toxine !
Glatignall, montyggall,
Plamigall, plamigall !...
Gong, Galigolon, galtgolon.
Tdjong, coloholon, holocolon,
Bloum, toubicouloum !
Coom !...*

Chàng thanh-niên đã chép ra bài « thơ » trên đề là « TIẾNG CHUÔNG NHÀ-THỜ MỚI » như tôi đã nói, là một « nhà thơ » trẻ tuổi, hơi loạn-óc. Tên chàng là ISIDORE ISOU, người đầu-tiên đã xướng ra lối thơ « Lettrisme » Năm 1948, ISIDORE ISOU có xuất-bản một tập thơ đầu của y, với một bài phi-lộ, đề là :

« Introduction à une nouvelle poésie et à une nouvelle musique »

Trong bài phi-lộ mở đầu ấy ISIDORE ISOU có giảng, giải chữ « lettrisme », là lấy « chữ » (lettres : A, b, c) để làm thành thanh-âm của thơ, chứ không cần lấy danh-từ (mot) để ghép thành câu thơ : « Isidore Isou commence la destruction des mots par les lettres. Il s'agit de faire comprendre que les lettres ont une autre destination que les

mots. Isou défera les mots en leurs lettres, Chaque poète intégrera tout en tout. Il faut révéler le tout par les lettres... »

(Isidore Isou khởi sự lấy chữ để tiêu-diệt danh-từ. Cốt đề cho người ta hiểu rằng chữ có tác-dụng lợi-ích hơn là danh-từ. Isou tách chữ ra khỏi danh-từ. Mỗi nhà-thơ sẽ lược những chữ ấy kết lại thành mọi sự-vật. Phải dùng chữ để diễn-đạt mọi sự vật). Đó là bản tuyên-ngôn của Isidore Isou, thủ-lãnh môn-phái « lettriste ». Isidore Isou đã kết luận bản phi-lô bằng một câu :

« Que ceux qui ne peuvent quitter les mots, en restent là ! » (Ai không từ bỏ được danh-từ, thì đừng tiến tới nữa !) Đọc lại bài thơ trên các bạn chắc đã phải mỉm cười mà ngạc-nhiên về lối « thơ » lạ-lùng ấy, mà không ai hiểu hết, mà ai cũng hiểu được !

Phương-pháp dùng chữ (Letter) để làm thơ, ISIDORE ISOU đã đặt ra một cái tên để gọi nó, tức là *Lettrie*, do đó mà gọi là *Lettrisme*.

Nhưng ISIDORE ISOU cố tìm cho lối « thơ » của y một căn-bản nghệ-thuật, căn-bản ấy đã được y thuyết minh như sau đây : « Thơ phải diễn bằng âm-thanh, hơn là bằng danh-từ. Âm-thanh của chữ, không cần phải ngữ-vựng, vì mỗi sự vật có một âm-thanh riêng, không thể dùng một ngữ-vựng ước-định (un vocabulaire conventionnel) để mà gọi ra một nhạc thơ. »

Đi sâu vào tư-tưởng của ISIDORE ISOU, chúng ta có thể nhận xét rằng nếu Thơ thuần-túy (*Poésie Pure*) có hai trạng-thái đối-chiếu nhau, hay là hai thái-cực, một là trạng-thái khoáng-đại (*l'implique*), hai là trạng-thái sắc bén (*le ciselant*), cái trên là trữ-tình ngoại cực, (*le lyrisme extérieur*) trữ-tình lòng-biện như thơ của Victor Hugo chẳng hạn, cái dưới là trữ-tình nội-tâm, nghĩa là trữ-tình suy-tưởng trầm-mặc, thí dụ như thơ của MALLARMÉ, thì ở đây, ISIDORE ISOU nghịch hẳn với hai thái-cực mà tạo ra lối « thơ » trữ-tình của âm-thanh (*le lyrisme du son*).

Đó là nguyên-thủy lý-thuyết của phái thơ Lettrisme. Nó vừa là thơ mà không phải thơ, vừa là nhạc mà không phải nhạc, cho nên ISIDORE ISOU gọi nó là một nhạc mới và một thơ mới.

Xét sâu vào nữa, thì ISIDORE ISOU có phần chịu ảnh-hưởng của Đại Nhạc-sĩ CLAUDE DEBUSSY (1862-1918), mà chắc các bạn đã biết là một Nhạc-sĩ thiên-tài lòng danh-thế-giới vì chủ-trương lối nhạc Thiên-nhiên-chống lại nhạc ước-định (*musique conventionnelle*) mà chúng ta vẫn nghe hằng ngày, cho đến đã nhàm tai.

Những nhạc-khúc của DEBUSSY, như là bản *Le Prélude à l'après-midi d'un faune* viết ra tặng Thi-sĩ Mallarmé, trong chúng ta ai đã được nghe một lần thì đều nhận thấy rằng đó là

lời xuất phát do ngay ở Thiên-nhiên mà ra. Nghĩa là vừa ngẫu phát (spontané) vừa gần như vô-tình, không phải do người sáng-tác mà do Thiên-nhiên sáng-tạo trong người.

Cùng một ảnh hưởng ấy, bên phái hội-họa đã nảy ra một kỳ tài : *Pablo Picasso*. Nhưng khác một điều nho-nhỏ mà thành ra khác xa, là Nhạc-sĩ *CLAUDE DEBUSSY* đã thành công trên lĩnh vực âm-nhạc — thành-công rực-rỡ, say-mê, và *PABLO PICASSO* vì quá thiên về những khía-cạnh tâm-lý nên đã thành ra thô-kịch, nhiều khi lại còn mất hẳn tinh-chất Thiên-nhiên của sự vật nữa. Còn *ISIDORE ISOU*, không phải là một Thiên-tài Thi-văn, mà muốn lột bỏ hết cả hồn thơ, cả ý thơ, cả xúc-cảm lý-trí (émotivité rationnelle de la poésie) để dồn hết âm-thơ vào lỗ tai mà thôi.

Chỉ có xúc-cảm rất ít, nhưng xúc-cảm ấy cũng là phi-lý-trí (irrationnelle) !

Tuy nhiên, lối « thơ » của *ISOU* vẫn có một số người làm theo và được tôn lên làm một môn phái ấn tượng (*Ecole impressionniste*) như *DEBUSSY* bên Âm-nhạc, và *PICASSO* bên Hội họa vậy !

Cho nên, tôi đồng-ý với bạn **Hoàng-Trúc-Lý** mà cho rằng đó là một nguy-biến của Thơ. Hay là nói chơi chữ cho vui, thì gọi là một nguy-biến của Thơ cũng được vậy ! Nhưng chúng ta không đến nỗi phải lo ngại nhiều cho Thi-ca Việt-nam, bởi vì ngay ở bên Pháp mặc dầu thơ « *Lettres* » của *ISIDORE ISOU* đến nay vẫn còn có đôi kẻ ham mê, cũng đã phá-sản rồi. Và đó cũng là nhận xét chung của các nhà phê-bình chân chính của Văn-học Pháp hiện đại. **DIỆU-HUYỀN**

★ CON TRAI PICASSO

Họa-sĩ Y-pha-nhò *Pablo Picasso* sống ở Pháp, đã lừng danh khắp Thế-giới vì những bức tranh vẽ rất khó hiểu của ông. Người không ưa nhất những tranh ấy lại chính là cậu con trai 9 tuổi của ông. Một hôm, một nhà báo đến viếng Họa-sĩ, lại gặp ngay cậu con trai đang nguệch - ngoạc những nét vẽ kỳ-cục không có ý nghĩa gì hết, trên một tấm carton. Nhà báo hỏi : « Cậu vẽ cái gì kỳ cục vậy, cậu ? » Con trai Picasso nháy mắt cười hóm hĩnh nói thầm với nhà báo : « Tôi vẽ bỗ-láo như thế đấy để chọc nĩa tôi đổ lại Ba tôi xem là cái gì ! » Một lúc Picasso ra. Cậu bé hỏi : « Nếu Ba nói đúng là con vẽ cái gì đấy thì Ba mới thật là nhà Họa-sĩ có tài ! » Picasso đứng ngó bức vẽ một lúc không trả lời được. Cậu bé liền nhún vai cười : « Thế thì con đấy mới thật là Họa-sĩ có tài hơn Ba ! ».

BA - TÈO

NƯỚC MẮT

Bà THU-VÂN



NƯỚC mắt là một thứ nước trong trong mẩn mẩn, chảy ra do hai lỗ nhỏ ở hai bên khóe mắt, mỗi khi thần kinh hệ bị kích thích, thường thì bởi một cảm giác buồn.

Đó là một thứ nước vừa hết sức thông thường, vừa hết sức khan hiếm trên cõi thế gian này: Khan hiếm vì lẽ không có ai tích trữ nước mắt để dành từng lu, từng hũ, nên lâm khi cần đến, muốn tìm độ một chung đê thi nghiệm, cũng khó tìm; thông thường bởi lẽ trong tất cả chúng ta, dầu già, trẻ, bé lớn, ai ai cũng đều có dịp trông thấy nước mắt, hoặc của mình, hoặc của người, ít nhất là một vài bận.

Đức phật THÍCH CA xưa kia có nói :

« Nước mắt của chúng sanh trong ba ngàn thế giới còn nhiều hơn bốn bề đại dương ». Mà loài

người là đứng đầu trong chúng sanh. Ngài nói thế thì hẳn là chúng ta phải khóc nhiều lắm ! Người ta còn nhận thấy có nhiều loại nước mắt. Có thứ « nước mắt buồn » mà cũng có thứ « nước mắt vui tức là nước mắt mừng ».

Vì dụ bạn khóc vì thương nhớ một người thân yêu đi biệt tin đã nhiều năm, nay thốt nhiên người ấy trở về trong lúc bất ngờ, thì nỗi mừng ấy cũng có thể làm cho bạn « lệ dâng ». Đó tức là nước mắt mừng, chảy ra do một mối cảm xúc mạnh.

Ngoài ra, người ta còn phân biệt nhiều loại nước mắt khác nữa. Ví dụ : Nước mắt sầu tủi, nước mắt thương tiếc, nước mắt hối hận, nước mắt căm-sầu, nước mắt gùng, và gần đây người ta vừa phát minh ra được một thứ nước mắt mới, tức là « nước mắt hạm ».

Đem phân chất ra, có lẽ các thứ nước mắt kể trên phân chất cũng có phần khác nhau, chẳng thể mà người ta đang cố tìm một ít mẫu nước mắt buồn của người lớn để thí nghiệm mà tìm cũng chưa ra, các mẫu nước mắt người ta hiện có đều là nước mắt trẻ con cả.

Hiện nay người ta được biết nước mắt có chứa nhiều chất Lysozyme, một chất hóa hợp có tánh cách sát trùng rất mạnh, mạnh cho đến nỗi đem pha ra sáu triệu lần nước, nó vẫn còn đủ sức giết một vài loại vi trùng ở trong không khí. Chất này cũng do Sir Alexander Flemming, cha đẻ của penicilline phát minh ra. Nhờ tính chất sát trùng ấy nên khi ta bị bụi hay một vật dơ làm cay xốn mắt, đang khi ấy nếu ta có thể nào làm cho chảy ra dạng một chất nước mắt, là thấy hết xốn ngay. Bởi vậy nước mắt là một thứ thuốc khử độc thiên nhiên cho cặp mắt của chúng ta.

Nhưng... ngàn ấy đều nhận xét vẫn chưa giải nổi điểm thắc mắc của chúng ta: Tại sao Đàn bà hay khóc hơn Đàn ông?

Ai cũng phải công nhận điều ấy là có thật.

Người ta có chủ ý nhận xét thì thấy đàn ông đứng trước những sự đau khổ tột bậc, hoặc những sự hiểm nghèo nguy cấp, thường có nhiều triệu chứng khác nhau, ví dụ như ngất xỉu, run rẩy, mặt tái, mắt đỏ, miệng khô,...

Đem phân chất ra, có lẽ các thứ nước mắt kể trên phân chất cũng có phần khác nhau, chẳng thể mà người ta đang cố tìm một ít mẫu nước mắt buồn của người lớn để thí nghiệm mà tìm cũng chưa ra, các mẫu nước mắt người ta hiện có đều là nước mắt trẻ con cả.

Còn đàn bà, lâm vào trường hợp trên thì mười người khóc đủ cả mười. Nhứt là các cô thiếu nữ hay mơ-mộng, nhiều khi một nỗi nhớ nhung man mác, cũng đủ làm cho họ khóc rồi.

Tại sao vậy?

Nếu ta khảo xét về phương diện «anatomie humaine» (khoa giải phẫu), và thử đem đo lại hai bộ xương sọ của người đàn ông và người đàn bà, thì ta sẽ thấy kẻ bên sống mũi có hai lỗ nhỏ, đo đó ống dẫn nước mắt thông ra ngoài, và quai lạ thay lỗ ấy bên phía đàn bà lại lớn hơn bên sọ đàn ông. Không hiểu tạo hóa đã sanh ra như thế để cho đàn bà có phương tiện khóc nhiều hơn đàn ông, hay tại vì trong suốt đời người đàn bà ấy, vì khóc nhiều quá, làm cho nước chảy đã mòn, cho nên lỗ nước mắt mới rộng thêm ra!

Một điều chắc chắn là khi nước mắt chảy ra dạng tức là cơn khủng hoảng đã vượt quá, nỗi đau khổ đã vượt đi một phần nào. Khi ta buồn cảm giác buồn làm cho máu chảy chậm lại. Trái lại khi ta khóc, sức mạch-áp-động tăng gia, tức là khi cơ thể ta đã bắt đầu vương dậy, để thắng cái nỗi buồn đang đè nén nó, và đem lại cho ta một cảm giác khoan khoái, gần như giải thoát.

Người ta kể truyện hai người

mất vợ, cũng trong một tai nạn xe hơi.

Anh thứ nhứt khóc kể thôi như suốt cả trong mấy ngày liền, rồi sau khi chôn vợ xong, anh có thể trở lại cuộc sống bình thường của anh, và có thể nhắc đến vợ một cách bình tĩnh, tuy cũng buồn song không đến nỗi nào.

Anh thứ nhì không khóc được một nào, mất ráo hoảng, lơ đãng như người mất hồn. Ba hôm sau khi chôn vợ rồi, anh ta thỉnh thoảng lén đứng ra rồi phát đau luôn cả tháng. Người ta nghiệm thấy sự đau khổ của anh trước tuy phũ phàng nhưng nặng cạn hơn nỗi đau khổ của anh sau bị đè nén kềm hãm nên trở thành tai hại hơn.



Nhưng... Tại sao đàn bà lại hay khóc hơn đàn ông ?

Người ta sẽ bảo : « Tại vì đàn bà giàu tình cảm hơn đàn ông » ; Cũng có lẽ, song nếu ta thử đem lại số thi-sĩ trên thế giới và ngay trong xứ Việt-Nam, thì ta lại lấy làm lạ mà thấy phái mạnh chiếm đa số.

Có người bảo rằng tại nền giáo dục cận kim tập cho đàn ông có thói quen đè nén tình cảm của họ. Ông bà ta khi xưa

khóc một cách tự nhiên hơn chúng ta bây giờ nhiều, và có vì anh hùng, danh tướng ngày xưa càng khóc nhiều hơn ai mà không hề bị người ta cười là « đàn bà ». Chính ông Lưu-Bị đời Tam-Quốc là người hay khóc nhứt, khóc còn để tiếng đến đời nay, hề ai khóc nhiều thì người ta nói « khóc như Lưu-Bị » ; ông ta có vì thế mà kém về anh hùng đâu ? Trái lại ông ta làm nên sự nghiệp xưng bá đồ vương có lẽ cũng một phần là nhờ ở như cái tật hay khóc của ông ta đó.

Còn ở trong thời đại chúng ta, một thiếu niên hay khóc sẽ được coi như là một cái quái vật. Trong đám táng một người bạn thân mến, các bạn gái cứ việc tự do để cho suối lệ tha hồ chảy trước mặt mọi người, còn các bạn trai, nếu có anh nào mũi lòng, đã vội quay đi quệt lên nước mắt. Thường thì đàn ông không thích để cho người ta thấy họ khóc. Họ muốn tỏ cho phái yếu biết rằng họ là người có tâm hồn cứng cỏi, giàu tự chủ chứ không phải hạng người mọt ướt như ai, không kềm chế nổi lòng mình.

Cái tâm lý chung ấy của giới nam nhi, người ta đổ thừa cho phương pháp giáo dục của các ông cha bà mẹ. Ví dụ :

Chú Hùng là con trai. Năm nay chú lên sáu, chạy chơi lỡ té trầy đầu gối, chú khóc. Mẹ chú sẽ đỡ

chú dậy và nói « Nin đi con
kéo con Hoa nó cười bây giờ ! Nó
nói con trai gì mà dở tệ, mít
uớt như con gái ! » Ấy thế rồi
chú Hùng cứ tưởng làm thân con
trai mà khóc là dở, rồi chú tập
nín để cho con Hoa nó khỏi cười,
và để vừa lòng mẹ chú, rồi chú
nín thét thành quen đi, đến
chừng chú khôn lớn, lỡ chú có
vấp ngã trong đường đời, chú
cũng sẽ vì thói quen mà nín luôn
chứ không khóc, mặc dầu nhiều
khi chú cũng muốn khóc hết sức !

Trải qua nhiều thế hệ, tri não
người đàn ông đã in sâu thành
kiến : nước mắt là đồ phụ tùng
của đàn bà, ví dụ như son phấn
chẳng hạn, đàn ông không nên
dùng đến kéo bị chúng bạn chế
cười.

Còn em Hoa là con gái ; em
cũng lên sáu, nếu em rủ ro có
vấp té, má em sẽ đỡ em dậy, xoa
chỗ đau cho em, và dỗ dành em.
Em muốn khóc bao nhiêu má em
cũng cứ để em được tự do chờ
không bao giờ chế nhạo em hay
chê cười em. Thế rồi, em Hoa in
trí rằng làm thân con gái thì em
được quyền khóc, và em nhận
thấy khóc như thế sẽ làm cho mẹ
em dỗ dành âu yếm em, bởi vậy
em cứ khóc tràn đi. Đến khi lớn
lên, mỗi khi em lỡ vấp té trong
trường tình hay trên đường đời,
thì vì thói quen, vì trực giác, em
sẽ cũng lại khóc nữa, để được vỗ
về và được âu yếm.

Có lẽ đều nhận xét trên đây là

đúng đấy phải không thừa các
bạn ?

Một điều chắc chắn là các nhà
tâm lý học đều công nhận rằng :
Đàn ông ngày nay sẽ được khỏe
mạnh và ít mắc các chứng bệnh
thần kinh hơn, nếu họ chịu khó
thỉnh thoảng ráng khóc một đôi
khi. Nước mắt khi chảy ra đáng
có công hiệu làm êm dịu cân
não. Bởi thế nên sau khi khóc
được nhiều, người ta thường
hay ngủ thiếp đi lúc nào không
hay. Đến khi tỉnh dậy, vấn đề
đã giải quyết được phần nào,
và ta sẽ lấy làm lạ mà thấy
trong người nhẹ nhõm đi.

Vì vậy, chúng tôi xin mạn
phép khuyên các anh cũng nên
vi sức khỏe, vì luật thiên nhiên,
tập khóc lại đi là vừa. Mỗi khi
có điều gì buồn, khuyên các anh
cứ việc khóc đại đi, khỏi cần
giữ gìn, khỏi cần e-thẹn gì cả,
rồi các anh sẽ thấy sự thần hiệu
của nước mắt.

Musset há đã chẳng bảo :

... « Pour mûrir, les épis ont
besoin de rosée »

« Pour vivre et pour mourir
l'homme a besoin de pleurs »

Xin thoát dịch :

« Bông lúa chín hỡi còn nhờ
sương sáng.

« Muốn cảm thông người há
quần lệ sa... »

(Blaiz 53)



BIN có đôi lời thanh minh cùng chư quý nữ độc-giả của tạp-chi **PHỔ-THÔNG**.

Tôi hết sức ái ngại việc đảm nhận phụ trách mục gia chánh này; vì lẽ tài rất sơ, e những điều hiểu biết của tôi không có chi là mới lạ.

Lãnh công-tác thì phải làm cho hết lòng, nên tôi dần do ngại ngùng mãi; nhưng tôi lại có ý nghĩ, nếu muốn góp sức cho xã hội phần nào mình phải mạnh bạo vượt qua mọi trở lực khó khăn. Huống chi đây tôi chỉ có ý nguyện giúp một phần nhỏ mọn cho một số các bạn gái ưa thích nghệ-thuật nấu bếp, và muốn dọn những bữa cơm ngon lành trong gia đình.

Tôi cố gắng đem những điều hiểu biết biên ra cần thận cho chị em nào chưa làm qua món ấy, sẽ thực hành và coi kỹ, sử dụng đúng nguyên tắc, thì được thành công ngay.

Mỗi kỳ, tôi sẽ lần lượt thảo ra một món đồ ăn Việt-Nam, hoặc

MÓN ĂN PHỔ-THÔNG

★
Bà THƯỜNG-LẠC

Tây, hoặc Tàu rồi kỳ sau 1. món bánh, hay là mứt, tùy theo khả năng và kinh-nghiệm của tôi. Không phải là những cao lương mỹ vị, mà chỉ là những món ăn thông thường của các gia đình Việt-Nam.

Nếu có chi sơ sót, dám mong quý bà qui có chỉ-bảo thêm cho. Vạn tạ.

★

Măng tây nấu cua :

Hai con cua cho chặt, vừa chớ đừng nhỏ quá.

Một hộp măng tây cỡ nhì, (không phải hộp lớn).

200 gr. xương heo để nấu nước lèo.

2 hột gà, 3 muỗng bột năng (muỗng cháo).

1 củ hành tây, chừng 4, 5 tép tỏi. Hành ngò.

★

Cách nấu,

xin theo đúng sau đây :

Cua luộc chín, rĩa cho kỹ đừng cho sót vỏ, vắt bớt nước trong cua ra; xương heo rửa sạch bắt son nước thả xương vô, chừng sôi hớt bọt cho kỹ,

đựng để lộn bột nước đục đi.
(Đổ chừng 6 tô nước) sắc xuống
còn 5 tô là được; vớt xương ra
lọc nước cho trong.

Đập tỏi xắt củ hành, bắt chảo
lên cho nóng để vào chừng 3
muỗng mỡ, để hành tỏi vào rán
cho săn, rồi sẽ để cua vào xào đều
để nước mắm tiêu vô cho vừa ăn,
xúc đồ vỏ nước lèo, măng tây

đoạn khúc chừng nửa lòng tay
bỏ nước để vào sơn nước lèo nấu
trên bếp lửa cho sôi lại, đánh
2 cái bột gà cho đều; bột pha
nước vào cho loãng từ từ để vào
măng đang sôi sơ nhẹ cho đều tay
kéo óc trâu rồi bột gà cũng làm
thế, nhất xuống nêm, nêm cho
vừa, để chừng 1 muỗng nhỏ
đường cát, để hành ngò, sẽ dọn
lên.

★ NỔC-AO (KNOCK OUT)

Tại A-vận-Hội Đông-Kinh, khi võ sĩ Rô-be-Bốp vô địch quyền Anh
lên lãnh Cúp — Các phóng viên báo chí xúm đến phỏng vấn. Một
câu hỏi được đặt ra :

« Xin Bạn cho biết trong đời bạn, cuộc đấu vô nào kinh hồn nhất ?
và cuộc đó bạn thắng hay bại ? »

Rô-be-Bốp trả lời liền : — « Trận đụng độ kinh khủng nhất trong
đời tôi là hôm... vợ tôi liệng cả mớ xu hào, cả rớt, mắm muối tiêu
hành vô đầu và mặt tôi. Bữa đó tôi bị . thua to ! »

★ TRIẾT-LÝ CỦA BÀ VỢ

Vợ một giáo-sư Triết học căn dặn chồng :

— Minh đã có vợ rồi nên ăn mặc cần thận một chút cho đẹp mặt
em ! Minh có nhớ câu một nhà Triết học Đức nói rằng : « Người chồng
nào đi ra đường mặc áo đứt nút là một sự sỉ nhục cho vợ mình ».

Giáo sư vặn lại vợ :

— Nếu vậy áo anh cái nào cũng đứt nút cả thì em cấm anh
ra đường ư ?

Bà vợ cau mặt gắt :

— Thì anh chịu khó khâu nó lại chứ ? Sao lười thế ?

★ MỘT LỜI CỦA EM ..

— Em ơi ! em hãy ban cho anh một lời, chỉ một lời thôi, đời anh
sẽ tươi thắm, sẽ đầy hạnh phúc. Anh yêu em lắm ! Chỉ xin em ban
cho một lời...

Cô em bực mình quay lại chửi :

— Con khỉ !

Q. B.

LƯ'ÔNG-KHẢI-SIÊU

Đại Văn-hào và Đại cách-mạng gia

Á-Nam TRẦN-TUẦN-KHẢI

TÔI muốn giới thiệu với chư quý độc-giả một vị đại-văn-học gia và đại-cách-mạng gia của nước Trung-hoa gần đây, mà hầu hết những nhà tân học và cựu học nước ta và các học giả Thế-giới đều biết tiếng. Ấy là Lương-Khải-Siêu.

Lương tiên sinh, tên húy là Khải Siêu, tự là Trác-Như, biệt tự là Âm-Băng-Thất và biệt hiệu là Nhâm-Công. Quê ông ở làng Hùng-tử, thuộc về Tân-hội (Quảng đông), vị trí trên một trái đảo cuối nguồn Tây-giang chảy ra ngoài biển. Ông sinh giữa năm Đồng trị đời Thanh, dương lịch là năm 1873 và là ngày 26 tháng giêng năm Quý dậu. Đường lúc đó, nước Trung-hoa, trong thì bị họ Mãn chiếm cứ gang san, thì hành những chính sách thối nát, đề đề nén mấy trăm triệu nòi giống Thần-Nông; ngoài thì các môn khoa học, văn nghệ cùng các tôn-giáo của các nước Âu-phương tràn lan dồn dập đưa tới Trung-quốc; khiến cho tình thế Trung quốc trăm phần nguy hiểm gay go, không bút nào mà tả cho xiết.

Khải-Siêu vốn được thiên tính thông minh, năm lên 4 tuổi đã theo

đời việc học và đến năm 6 tuổi đã đọc các sử Trung-quốc và đã giáng tới Ngũ Kinh (5 pho kinh-cổ truyền rất có giá trị của Trung quốc). Lên 8 tuổi đã bắt đầu biết làm văn và tới năm 9 tuổi đã viết được những bài văn dài hàng ngàn chữ. Năm 12 tuổi, thi vào học viện được bổ làm Bác-Sỹ Đề-tử-viên, hằng ngày luyện tập các môn văn học từ chương, không gì là không thông thạo.

Năm 17 tuổi, Lương vào dự thí trong Kinh, không may bị trượt. Khi quay về, mua được bộ sách **Doanh-hoàn-chí-lược**, liền bắt đầu kê cứu về các lịch-sử và các học thuyết các nước trên thế giới. Từ đó họ Lương ngày càng say sưa về việc nghiên cứu các môn cổ-kim học thuật, và đem dần các lý thuyết phổ bày trên các báo chương, đã được các giới trong nước hết sức hoan nghinh, gây nên ảnh hưởng cho công cuộc cách mạng trong nước Trung-hoa không phải là ít.

Độc giả chư tôn muốn rõ cái chân giá trị của một nhà đại văn hào họ Lương hãy xin đọc qua một đoạn bài tựa cuốn **Âm-Băng-Thất** toàn tập mà thuật giả xin lược dịch dưới đây, còn

tiểu truyện của tiên sinh và các gia phẩm sẽ xin trích dịch lần lần. Xin nhớ rằng các nhà Cách-mạng tiền bối của Việt-Nam ta hồi đầu thế kỷ này như Phan hội Châu, Cường Để, Phan châu Trinh, Huỳnh thúc Kháng v.v... đều chịu ảnh hưởng các sách của Lương Khải Siêu.

Mấy lời tựa cuốn ÂM-BANG-THẤT

(của Thiên Hành Xuất bản Xã bên
sơn năm 1947)

Lương tiên-sinh ở vùng Tân-hội, là một nhà văn nổi tiếng khắp thế-giới. Phàm những người đã hơi biết tới Chính-trị-sử và Văn-học-sử trong khoảng trên dưới 50 năm này, không ai là không hâm mộ say sưa và cũng không ai là không cảm động kích thích trong lòng. Điều đó miễn phải nói ra thêm phiền tại độc giả.

Văn chương của Lương tiên-sinh, ý sâu mà lời giản, nghĩa xa mà nói gần, phàm những điều gì mọi người muốn nói mà ngời bút không thể đạo đạt ra được, thì Lương tiên sinh đều dùng những ngọn bút lưu loát uyển chuyển mà diễn đạt cả ra. Bởi thế, khi đọc tới văn đó, tự khắc thấy thấm thía vào tận tim gan mà rõ ràng khúc chiết từng tí từng li. Nước Trung-hoa ta, số dĩ quét trừ được xã-hội phong-kiến, đạo đồ được chính thể chuyên chế, thảo tòng được cái xiềng xích tư tưởng bó buộc hơn mấy ngàn năm, đã đánh cũng có rất nhiều nguyên lý, song cái công đồ sự văn chương của Lương tiên sinh cũng không thể

nào mà quên nhắc được. "Cầu đó không phải là một ý kiến riêng của tác giả bài này, mà thực ra là một cái cộng nghị của hết thầy mọi người trong làng văn học, không ai là không công nhận."

Lương tiên sinh vốn người uyên thâm cựu học và lại hấp thụ đầy rẫy kiến thức mới lạ của các nước văn minh Âu Mỹ, cho nên đối với tư tưởng đã nêu lên riêng một ngọn cây, mà phát ra văn chương lại bao gồm tân cựu, khác hẳn mọi người. Một mặt tiên sinh hết sức thâm nhập các ngành tân học cốt để khai gợi cho quốc dân biết cái cách về các nguồn tư-tưởng học thuật và đồng thời lại khảo-thuật những nguồn đạo đức sẵn có hàng mấy ngàn năm từ trước, để uốn nắn những kẻ ngông cuồng quên cả tổ tiên. Không một lời nói nào là không chăm thẳng vào bệnh xã hội, không một câu văn nào là không cứu thẳng cho tệ quốc gia. Đã thừa tính cách phá hoại, lại rất giàu về tư tưởng kiến thiết, lời văn viết ra lại không câu kì quái khúc, khiến cho ai đọc cũng phải nghe mà không chán...

« Bởi thế trong khoảng mấy chục năm lại đây, phàm những nhà văn nổi danh, mỗi khi thốt ra những bài ngôn luận, chẳng ít thì nhiều, đều có dính dáng hơi hướng ảnh hưởng họ Lương. Cho nên có thể nói là phàm những văn chương, viết trên báo chí ngày nay, hết thảy không ngoài lối văn của đại-văn ra hào họ Lương đã xướng-suất vậy... »

THUYẾT TÂN DÂN của Lương-Khai-Siêu

Lời thuật giả.— (Tình hình Trung-quốc khoảng đời họ Lương, cách đây chừng ngót trăm năm so với tình hình dân tộc Việt nam hiện nay tương đối cũng không khác xa là mấy, bởi vậy những ý kiến của họ Lương phổ bày lúc đó, đối với hiện thời vẫn còn thích hợp rất nhiều.

Trước đây nhóm Tôn-Trung Sơn bên Trung-quốc nổi lên đánh đổ Mãn-thanh lật nền đế chế hàng mấy ngàn năm và xây nền dân

chủ tự do; một phần lớn là nhờ ảnh hưởng về học thuyết của Lương tiên sinh. Và chính Phan Sào Nam tiên sinh, một nhà đại cách mạng, đại ái quốc nước ta, trong khi lưu



tại Trung-hoa, thường hay lui tới với Lương tiên sinh, cũng phải thâm phục tài học của họ Lương, mà cùng nhau thảo luận những lời tha thiết chân thành, để cùng mong cứu vãn nòi giống giang san.

Bởi vậy thuật giả cổ công sư tâm, lược dịch ra đây, chẳng qua cũng muốn góp một đỏi phần tư tưởng trong công cuộc kiến thiết một nền tự do độc lập của dân tộc tương lai. Rất mong độc giả chú tâm nghiên ngẫm những lời thống thiết kêu gào của một bậc đại văn hào lân quốc mà quay

lại tự mình nhận xét lại mình, họa may có được bổ ích chút nào, thì cũng là một điều vinh hạnh riêng cho dịch giả vô cùng.

I. — LỜI NÓI ĐẦU

Từ thế giới bắt đầu có loài người cho tới nay, cứ kể các nước trên hoàn cầu, có tới hàng mấy nghìn mấy vạn. Nhưng hiện còn sót lại cho tới ngày nay và chiếm được một địa vị ở trong Ngũ-dại Châu, thì thử hỏi có được là bao? Thưa rằng chừng độ ngót trăm.

Nhưng trong số ngót một trăm nước ấy, lại có được cái thế lực làm thăng bằng cho thế giới, và có thể thắng được những cuộc gan lặc sau này, thì phỏng được là bao? Thưa rằng phòna độ 4 hay

5 nước.

Ồ! cũng là ngày một trời một trăng ấy; cũng là non sông ấy; cũng là đầu tròn ấy cũng là chân vuông ấy; thế mà kẻ này thì còn, kẻ kia thì mất, kẻ nọ thì mạnh; kẻ này thì yếu; đó là tại có làm sao? Có kẻ cho là bởi tại « địa-lợi » khác nhau. Nhưng châu Mỹ hiện nay cũng vẫn là châu Mỹ ngày trước, vậy có sao mà dân tộc Áng-cách, Kỵ-sách-tôn (Anglo-Saxon) lại riêng được hưởng sự vinh hoa? Nước La-mã ngày xưa, tức là nước La-mã ngày nay, thế mà dân tộc Lạp-dinh

(latín) vì sao đến nỗi đồ mất danh dự ? Cũng có người cho là vì có « anh hùng » Nhưng trước đây há không có Á-Lịch-Sơn-Đại (Alexander) thế mà Mã cơ-đồn (Macédoine) ngày nay sao đã ra tro ? Trước đây không phải không có Thành-Cát-Tư-Hãn (Gengis Khan), thế mà sao ngày nay giống nổi Mông-cổ cơ hồ gần đến điêu tàn ?

Than ôi ! Ta biết cái nguyên do rất rõ : Chỉ vì nước là tích dân lại mà thành. Nước phải có dân cũng như người ta phải có tứ chi, ngũ tạng, gân-mạch và huyết-quần vậy. Xưa nay chưa từng có khi nào tứ-

chi đã chặt, ngũ tạng đã liệt, gân-mạch đã đứt và huyết-quần đã khô mà thân người lại còn sống được. Vậy thì cũng chưa bao giờ lại có thể có những nhân dân ngu xuẩn yếu hèn, rời rã như bầy, mà cái nước lại còn vững được !

Bởi thế cho nên, muốn cho thân được sống lâu khỏe bền, thì cái thuật « dưỡng sanh » tốt phải nghiên cứu ; mà muốn cho nước được thịnh vượng phú cường thì cái đạo « Tân dân » cũng không thể nào mà không giảng cứu.

(Kỳ sau tiếp)

* ÔNG ĐÁ ĐỦ CAN ĐÀM CHƯA ?

Trong một phòng chứa rượu. Vị Nha-y-sĩ sửa soạn nhỏ chiếc răng cho một nhà Lục sĩ vô địch quyền Anh. Khi đưa kềm vào miệng Lục sĩ, Nha-y-sĩ nhận thấy Lục sĩ tỏ vẻ run sợ, Ông liền ngừng tay và sai người nữ y tá đem tới 1 chai rượu Vích-Ky để Lục sĩ uống cho có can đảm. Sau khi Lục sĩ uống cạn 1 ly rượu mạnh Nha-y-sĩ hỏi :

— Ông đã đủ can đảm để tôi nhổ chiếc răng đó chưa ?

Lục sĩ lắc đầu tỏ vẻ còn run sợ lắm. Nha y sĩ liền rót ly thứ hai. Uống hết ly thứ hai Lục sĩ vẫn lắc đầu run sợ, anh ta được uống ly thứ 3, thứ 4, nhưng vẫn còn run lắm chưa dám cho nhổ răng, sau cùng anh ta nốc cạn hết chai Vích Ky. Nha y sĩ hỏi :

— Sao ? Bây giờ hẳn ông đã đủ can đảm rồi chứ ?

Lục sĩ khi đó đã thắm hơi men, trợn mắt trả lời :

— Đủ chứ ! Bây giờ thì tôi can đảm lắm, tôi sẽ oánh chết cha đứa nào dám đụng tới cái răng của tôi !

* BÍ MẬT NHÀ NGHỀ

QUAN-TÒA : Tường thì cao, cửa thì khóa, chó dữ, tiền bạc đã trong túi rất. Anh làm cách nào mà vào lấy được ?

TÊN TRỘM : Xin Quan Tòa tha lỗi. Chúng tôi đã trót thế không bao giờ truyền nghề lại cho ai hết.

Q. B và Ba-Tèo.



của THẨM-THÊ-HÀ

TRIỀU nhà Lê trong lúc thái-bình, có một trang thư-sinh hào-hoa phong nhũ tên là Trần Tú-Uyên. Chàng thường đi du-ng ngoạn những nơi danh lam thắng cảnh. Đến Bích-Câu, thấy cảnh đẹp, chàng bèn dừng ở đó một lâu thơ để học-hành và ngâm vịnh.

Một hôm, nhân chùa Ngọc-Hồ mở hội, chàng cao-lừng đến xem. Đến chiều, khi sắp về, chàng chợt thấy một lá thơ bay đến trước mặt. Chàng nhặt xem, thấy lời lẽ có ý trêu ghẹo mình. Liền đó chàng thấy từ trong chùa đi ra một mỹ-nhân có mấy ả-hoàn theo hầu. Bóng mỹ-nhân đã lặn ngọc-nhiên con mắt người thơ và chàng ngơ-ngẩn nhìn theo:

*Rõ ràng nét ngọc mây hoa,
Cá chìm mặt nước, nhạn sa lưng trời.*

*Gần xem vẻ mặt thêm tươi,
Mùi hương thoang-thoảng thêm rơi ít nhiều...*

Thế rồi mùi hương quyến rũ của người đẹp đã thu hút tâm hồn chàng, khiến cho chàng lần bước theo nàng đến Văn-Đình, đến khi nàng khuất dạng, chàng mới thờ thẩn ra về.

Về nhà, Tú Uyên mãi tưởng nhớ đến nàng mà phát bệnh tương-tư. Một hôm, Tú Uyên nằm mộng, thấy thần dạy sáng mai ra Cầu Đông sẽ gặp người mong ước. Nghe lời thần ứng, Tú Uyên tìm đến Cầu Đông, gặp một ông lão bán một bức tranh

tổ-nữ mà người trong tranh giống hệt người đẹp ở Ngọa-Hồ. Chàng bèn mua tranh đem về treo ở thư phòng. Rồi cứ mỗi bữa cơm, chàng dọn 2 cái bát 2 đôi đũa, mời thiếu-nữ trong tranh xuống cùng ăn. Có hôm chàng than thở với tranh, bày tỏ nỗi niềm tưởng nhớ. Như xúc-dộng với tấm lòng tri-kỷ, người đẹp trong tranh bỗng mỉm miệng cười:

*Chợt nghe phớt-phớt miệng đào,
Một hoa hớn-hở mừng chào
chúa dồng.*

*Cho hay tình cũng là chung,
Khách tiên chưa dễ qua vòng
ái-ân.*

Từ đó ngày ngày đi học về, Tú Uyên đã thấy một mâm cơm dọn sẵn. Chàng sinh nghi. Một hôm, để ý rình xem, chàng thấy thiếu-nữ trong tranh hiện xuống thành người. Chàng liền chạy lại đề tự tình. Thiếu-nữ bảo mình là Giáng-Kiều ở cung tiên, vì có tiền duyên với chàng nên xuống trần để cùng chàng kết tóc. Rồi nàng làm phép biến lều tranh của Tú Uyên thành một lầu đài tráng lệ, nguy nga. Từ đó hai người sống chung với nhau. Được ba năm, mối tình của Tú Uyên không còn nồng nàn như trước. Chàng rượu chè bê bết cả ngày, Giáng Kiêu khuyên can không được. Một hôm chàng quá say sưa, Giáng Kiêu khuyên can, chàng lại phủ phàng đánh đập. Buồn bực, nàng đành bỏ ra đi. Khi tỉnh dậy, Tú Uyên hối hận và mới bắt đầu tưởng nhớ đến nàng. Đến một hôm, chân đời

chàng toan tự vận thì Giáng Kiêu lại hiện về để cùng chàng nối lại duyên xưa.

Sau, hai người sanh được một đứa con trai đặt tên là Chân-Nhi. Thấy cảnh trần lăm than khổ ải, kiếp người như phù du, Giáng Kiêu khuyên chồng nên xa lánh cõi trần để tìm về nơi tiên-cảnh thanh-nhàn:

Đi về tuyết-diêm hoa thôn

*Thông bên nhịp phá ch, suốt
tuần phim đàn*

Một ngày trong thú thanh-nhàn,

*Mấy trăm muôn cảnh nhân-hoàn
độ sao ?*

Giáng Kiêu trao cho chàng bùa thuốc để tu-luyện. Rồi một hôm, sau khi dặn-dò Chân-Nhi ở lại cõi trần, hai người cỡi hạt về tiên-cảnh.

I. — Giá-trị tâm-lý

Cũng như bao truyện thần-thoại khác « Bích Câu kỳ-ngộ » là một chuyện hoang-dường có tính-cách tượng-trung, diễn-tả mối tình diễm lệ giữa người tiên và người trần. Do đó, tình-tiết trong truyện hoàn-toàn giả-tạo và động tác tâm-lý cũng chỉ có tính-cách tượng-trung. Đây là tâm-trạng của một chàng thanh-niên dưới thời-đại phong-kiến, thấm nhuần tư-tưởng yếm thế, muốn tìm đường thoát-ly để sống theo tư-tưởng phóng-nhiệm của

minh. Những sự-kiện : «mời người đẹp trong tranh xuống dùng cơm với mình, nhỏ to tâm-sự với một bức tranh», chứng tỏ sự giàu tưởng-tượng của thi nhân và cá tính lãng-mạn ham-mê thoát-tục.

Sự biến đổi tinh-tinh của Tú Uyên biểu-lộ rõ-ràng tư-tưởng yếm-thế kia, do quan-niệm về sự xê-dịch của mọi sự vật ở trần-gian, từ ngoại-cảnh đến tâm-hồn, tương phản với cảnh nghìn đời thanh-tịnh, bất-di-dịch của tiên-giới.

Về phần Giáng-Kiều, dù là tiên, nàng cũng mang rõ tính-chất của một cô thiếu nữ rất lãng-mạn, rất đa tình, nhưng có một đặc-diểm khác biệt là lòng người tiên không bao giờ thay đổi : Tác-giả diễn-tả cái tâm-lý tương-phản ấy để làm tăng giá-trị của hệ-thống tư-tưởng của tác-giả. Sự bỏ về tiên-giới của Giáng-Kiều trước hành động phũ-phàng tàn-nhân của Tú Uyên chỉ là một đòn tâm-lý đánh vào tâm-hồn chàng trai mê-muội và đồng thời để thử thách tình yêu của chàng đối với nàng xem có còn nồng-nàn, thâm-thiết như xưa chăng?

II. Giá trị triết lý

Có người cho rằng BÍCH-CAU

KỶ-NGÔ chỉ là một câu truyện điểm-tinh đầy thơ mộng, không hề nhuộm màu triết học hay luân-lý. Nói như thế, có lẽ vì không nhận định nghệ-thuật-sáng tác của ođ-nhân. Các văn-nhân, thi-sĩ của ta ngày xưa chưa hề có quan-niệm sáng-tác « *phi luận lý* » hay « *phi đạo-lý* » như một vài nhà văn ngày nay. Cho nên những sáng-tác-phẩm của họ, bất cứ thuộc loại nào — kể cả những truyện thần-thoại, truyện kỳ — đều mang màu sắc luân-lý hoặc triết-lý.



BÍCH-CAU KỶ-NGÔ là một truyện triết-lý lồng trong một khung-cảnh điểm-tinh kỳ-ảo.

Trong BÍCH-CAU KỶ-NGÔ tác-giả đưa ra hai nhân vật mang hai nguồn tư-tưởng khác nhau : Tú Uyên tượng-trưng cho tư-tưởng Không-giáo ; Giáng-Kiều tượng-

trưng cho tư-tưởng Lão-giáo biến thể. Rốt cuộc, Giáng Kiều giác-ngộ Tú Uyên, kéo Tú Uyên về một đường với mình. Theo đó, Lão-giáo biến thể đã thắng Nho-giáo qua động-tác của hai nhân-vật.

Nhưng cái tư-tưởng mà tác-giả muốn cô-súy ra thế nào?

Lão Tử chủ-trương thuyết « *Thanh-tĩnh vô-vi* ». Đến đời Hậu Hán, các nhà đạo-sĩ là Trương-Đạo-Lãng và Cát-Hồng đã biến cái thuyết « *vô-vi* » của

Lão-Tử ra « *Hư-vô chủ nghĩa* ». Họ bày ra những phương thuật dị-đoan, đạo trường-sinh bất tử và những phương-pháp chữa bệnh bằng phù-thủy.

Giáng-Kiều ở đây đã tượng-trưng cho học-thuyết đó. Lễ tất nhiên, đối với chúng ta ngày nay, học-thuyết ấy không còn hợp thời nữa. Đó là một trong những tư-tưởng phong-kiến lạc-hậu. Ngày nay dân ta đã nhận thức được tinh-thần khoa-học và những phần-tử tiến bộ đã phủ-nhập những tàn tích tư-tưởng phong-kiến còn sót lại.

III. — **Giáo-trị văn-chương**

Riêng về văn-chương, BÍCH CẦU KỲ-NGỘ có một vài điểm đặc sắc về nghệ thuật tả cảnh, tả-tình, tả người và nhất là về thi-pháp

Tả cảnh, tác-giả đã tả theo lối *vẽ thủy mạc*.

Tả tình, tác-giả đã tả theo nghệ thuật: « *mượn cảnh đàm tình* ».

Tả người, tác giả đã tả theo lối *vẽ chân-phương*.

Về thi-pháp tác-giả đã ứng-dụng nhiều phương tiện Mỹ-từ-pháp rất được phổ-biến trong văn chương cổ-diễn :

Hiệp-ngữ :

*Biết phương nào, biết chước
nào,
Có chẳng còn lúc chiêm bao họa
là.*

Đảo-ngữ :

*Phất-phơ gió trúc, đặt diu mưa
hoa.*

Tỷ-dụ :

Chiều thu như gởi lăm thương.

Ẩm-tỷ :

Vầng kim-ô đã gát dầu non tày.

Nhân-cách-hóa :

*Gió chiều lay bóng hoa lê già già
Tiêu-dối :*

*Hoa còn phong nhị, trăng vừa
tròn gương.*

Dụng điển :

*Ấy ai thả lá doanh châu gheo
người*

Thậm-xưng :

*Cả chìm mặt nước, nhận sa
lưng trời.*

Tóm lại, Bích-Cầu Kỳ-Ngộ là một tác-phẩm có vài đặc điểm về văn-chương và tâm-lý, nhưng nội-dung của nó chứa-dựng những tư-tưởng lãng-mạn và phong-kiến, không còn phù hợp với trào lưu tư-tưởng tiến bộ của chúng ta ngày nay.

THÂM-THỆ-HA

★ Loài người vì không thể chữa được bệnh chết, đã tìm ra phương số để hưởng hạnh phúc là không nghĩ đến cái chết nữa. Đó là tất cả những gì họ có thể phát minh ra để yên ủi mình.

170

PASCAL

SHAKESPEARE

ĐẠI KỊCH SĨ ANH

TẠ KÝ

NÓI đến Văn học Anh, ta không thể nào không nhắc đến Shakespeare. Shakespeare không những được dân tộc Anh xem như là ông tổ kịch nghệ xứ họ mà còn được cả thế giới thần phục tài ba lỗi lạc của mình. Trong bài tựa vở kịch

Cromwell (Préface de *Cromwell*) Victor Hugo đã hết lời ca-ngợi: «Shakespeare, ce Dieu du théâtre.» (Shakespeare, vị Chúa của kịch nghệ...) Vô số tác phẩm của

Shakespeare còn được lưu truyền cho đến nay và một vài kịch bản của ông đã được quay thành phim như *Romeo and Juliet*. (Cậu Romeo và nàng Juliet).

Trong bài này chúng tôi chỉ xin nhắc qua tiểu sử của Shakespeare cùng tình trạng sân khấu Anh quốc trước khi ông xuất-hiện. Sau hết chúng tôi sẽ

xin thuật lại vở kịch Macbeth và xin góp vài ý kiến nhỏ mọn.

Tiểu sử.—

✱ William Shakespeare sinh năm 1564 tại Stratford-upon-Avon, con của John Shakespeare. Người ta ít biết gì về thời thơ ấu của

Shakespeare.

Cậu bé này đi học trường «Grammar School» (như trường trung-học đệ nhứt cấp, chuyên dạy tiếng La-tinh và Hy-lạp) tại thành-phố cậu sinh trưởng và cậu lại đỗ tiếng La-tinh và Hy-lạp là hai môn học chính.

✱ Năm 1577, cha cậu gặp

vận đen, buôn thua bán lỗ nên cậu phải bỏ học và tự tìm cách nuôi thân.

✱ Năm 18 tuổi, Shakespeare lấy vợ là Ann Hathaway lớn hơn chàng 8 tuổi, và sau này sinh được ba con. Nhưng ít lâu



sau khi lấy vợ, vì nghèo túng, vì thích phiêu lưu và vì say mê sân-khấu, Shakespeare đến Luân-đôn. Chẳng thanh-niên 18 xuân xanh này từ già tỉnh thành Stratford-upon-Avon nhỏ bé của mình, một thân bơ vơ đặt chân lên kinh đô Luân-đôn. Học hành chẳng là bao nhưng Shakespeare sẵn có khiếu về kịch - nghệ và nhờ đọc sách thêm nên về nghệ thuật sân khấu, Shakespeare càng ngày càng tiến bộ. Người ta đồn rằng trong thời-gian nghèo đói ở Luân-đôn, Shakespeare phải làm nghề giữ ngựa ở trước cửa các rạp hát.

★ Năm 1587, người ta thấy Shakespeare giúp việc cho một ban kịch và cũng từ đó bắt đầu cái nghiệp của anh chàng soạn-giả kiêm diễn-viên Shakespeare.

★ Từ 1587 đến 1592, Shakespeare dọ-dẫm từng bước trên con đường nghệ-thuật. Lúc đầu, ông chỉ thêm - thắt, sửa chữa những vở kịch của soạn - giả đương-thời để kịp đưa lên sân-khấu. Ông chưa sáng tác được gì. Nhưng dần dần, ông mượn những đề tài trong lịch-sử Anh quốc để dựng thành kịch.

★ Từ 1592 đến 1600 : Thời kỳ trẻ trung, ít ưu tư, nhiều mơ-mộng. Shakespeare viết nhiều vở kịch chan-chứa tính cách trữ tình lãng-mạn như *The Midsummer Night's Dream* (1595) *As you like it* (1600). Và để chịu theo thị hiếu quần-chúng đương thời, ông đã viết những vở kịch lịch-sử

Richard II (1595) *Henry IV* (1597-1598) và *Henry V* (1599).

★ Từ 1601 đến 1605 : Nghề soạn-giả kiêm diễn-viên vẫn đem lại một số lợi đều đều nhưng Shakespeare càng ngày càng trở nên bi quan, yếm thế. Nguyên nhân thuộc về đời sống tình-cảm: năm 1601 cha mất; cái chết của Essex, người bạn thân; và hình như là một mối tình tan vỡ... Tâm sự đau buồn của Shakespeare được bày tỏ trong mấy bài Sonnets (1609) và trong 5 vở bi-kịch : *Julius Caesar* (1600) *Hamlet* (1601) *Othello* (1604) *King Lear* (1606) *Macbeth* (1606)

Những vở kịch này cho ta thấy sự thắng lợi rõ rệt của tội ác.

Những năm cuối cùng : 1607-1616.-

Đến 1608 — Shakespeare lúc ấy 44 tuổi — nổi bi-quan trên kia dịu dần và tác phẩm của ông trong thời kỳ này được nhuần tính chất lãng-mạn. Tuy không có được nét trong sáng và thanh-thản của tuổi trẻ nhưng tác-phẩm ông cũng còn hé cho ta thấy vài nụ cười ưu-tư của tuổi xế chiều. Thời gian ấy ông viết: *The Tempest* (1609) *The Winter's Tale* (1611). Sau đó, Shakespeare trở về lại Stratford là nơi ông sinh-trưởng, sống một cuộc đời bình lặng và mất năm 1616, hưởng-thọ 52 tuổi.

Tình trạng sân khấu Anh quốc cuối thế kỷ XVI

Nghệ thuật sân khấu được dân chúng bấy giờ hoan-nghênh nhiệt liệt. Khắp Anh quốc, nhất là ở Luân Đôn, nhiều gánh hát thành lập và nhiều bậc quý-tộc đã đứng làm người đỡ đầu. Mỗi lần công-diễn, khán-giả kéo đến xem đông vô-số trong đó có cả các bậc đại quý tộc, những nhà học giả hoặc bọn người trưởng-giả. Họ đến xem để thưởng thức tài-nghệ, để tìm dịp tranh luận với nhau hoặc để cười thích chí mỗi khi thằng hề (the clown) xuất hiện.

Thời đó sân khấu dựng ngoài trời. Có sân để khán-giả ngồi xem. Nhưng ngang bên sân khấu cũng có ghế ngồi xem nên nhiều khi khán-giả làm trở ngại cho diễn viên.

Về dàn cảnh thì người ta thường dùng một vật để biểu-trưng toàn thể. Ví-dụ muốn trưng một cửa hiệu người ta chỉ dọn trên sân khấu một cái quày hàng; hoặc muốn dàn cảnh lâu đài vua chúa, họ chỉ dùng một cái ghế bành v.v... Những kiểu dàn cảnh này không bao giờ thay đổi và cũng chẳng ai nghĩ đến cách thay đổi làm gì. ☾

Muốn bớt buồn tẻ, Shakespeare, một mặt phong-phú-hóa những phong cảnh dàn trên sân khấu và mặt khác cố tận dụng những tình-tiết éo le, tế nhị của các nhân-vật kịch của mình. Tuy

nhiên sân khấu của Shakespeare vẫn chưa có màu sắc dân-tộc. Cảnh phần nhiều là cảnh rừng trường xa lạ của miền Tô-Cách-Lan. Nhân vật cũng đi lại mấy vị lãnh-chúa thời cổ La-Mã nhưng các vị này lại diện y-phục hiệp sĩ nước Anh! Vì dễ dãi, vì quen xem những loại tuồng ấy nên khán-giả vẫn không lấy làm chúng-tai, gai mắt. Nhưng Shakespeare lúc ấy đã biết dùng một vài xảo thuật về ánh-sáng và ông cũng chú trọng đến y-phục diễn viên.

Tóm lại, dù ở vào tình trạng khó khăn về phương-tiện, Shakespeare không vì thế mà nãn. Nhờ tài ta lỏi-lạc, ông đã viết những vở kịch đầy hình ảnh, đầy tình tiết gay cấn và có khi huyền-bí, rùng rợn nên hấp dẫn được khán giả. Những vở kịch ấy dù diễn trên một sân khấu nghèo nàn về màn, phông vẫn thành công như thường.

Macbeth

★ *Sơ-lược cốt truyện.*— 1057, Vua Tô cách Lan là Duncan chiến thắng được vua Na-uy là Sweno nhờ hai viên tướng giỏi của mình là Macbeth và Banco. Trên đường về, hai tướng này gặp 3 mù phù thủy đoán hậu-vận: Macbeth sẽ làm vua Tô-cách-Lan.

Về nhà, Macbeth thuật lại lời tiên-đoán ấy cho vợ nghe. Vợ (Lady Macbeth) xúi giục chồng

giết vua, đoạt ngôi. Lúc đầu, Macbeth không dám nhưng sau vì vợ thúc giục, mới khách sà vì lòng tham phú quý nên Macbeth nhúng tay vào máu. Nhân một hôm vua Duncan đến tận lâu đài Macbeth để ban thưởng chiến công, Macbeth bèn giết vua và lấy máu bôi vào hai tên lính đang ngủ say để đánh lạc dư luận. Con vua Duncan là Malcolm sinh nghi bèn chạy trốn. Macbeth lên ngôi báu.

Nhưng ít lâu sau Macbeth hối-hận và lại sợ mình sẽ bị chung số phận với Duncan nên ra tay trừ khử các quan, tướng trong triều. Nhiều người bị treo cổ trong số đó có Banco. Con của Banco chạy thoát. Macduff, một vị lãnh chúa, cũng thoát được theo Malcolm trong khi vợ con ông bị Macbeth hạ sát.

Macbeth cho xây một chiến lũy kiên cố để phòng vệ và ông tin lời tiên đoán của mấy cụ phù-thủy là « khi nào khu rừng Birnam tiến sát đến lâu đài Macbeth thì lúc ấy ông bị giết ».

Nhưng Malcolm, con trai vua Duncan, đang nhờ vua nước Anh giúp, đổ về rửa thù. Trong khi ấy vợ Macbeth vì hối hận, vì bị những cảnh rừng-rợn ám ảnh nên sanh ra mất trí. Bà cứ đi thơ-thần suốt đêm trong lâu đài như một bóng ma và luôn luôn xoa tay vào nhau y như một người đang rửa. Bà tưởng mình đang rửa sạch vết máu dính đầy tay. Nhưng bệnh càng ngày càng nặng.

Trong lúc đó, quân của Malcolm kéo về phục hận. Gần đến lâu đài Macbeth, quân Malcolm nghỉ-trang bằng cách chặt những cành cây cắm quanh mình và bò lẫn lộn. Macbeth đứng trên lâu đài nhìn xuống, thấy là cây tiến dần đến, biết rằng lời tiên đoán của mấy cụ phù-thủy đã chứng nghiệm : « Rừng Birnam đang tiến sát đến lâu đài ».

Đang lúc bối rối thì vợ Macbeth chết. Macbeth liền đánh trận cuối cùng nhưng bị Macduff giết chết. Malcolm lên ngôi.

(còn nữa)

★ Sà-kô-xít-pê-a-rê!

Đã, trong một cuộc hội nghị Báo-chi Toàn-quốc tại Hà-nội dưới thời Mặt-Trận Bình-dân Pháp, một chàng « văn-sĩ » của phái tả, lực học chưa đỗ bằng tiến-học, nhưng ưa mùa mồm mùa miệng, dõng lên diễn đàn để diễn-thuyết về chủ nghĩa Mạc-xít. Không biết anh ta đã học lõm của ai mà trên diễn đàn anh phùng mang trợn mắt nói rằng nhà kịch-sĩ Shakespeare của Anh, hồi Thế-kỷ 17, cũng đã có tư-tưởng Mạc-xít rồi. Diễn nhận xét hoàn toàn đổt nát ấy, khán giả không thềm cãi làm chi. Nhưng khi nói đến tên nhà kịch-sĩ Anh, vì không biết đọc theo tiếng Anh, chàng ta đọc theo tiếng Pháp ló canh là Sa-kô-sít-pê-a-rê, thì toàn-thể Hội nghị vỗ tay cười rồ lên! Chàng ta mắc cỡ đỏ mặt, hịu tọt xuống đất và biến đi đong nào mất tiêu!

BA TÈO



CỦA
LÊ
NGỌC
TRỤ

Giảng-viên
trường
Đại-học
Văn-khoa



N GÔN-ngữ văn-tự có ảnh hưởng rất lớn và có quan-hệ mật-thiết đến cuộc hưng-vong của giống-nòi, cho nên những dân-tộc tân-tiến, càng văn-minh càng chú-trọng đến ngôn-ngữ văn-tự: dân-tộc nào mà lời nói, câu văn, cách viết có mạch-lạc mọ-mực rõ-ràng là chứng-tỏ đã có một trình-độ văn-hóa cao.

Dân-tộc Việt-Nam, ngót bốn ngàn năm lịch-sử, cùng chung một gốc, được cái may hơn các dân-tộc láng-diềng, là khắp xứ, từ Bắc chí Nam, — trừ một vài vùng thổ-âm nhỏ-nhất và số ít phát-âm sai biệt, — đều nói có một thứ tiếng, và ngày nay, với chữ tiêu-âm, dễ dàng tiện lợi, đều viết có một lối chánh-tả, dễ mà trao-đổi tư-tưởng và sự hiểu-biết với nhau. Hai điều-kiện thuận-lợi ấy, ngôn-ngữ thống-nhất và văn-tự nhất-trí, giúp cho việc khảo-cứu tiếng Việt có phần-được dễ-dàng.

Người ngoại-quốc khảo về ngôn-ngữ Việt-Nam vì khoa ngữ-học tổng-quát; chúng ta khảo xét tiếng Việt vì tiếng Việt, vì tiền-đồ văn-hóa nước nhà.

Có nhiều vấn-đề cần phải cứu-xét. Việt-ngữ là tiếng đơn-âm hay là phức-âm; các âm, vận, thanh, phát-âm đúng phải như thế nào; giọng nói thay đổi biến-trại làm sao; cách tạo-ngữ, mượn tiếng, sự biến-hóa liên-hệ của Việt-ngữ đã theo lối nào; chánh-tả chỉ theo giọng nói, đọc sao viết vậy, hay là còn phải theo tự-nguyên, bao nhiêu vấn-đề kể trên đều thuộc trong phạm-vi của khoa ngữ-học.

Vậy ngữ-học là gì? Đối-tượng của ngữ-học là chi? Những ngành của ngữ-học là những ngành nào?

Ngữ học là gì?

Người không biết thường hỏi: «Anh là nhà ngữ-học, anh nói được mấy thứ tiếng?» Hỏi như

thể, bởi đã làm tưởng nhà ngữ-học (linguiste) với người « biết nhiều thứ tiếng (polyglotte) là một. Theo ông Julien Vinton, một nhà ngữ-học Pháp (1843-1926), thì « nhà ngữ-học có khi, ngoài tiếng mẹ đẻ, không biết nói sỏi một thứ tiếng nào cả ; lại có người biết nhiều thứ tiếng mà không biết ngữ-học là gì », bởi ngữ-học khảo về cách nói (langage) chứ không phải học về các thứ tiếng nói (langues), không chuyên-chú học một thứ tiếng nào thuần về phương-diện thực-tế để cho biết nói biết dùng trong công việc thường ngày.

Lại có người biết hơn thì lẫn-lộn Ngữ-học (linguistique) với bác-ngữ-học (philologie), tưởng rằng nhà ngữ-học chuyên lo giải-thích cổ-văn và các từ-ngữ. Chính trong mấy tự-điển phổ-thông, ta thấy tác-giả của mấy tự-điển ấy không phân-biệt hai ngành này. Hán-Việt từ-điển của Đào-Duy-Anh cho « philologie » là « bác-ngôn-học », « bác-ngữ-học », và « ngôn-ngữ-học ». Trong quyển Dictionnaire Annamite — Chinois-Français của G. Hue nơi hai chữ « bác-ngữ-học » và « ngôn-ngữ-học » đều là dịch « linguistique ». Bộ Từ-Hải của Trunz-Hoa giải-thích : « bác ngôn tức ngôn-ngữ-học » và nơi chữ « ngôn-ngữ-học » có chua chữ Anh : « philology, or Linguistics, or Science of Language ». Trong quyển Mô-phạm Pháp-Hoa từ-điển (Nouveau dictionnaire Fran-

çais — Chinois), nơi hai chữ « linguistique » và « philologie » đều dịch là « ngữ-ngôn-học ».

Thật ra, bác-ngữ-học và ngữ-học là hai khoa có khác nhau về quy-tắc và phương-pháp, song vẫn bổ-cứu lẫn nhau : chính do khoa bác-ngữ-học đối-chiếu (philologie comparée) mà nảy ra khoa ngữ-học lịch-sử (linguistique historique).

Bác-ngữ học là khoa thuộc về lịch-sử, dùng tiếng nói làm phương-tiện để khảo-cứu và thấu hiểu những tho-tịch văn-tự của thời xưa truyền lại, nghĩa là khảo tiếng nói đã thành-văn. Bác-ngữ-học đã có từ lâu, bên Tây-phương cũng như bên Đông-phương ; đức Khổng-Tử đã san-định các « kinh » tức là nhà bác-ngữ-học đầu tiên của Trung-Hoa vậy.

Ngữ học mới thành-lập bên Tây-phương ngót một trăm rưỡi năm nay, chữ « linguistique » Hàn-lâm-viện Pháp mới thấu-nhận hồi năm 1835, là khoa-học thuộc về thiên-nhiên, không coi tiếng nói là phương-tiện, mà coi là cứu-cánh, là mục-đích của sự nghiên-cứu. Vì vậy, ngữ học khảo xét về bản-chất của tiếng-nói, sự khởi nguyên và sự biến-thiên của nó. Ngữ-học còn bao-quát rộng-rãi hơn, khảo xét cả dấu hiệu biểu-diễn tư-tưởng, cả cách-nói, điệu-nói của con người, của loài người trong không-gian và thời-gian, từ tiếng mẹ-mẹ thô-sơ của bộ-lạc man-đã đến tiếng nói văn-hoa tế-nhị của các

nước tân-tiến, nghĩa là chuyển
khả cả ngôn-ngữ và văn-lý
Đặc-tính của ngữ-học

Vậy đối-tượng của ngữ-học là
ngôn-ngữ (langage) tức là các
phương-tiện để phát biểu tư-
tưởng, trong đó phần quan-trọng
và phức-tạp hơn hết là « tiếng »
đã uyển-chuyển phát ra lời nói
(langage articulé) : ấy là tiếng
nói.

Tiếng nói thuộc một chế-độ
vừa có tánh-cách cá-nhân vừa
tánh-cách xã-hội.

Chế-độ có tánh-cách cá-nhân,
bởi con người, hơn cả vạn vật
là nhờ được Tạo-hóa sanh cho
một cơ-quan phát-âm đặc-biệt
để phát ra lời nói dạng diễn-
đạt tư-tưởng của mình. Trên
quả địa-cầu có nhiều dân-tộc
khác nhau, nói nhiều thứ tiếng
khác nhau, nhưng tựu-trung, hễ
là con người, thì đều có một
cơ-quan phát-âm giống nhau,
gồm có buồng phổi, hầu-dầu
(larynx) với âm-lơ và hầu-khẩu
(glotte), lưỡi, miệng, mũi, của
(palais), nướu, răng, môi, tất cả
hợp lại thành bộ-phận uốn-
chuyển luồng-âm trong phổi
phát ra thành « tiếng ». Nếu
không kể ảnh-hưởng thờ ơ nghĩ
và hoàn-cảnh xã-hội tạo-thành
đặc-tánh ngôn-ngữ mỗi dân-tộc,
khi xét về bản-chất của tiếng
nói, thì mỗi cá-nhân của dân-tộc
nào, với cơ-quan phát-âm lành
mạnh, cũng đều nói được những
âm (a, ô... p. t. k...) nghĩa là
nói được các « âm », khi đặt

lưỡi và môi đúng vào chỗ phát-
âm trong cơ-quan. Như thế, có
một luật phát-âm chung cho cả
loài người.

Con người, riêng cá-nhân, phải
nói ra để bày-tỏ « thất tình », để
diễn-đạt tư-tưởng nó tùy trình-
độ học-thức, nhưng cũng phải
theo những bó-buộc của hoàn-
cảnh xã-hội, của cuộc xã-giao
lễ-tục. Vì thế tiếng-nói thuộc
chế-độ có tánh-cách xã-hội,
vì con người phải chung sống
với nhau. Nhiều người họp
thành đoàn-thể, cùng với điều-
kiện huyết-thống, địa-dư, phong-
thổ, lịch-sử, tạo thành một
quốc-gia, một dân-tộc, nói chung
một thứ « quốc ngữ ». Tiếng nói
ấy trải mấy ngàn năm, truyền
đời nọ qua đời kia, nên con
người phải bị bó-buộc thuận
theo những luật phát-âm, những
cách-diệu nói-năng hợp với thói-
quen chung của đoàn-thể. Đặc-
tánh của dân-tộc.

Huyết-thống, địa-dư, phong-
thổ khí-hậu, lịch-sử, mật-thiết
hòa lẫn chung-đức nên hồn dân-
tộc, biểu-lộ ra bằng, ngôn-ngữ.
Trải qua thời-gian lịch-sử, nhiều
chế-độ chánh-trị có kế-tiếp nhau
mà thay-đổi. Mỗi chế-độ là hạ-
tầng cơ-sở, nó chi-phối cả
thượng-tầng kiến-thiết : pháp-
luật, văn-hóa, phong-tục, xã-
hội sanb-hoạt. Mỗi khi một chế-
độ bị thay-đổi tiêu-tàn, thì tất cả
thượng-tầng kiến-thiết bị tiêu-
tan theo, nhưng tiếng-nói của
một nước, tính-tên của dân-

tộc, không vì sự thay-đổi chế-độ xã-hội mà bị tiêu-diệt theo với chế-độ ấy. Những âm, thanh có biến - trại, những từ - ngữ « mới » có được bày thêm, những từ-ngữ « lỗi thời » có bị biến-nghĩa hoặc « chết », không còn dùng nữa, chứ những luật phát-âm với cách-điệu đàn-tiếng đặc-sắc của mỗi dân-tộc có phần thêm chặt - chẽ rõ - ràng, chứ không có bị lỗi-cuốn tiêu-diệt theo với mỗi chế-độ. Như thế, tiếng-nói là kết-tinh của nhiều thế hệ lịch-sử, chứ không phải là sản-phẩm của riêng một chế-độ xã-hội.

Vì vậy, theo hệ-thống đặc-biệt của mỗi tiếng nói, người ta có thể nhận ra được mối quan-hệ về thân-tộc giữa hai hoặc nhiều thứ tiếng, một cách đích-xác. Và nhờ xét qua từ-ngữ, người ta có thể ngược dòng lịch-sử tìm hiểu đặc-tánh của mỗi thời-đại, của mỗi chế-độ xã-hội.

Nhận-thức rõ hai điều-kiện cốt-yếu ấy là : 1o) ngoại - trừ phần âm-vận riêng của mỗi tiếng, còn có phần phát - âm chung của các thứ tiếng ; 2o) những luật phát-âm và mẹo mực văn-phạm đặc-sắc của ngôn-ngữ mỗi dân-tộc không mấy khi thay đổi, chỉ những từ-ngữ có thêm, bớt, tiêu-tàn, hoặc tiếng nọ « truyền sang tiếng kia » do sự « mượn lẫn » nhau, ta thấy rằng khoa ngữ-học á) dụng cho mỗi quốc-gia dân-tộc nào cũng được, bởi đối-tượng của khoa ấy là tiếng-nói, nó là khí-cụ tư-tưởng và

sản-phẩm xã-hội, thường được ghi lại bằng chữ viết.

Các ngành của ngữ-học

tiếng nói có nhiều đặc-tánh khi xét về ngoại-thể về nội-dung.

Xét về ngoại-thể, tiếng-nói không phải đâu-đâu cũng giống nhau; tiếng của nhiều dân-tộc khác nhau đã đành, mà riêng tiếng của một nước cũng không rùng nhứt thể với nhau. Vì bị ảnh-hưởng của thổ-nghị, vì bị điều-kiện thiên-nhiên của núi sông cách-trở, ngoài giọng-nói chánh-thức thông-dụng khắp xứ, thường là giọng-nói tại thủ-đô, còn có nhiều *thổ âm* là giọng nói địa-phương đặc-biệt. Như về tiếng Việt, có vài vùng nói giọng *l* thành *n* (làm thành *năm*...), *d* thành *r* (áo dài thành áo *rài*...), *tr* thành *t* (con trâu thành con *táu*...), *r* thành *g* (rời thành *gôi*...) hoặc vận *ư*, *ơu* thành *iêu* (*hiếu* thành *hiếu*, *ruợa* thành *riệu*...), hoặc giọng *sắc* thành *vặng*, (có thành *cọ*...), giọng *ngã* thành *hỏi* hay ngược lại... Đó là cách phát-âm; về nghĩa thì lại có thổ-ngữ riêng biệt : nhiều từ-ngữ vùng này dùng mà vùng khác không hiểu. Ngoài ra, có khi một từ-ngữ của hai vùng dùng nghịch nghĩa với nhau, như trong Nam nói *buồn-sẻ* là « bán gộp, bán cắt » ngoài Bắc hiểu *buồn-sẻ* là « bán lẻ ».

Có quốc-ngữ, *thổ-âm*, *thổ-ngữ* mà lại còn có tiếng chuyên-môn của mỗi nghề (*thuật-ngữ*), có tiếng *lóng*, tiếng *lái* riêng dùng

của một vài giới, có một ngữ trong quân-sự có tiếng thanh tiếng /hồ trong các cấp xã-hội.

Xét các thứ tiếng-nói trên thế-giới, đại thể có ba loại chính:

— Tiếng đơn vận hay biệt vận (langue isolante) do một hoặc nhiều tiếng có nghĩa riêng biệt hợp lại thành một từ-ngữ mới, chỉ một ý-niệm mới, như tiếng

Việt, tiếng Tàu;

— Tiếng hợp vận (langue agglutinante) do nhiều vận kế liên nhau thành một tiếng chỉ một ý-niệm, như tiếng Nhật, tiếng Mã-Lai;

— Tiếng chuyển vận (langue flexionnelle) hợp với mấy tiếp-ngữ mà biến-hóa như tiếng Phạn, tiếng Pháp (1). (còn tiếp)

(1) A/ Tiếng đơn-vận hay biệt-vận:

- 1.— Tiếng Tàu, Kiêm, Miến, Tây Tạng và vài thứ tiếng trên miền núi Himalaya.
- 2.— Việt, Miên...

B/ Tiếng hợp-vận: Phần nhiều các thứ tiếng Phi, Mỹ, Úc hai phần ba Á-châu và mấy miền ở Âu-châu, chia ra:

- 1.— Chúng-tộc Mã-Lai và Nam Dương quần đảo (Malayo-polynésienne).
- 2.— Chúng-tộc các tiếng dân Dravidiens ở Nam-bộ Ấn-độ (famille dravidienne) như tamoul, kanarais...
- 3.— Chúng-tộc miền núi Oural và Altaï (famille ouralo-altaïque) như tiếng Mông-cổ, Tatar, Samoyède, lapon, finnois, turc...
- 4.— Tiếng Nhật, Cao-ly.
- 5.— Tiếng bantou của giống người Cafres ở Phi-châu (cafre, zoulou).
- 6.— Tiếng thổ-dân Phi-châu (Ouolof, haoussa, ..., hottentot...) và các tiếng miền Nubie thuộc nam-bộ Ai-cập (langue nubienne).
- 7.— Tiếng của giống Négritos.
- 8.— Tiếng thổ-âm ở Úc-châu (langues australiennes).
- 9.— Tiếng của dân Papous (mọi ở Nouvelle Guinée, salomon...)
- 10.— Tiếng dân miền Esquimaux, aléoutes... (miền bắc-băng-dương).
- 11.— Tiếng dân miền núi Caucase (georgien...)
- 12.— Tiếng thổ dân Mỹ-châu (algonquin, iroquois...)
- 13.— Tiếng dân basques ở miền tây núi Pyrénées.

C/ Tiếng chuyển vận có hai chủng tộc lớn gồm các thứ tiếng nói trong khắp cõi Âu châu, Tiểu Á và Ấn-độ.

- 1.— Chúng tộc Do Thái (famille chamito-sémitique) chia ra hai loại:
 - Tiếng cổ Ai-cập, copte, beri-ère và tiếng dân éthiopie;
 - Tiếng assyrien, hébreu, phénicien, chaldéen, syriaque, arabe
- 2.— Chúng-tộc Ấn-độ Âu (famille indo-européenne) sanskrit, prâkrit, tiếng ind-aryen, iranien, tokharien, tiếng Hi-lạp cổ và nay, tiếng Ý và roman, celtic, Đức, baltiques lase, tiếng của dân xứ Arménie và Albanie.



NHÀ VĂN

NẦM NGỒ TRÊN

1 lang, KIẾN

VƯƠNG HỒNG SÈN

Giám-đốc Bảo-làng-viện Quốc-gia

CHUYỆN về người, khó viết cho hay. Cố viết thì đi đến đúng chậm, méch lòng.

Ngắm Bồ Tùng Linh xoay qua nói chuyện ma chuyện chồn cũng phải. Thuở Mãn Thanh còn cai trị nước Tàu, dân Mãn có tục cạo tóc xung-quanh đầu, gióc tóc để đuôi sam, — buổi ấy Bồ tiên-sinh hạ bút viết: « *bầy hồ ly say rượu, hiện nguyên hình, đòi chồn lá ra dài thườn thượt* ». Viết được câu ấy, sung sướng còn hơn trúng số độc-đắc, vì qua mặt được Mãn-triều; — nghĩ cho nhà văn thời kỳ chuyện chế, gan dạ không nhỏ, và trả thù được cách nào hay cách nấy, ham sướng, miệng quên việc có thể rụng đầu!

Còn bao nhiêu chuyện vợ ma ở chung tình với chồng người, chuyện hồ có nghĩa, chuyện chồn thủ tiết ở góa nuôi con, biết đâu chừng tác giả nói giấu mí: người đối với người quá tệ

bạc, hãy xem súc-vật, hồ mị vậy mà biết điều hơn!

Ngày nào còn đọc văn Pháp, từng xem qua bộ sách nghiên-cứu về sâu bọ của nhà côn trùng học trứ danh J.H. Fabre (1823-1915). Chuyện dễ-mèn, ve-ve, con ong, cái kiến, ngấm ra vô cùng thú vị. Bài nhập đề « một dân tộc phi thường » (un peuple extraordinaire) (1) có lắm đoạn ngộ-ngĩnh, duyên-dáng lạ lùng:

« Có kể đi xứ xa về, thuật rằng quần đảo Polynésie, thổ dân có phong tục banh môi trót ra thật to, nong vào đó một vổ ốc hoặc miếng cây hoặc miếng ngà, môi càng nong to, càng thêm đẹp.

Bộ lạc khác xuyên chân lỗ-mũi, đeo xương cá.

(1) — *Le monde merveilleux des insectes*, par J. H. Fabre, librairie Delagrave, Paris, 1933.

Gióng dân khìc nữa, xoi trái tại đeo xương, đồng, chì,...; trái tại thông xuống gần chấm vai là cực kỳ quý tướng : tại Phật !

Cũng chớ nên ai cười ai : mỹ nhân da trắng khoe mình cực điểm vẫn mình, há không rần chịu đau, xỏ tại đeo kim cương là gì ? chỉ khác một điều : trân châu, xoàn, mỗi hạt vừa bằng phân nửa đầu ngón út, giá hơn một gia tài ; bởi anh chồng chạy không ra tiền đủ, nên không treo nặng cho trái tại vợ chấm vai như phụ nữ các bộ lạc ấu trĩ, có thể thôi !

Lưu manh thời cổ hĩnh diện vì khúc xương cá đeo ngang chót mũi. Lưu manh đời nào cũng có.

Nay không chịu đau được, nên đành cam giữ tục chừa râu ngạnh trê, râu cá chổi, hay chứt-cứt-chó kiêu Charlot.

Xưa đàn ông xăm mặt cho ra dáng ông tướng dữ-dần, « lăm-lăm oai phùng », cho kẻ địch khiếp sợ. (Giống Sénagais còn gạch mặt đến ngày nay). Ngày nay, phải đẹp không cổ làm cho phái mạnh sợ, vì không còn lo nạn bắt cóc, nạn phe thắng trận chở đàn bà về nước của họ. Phái đẹp đẹp chuyện bó chân, chuyện banh môi cho xấu xa, chuyện ép ngực...; trái lại, họ muốn được yêu, được đàn ông đem giỏ, chônهن : thoa môi, giặm má hoặc đeo « ngực giả ».

Làm gì thì làm, người vẫn còn thua loài côn-trùng rất xa :

— Con ki-ri-quit có bộ vũ y xanh lam rực-rỡ, áo nylon các cá tân-thời nào dám bì ?

— Còn ai trên đời làm nghề dơ dáy hơn con bộ hung ? Mà mấy ai được như bộ-hung, hùng-dũng trong bộ giáp vàng lộng-lẫy.

Anh đánh xe thồ-mộ ngũ gà, không cấm nổi con ngựa già vừa chạy cà-rịch cà-tang vừa gieo rắc trên đường trắng nhựa những ổ xanh-xanh nóng-nóng, lọt từ sau cạnh đuôi lọt ra, cặp bò xe chú chà bán sữa cũng không chịu thua ; bò vừa đi chậm chạp ồm-ồm, miệng vừa nhai mĩa ngon, sau đuôi vừa phun bừa ; hỡi nào bãi này to tướng.

Bộ-hung từ trên cao canh-phòng mấy lần nghiêm mật hơn ty vệ-sinh nào cả ; bộ-hung đánh hơi chạy về kéo bà con lớn nhỏ lại làm phận-sự « tây uế ». Nếu không như vậy, đô thành thom-tho của chúng ta chẳng bao-lâu đã biến nên một hòn núi phân bò, phân ngựa, mũi nào chịu nổi ?

Người Á-Đông ít chịu khó tìm hiểu, mỗi mỗi đều ý-lại nơi sách vở xưa. Thuở nay vẫn tin : Sê huyết hoá ra chim se-tê. Chồn đen là con lươn vàng thành hình. Chuột xạ (chuột chũi) lâu năm trở nên con dơi-muối. — Cứ tin rầm-rầm tích « Minh-lưu nghĩa tử », cất nghĩa : vô-vô bất sâu về nuôi làm con, đúng ngày sâu biến ra vô-vô...

Sự thật đâu phải vậy !

Fabre tiên-sinh chịu khó nuôi vô-vô trong ống thủy-tinh, nhờ

vậy nghiên-cứu kỹ-càng cách thức vò-vò chích sâu bọ làm cho tê-bại, đem về nhét vào ổ làm mối sống; chờ trứng nở ra con sẽ có thực-phẩm sẵn-sàng bên cạnh vừa ăn vừa lớn... Tiên-sinh khâm phá: vò-vò, cha truyền con nối, có cách đặc-biệt: mỗi lần ôm con sâu thọc mũi nọc vào lỗ khớp xương cổ, mười lần như một, là chích trúng căn não con sâu, không sai chạy lần nào, — nghề châm-chích của vò-vò tuyệt diệu vô song, dám chắc không bác-sĩ chuyên môn nào bì! Con vò-vò tiêm vào cổ con sâu một chất nọc làm cho con sâu tê-liệt, bán sống bán chết, bỏ gần kẻ thù còn là trứng, sau này là vò-vò con, mà không sức phản động, không plương chống trả, đành nằm không cự quậy, chịu làm mối sống cho vò-vò mên, mỗi ngày mỗi lớn, có sẵn đồ ăn tươi ngon — còn tươi ngon hơn thịt ướp máy lạnh, — thật là tạo hóa tinh vi vô ngần!

Chiến-sĩ cổ thời luôn-luôn cấp bâu kiếm bửu-đao từ-thân. Chiến-sĩ đời nay vai vác súng kè-kè, mọi ngời đều trông thấy. Nhưng gươm linh súng nhạy có tùy-thân mãi-mãi được đầu. Giờ đi xả hơi, giờ đi nằm... Thua xa con ong, suốt đời, con ngừ như con ăn, đều đời, tùy nọc độc kim bén có sẵn sau hậu-môn, đồ ai dám mó.

Tuyệt diệu chưa?

Xã-hội côn-trùng có đủ sắc đàn sắc thợ: sắc nào sắc nấy, mỗi-mỗi loè-loẹt giàu sang không một người trùn-thể sánh kịp.

Sâu bọ, con nào hèn nhỏ thế mấy, trời phú cho khi ra trận tranh-đấu phải có bộ giáp qui bấu che thân mới bằng lòng. ②

Con mối ăn cây, con một khoét tre, đục khoét êm-ru, không nghe tiếng động; xây nhà xây hang tiêm-tắt, bắt chắp luật-pháp và kiến-trúc sư.

Thợ mộc giỏi, ngồi mãi đồ nghề, cũng đủ hao thời giờ; mà đồ nghề vẫn lứt lì-lì, thua xa hàm răng, cặp chơn trước của loài sâu bọ: con hà khoan lũng khoang ghe, khoét chân chị gánh nước kêu trời...; con dế nhũi cắt đứt rễ tre, tiện ngang gốc hương, nhờ cặp giò trước có răng cưa sắc lém.

Có nhiều giống sâu chuyên môn ở trong xó tối cả đời lo đục lỗ, khoét lỗ trong cây gỗ, không cho một ai thấy mặt. Thế mà một khi ra ngoài ánh sáng, coi kỹ lại luôn luôn vẫn mang theo trên đầu hai sợi lông dài không khác tưởng Phiên, đào hát bội đeo đôi lông trĩ. Kề về xa-hoa trong sự ăn mặc, xa-xỉ đến thế là cùng! Mà kể về khoa học, cũng vô cùng màu nhiệm: muốn nói cặp lông kia là giây dẫn-diện, là ăng-ten (antenne), hoặc ra-da (radar) đều được!

Giống khác nữa tuy chuyên nghề đề-tiện: đào đất, xoỉ hang, nhưng vẫn y-giáp đường hoàng. Có giống lại có đeo đèn چرا chất nhạy lửa trên đầu, mới bảnh cho chờ!

Con cùc, con cồng, khoét lỗ dưới đất cát như chiến-sĩ lăn

thời đào chiến-hào (tranchée). Chiến-hào nhân-tạo không màu-nhiệm bằng lỗ-cúc, lỗ-cổng: kiến con, bọ nhỏ, bọ ngang sa chân té xuống, cóc, cống bắt ăn thịt ngen lành. Ấu rồi vứt xác bần xác lên xa, gió thổi bay mất, giấu nhem tang tích: sâu vẫn bò, kiến cứ đến miệng hang nạp thịt: chiến-lược của loài người khéo hơn chăng?

Cúc, cống là loại sâu trong Nam, khoét lỗ ở dưới đất. Hỡi mấy cậu học trò con trong này thì biết. Pabre gọi «Fourmi-lion»

Đào Duy Anh dịch « kiến sư-tử » nghe Tây quá!

Bồ-Tùng-Linh kể chuyện một văn-nhân dạo chơi ngoài đồng, buồn ngủ, nằm dưới gốc cây đánh một giấc ngon lành. Chiem bao thấy mình lạc đến một xứ lạ: lâu-đài dinh-thự cao vùn-vút, vua quan dân cung-phi mỹ-nữ dập-dìu... Giật mình thức dậy, nhà cửa, vua chúa biến đâu mất. Xem lại, dưới gốc cây có một ổ kiến lớn, mới hay trong giấc ngủ mê, thả vĩa dạo cung-điện côn-trùng.

* ĐIỀU ƯỚC AO CỦA MỘT ANH HÈ.

Trên chuyến xe lửa từ Saigon ra Đồng Hà một ông chính khách nói chuyện với một bà Cách-Mạng. Bên cạnh có một ông hề nổi tiếng, (của một gánh hát lớn ở Saigon) ngồi góp chuyện. Chuyện nọ xọ chuyện kia, sau hết bàn đến chuyện « Chết và danh dự ».

Ông chính khách nói : — Khi tôi chết, tôi ước ao được danh dự là người ta đặt tôi nằm cạnh phần mộ vị anh hùng Nguyễn-thái Học.

Bà Cách Mạng tiếp lời : Tôi thì ước ao được danh dự nằm cạnh Vị Nữ anh hùng Nguyễn-thị-Giang.

Anh Hề bàn góp : Còn tôi, tôi ước ao được nằm cạnh « Hoa Hậu Mỹ Kim ».

Ông chính khách và Bà Cách Mạng trở mặt hỏi :

— Nhưng « Hoa Hậu Mỹ Kim » chưa chết mà ?

— Dạ đúng rồi ! chính nàng chưa chết nên tôi mới ước ao được nằm cạnh nàng !

QUỐC BẢO



SÂN-KHẤU CÁI-LƯƠNG

ĐÃ ĐƯỢC 41 TUỔI

* Phong trào «Ca Cải Lương» xuất hiện từ đâu?

* 7 gánh hát đầu tiên trong lịch-sử Cải Lương Nam-Phần

ĐẾN hạ-tuần năm Mậu-Tuất này (1958), Sân-khấu Cải-Lương Việt-Nam vừa thọ được 41 cái xuân. ☺

Chưa sống đến nửa thế-kỷ, nhưng Cải-lương đã trải qua lắm cuộc phủ trảm, mỗi ngày mỗi tàn-tạ, và biết chừng đâu đến 50 tuổi, cải-lương sẽ «ra lão», sẽ bị tàn-nhạc, thoại-kịch, điện-ảnh đẩy lui vào tận xóm nhỏ, làng xa như... cải lương đã có thời-kỳ lần lượt hát bội vậy.

Không riêng gì chúng tôi qua đi quan mà nhận xét như vậy! Chính những kịch sĩ đàn anh của Cải-Lương như Bảy Nhiêu, Năm Châu, Ba Vân... cũng đã chua chát mà bảo thế. Một ký giả nhiệt thành cùng giới cải lương nhất, là anh Trần-tấn-Quốc cũng nhiều lần phát lên tiếng gọi S.O.S, mong cứu vãn tình trạng cải lương tránh cơn bế tắc, khủng hoảng, nhưng vì hầu hết người lập gánh, tức các Ông Bà Bầu đều không có quan niệm rõ

ràng về nghệ thuật, họ lập gánh chỉ có mỗi một mục-tiêu: làm tiền, họ hiệp lực với các người cho vay ăn lãi để móc túi quần chúng và bóp chặt, vơ vét, nạo xương thầy nghệ sĩ và công nhân sân khấu, cho nên nghệ thuật Cải lương khó mà tồn-tại được lâu bền!

Loạt bài này có mục-đích nhắc lại cho bạn đọc biết rõ lịch-sử của bộ-môn cải lương, và là một thiên điều tra đặc biệt, giúp bạn đọc hiểu rõ tình trạng cải lương của xứ này bên.

* Phong trào «Ca Cải Lương» xuất phát từ bao giờ?

Phong trào cải lương phát

khởi từ miền Đồng Nai, Bến Nghé, sau đó mới lan-tràn ra Trung-đến sông Hương, núi Ngự.

Hiện thời ở thủ đô, cải lương không còn ở trong thời kỳ cực thịnh như 20 năm trước. Trên 2 triệu dân chúng, thủ đô Việt Nam chỉ có 3, 4 rạp cải lương và trên

Bài của
NGUYỄN-ANG-CA

Công Danh, tức Mười Giảng —
thầy của Tư Chơi).

6.— **Si-Đồng-Ban** (của **Thầy**
Bảy Sô) ở Long Xuyên.

7.— **Kỳ-Lâm-Ban** (của **Bà**
Huyện Xây) ở **Vũng-Liêu-Vĩnh**
Long (có **Tư Út**, có **Ba Hui**, **Tư**
Thạch...)

Đây là 7 gánh hát tiền phong
của cải-lương xứ này mà những
kịch-sĩ của đoàn, có thể nói là
những anh chị Cả của giới sân
khấu miền Nam.

Cô **Bảy Phùng Há** xuất thân
cũng trong nhóm **Nam-đồng-Ban**
của ông **Hai Cu** (**Hai năm trước**

chất âm thầm, trong bóng tối
dưới một túp lều tranh đồ nát
cạnh trường học **Pélaus Ký**).

Sau 7 gánh có trước nhất,
gánh thứ 8 trong giới cải lương
40 năm trước là gánh **Tái-Đồng-**
Ban. Vì sau khi **Hải-Giỏi** — kép
hạt tài danh bậc nhất hồi ấy —
chết, thân phụ của **Hải Giỏi** là
ông **Hai Cu** mới lập ra đoàn **Tái-**
Đồng-Ban, qui tụ những kịch sĩ
hữu hạng như **Năm-Châu**, **Tám-**
Mẹo, **Năm-Long** (thân phụ hát
có **Ngọc Hải**, **Ngọc-Hà**), cô **Hải**
Phụng (vợ đầu tiên của anh **Năm**
Châu) và **Tư Út**.

(Còn nữa)

★ BẢO HIỂM NHÂN MẠNG

Tokio là một thành phố có nhiều xe cộ, đông dân cư, và lắm báo
chủ, vào bậc nhất thế-giới — Bởi thế các « ông nhà báo » thường cạnh
tranh nhau ráo riết về vấn đề « độc giả » — Một tờ báo « Lá cải » nọ sau
thời gian tung ra những hình ảnh dúi, ngực và một loạt bài phóng sự,
tiền thuyết khiêu dâm — vẫn không thấy số độc giả tăng lên bao nhiêu.
Ông chủ nhiệm bèn nảy ra sáng kiến là tặng không một năm « Bảo Hiểm
Nhân Mạng » cho độc giả nào mua báo năm. Và ông cho in quảng cáo cái
sáng kiến đó liên tiếp trong nhiều số báo.

Bỗng một hôm người ta đọc thấy ở trang nhất của tờ báo « Lá cải »
ý tin sau này : « Tuần rồi cô **Harumako** đã đóng tiền mua báo năm và
được bốn báo chủ nhiệm tặng không một năm « Bảo Hiểm Nhân-mạng ».
Hồi 14 giờ chiều hôm qua Cô bị xe hơi cán trọng thương.

Nhờ có giấy « Bảo Hiểm Nhân Mạng » của Bốn Báo, cô liền được
lĩnh ngay số tiền bồi thường là 2000\$. Thật là một dịp may hiểm có !
Vậy quý bạn, ai chưa đóng tiền mua báo năm, hãy quyết định ngay đi !
Biết đâu, nay mai quý độc giả sẽ vô cùng sung sướng lãnh được số tiền
tái tái kia ? »

Q B.



CÁC bạn, cũng như tôi, phần đông đều nuôi một mộng-tưởng. Mộng-tưởng trở thành một chính-khách, mộng-tưởng trở thành một bác-sĩ, một họa-sĩ, v...v... Nhưng mộng-tưởng đều do ảnh-hưởng của xã-hội chi - phối, thường biến chuyển theo trào-lưu của nền văn-minh và trình độ văn-hóa của nước nhà.

Mộng-tưởng của tôi là làm xi-nê-ma. Nó bắt đầu nảy-nở khi lần đầu tiên tôi được xem phim « Le voleur de Bagdad » do Douglas Fairbank đóng. Nếu ai đã học tại trường Trung-Học Vinh năm 1928, thì sẽ nhớ đến buổi trình-diễn hi-đrat ấy. Rạp hát bóng ở cạnh cửa Nam thành Nghệ-An. Cứ mỗi tuần chủ rạp chiếu hai lần cho học-sinh xem với giá vé đặc-biệt (6 xu thì phải) vào thứ năm và chúa-nhật.

Hôm đó, một chương-trình thật hấp-dẫn được tung ra : Douglas Fairbank trong phim : Le Voleur de Bagdad ! Các bạn cứ tưởng-tượng Douglas Fairbank là James Dean thời nay thì hiểu ngay sự quyến-rũ của một phim « hốt-bạc » như thế nào !

Giờ chiếu định là 3 giờ chiều. Từ 1 giờ rưỡi đã có hàng trăm học-sinh đứng chờ trước cửa rạp, tuy họ đã mua vé do-trường bán từ lâu ! Đứng một cái, chủ rạp tuyên bố : vì phim hay nên lấy thêm tiền ! ! Anh em phần uất cực độ ! Ba anh ghiền xi-nê bàn : « Thôi, thêm tiền đi anh em ! ». Nhưng 2 xu thôi bấy giờ to lắm, gần như 200 ¢, thời nay vậy. Mà xin cha mẹ được 1 xu là cả một vấn đề ! Cho nên, anh em phần đông muốn đả-đảo cha chủ rạp, nhưng nhìn cái bộ râu quyến-rũ của Douglas nên cố

Công Danh, tức Mười Giảng —
thầy của Tư Chơi).

6.— **Si-Đồng-Ban** (của **Thầy**
Bảy Sô) ở Long Xuyên.

7.— **Kỳ-Lâm-Ban** (của **Bà**
Huyện Xây) ở **Vũng-Liêu-Vĩnh**
Long (có **Tư Út**, có **Ba Hui**, **Tư**
Thạch...)

Đây là 7 gánh hát tiền phong
của cải-lương xứ này mà những
kịch-sĩ của đoàn, có thể nói là
những anh chị Cả của giới sân
khấu miền Nam.

Cô **Bảy Phụng Há** xuất thân
cũng trong nhóm **Nam-đồng-Ban**
của ông **Hai Cu** (**Hai năm trước**

chất âm thầm, trong bóng tối
dưới một túp lều tranh đồ nát
cạnh trường học **Pélaus Ký**).

Sau 7 gánh có trước nhứt,
gánh thứ 8 trong giới cải lương
40 năm trước là gánh **Tái-Đồng-**
Ban. Vì sau khi **Hải-Giỏi** — kép
hạt tài danh bậc nhứt hồi ấy —
chết, thân phụ của **Hải Giỏi** là
ông **Hai Cu** mới lập ra đoàn **Tái-**
Đồng-Ban, qui tụ những kịch sĩ
hữu hạng như **Năm-Châu**, **Tám-**
Mẹo, **Năm-Long** (thân phụ hát
có **Ngọc Hải**, **Ngọc-Hà**), cô **Hải**
Phụng (vợ đầu tiên của anh **Năm**
Châu) và **Tư Út**.

(Còn nữa)

★ BẢO HIỂM NHÂN MẠNG

Tokio là một thành phố có nhiều xe cộ, đông dân cư, và lắm báo
chủ, vào bậc nhứt thế-giới — Bởi thế các « ông nhà báo » thường cạnh
tranh nhau ráo riết về vấn đề « độc giả » — Một tờ báo « Lá cải » nọ sau
thời gian tung ra những hình ảnh dúi, ngực và một loạt bài phóng sự,
tiền thuyết khiêu dâm — vẫn không thấy số độc giả tăng lên bao nhiêu.
Ông chủ nhiệm bèn nảy ra sáng kiến là tặng không một năm « Bảo Hiểm
Nhân Mạng » cho độc giả nào mua báo năm. Và ông cho in quảng cáo cái
sáng kiến đó liên tiếp trong nhiều số báo.

Bỗng một hôm người ta đọc thấy ở trang nhứt của tờ báo « Lá cải »
ý tin sau này : « Tuần rồi cô **Harumako** đã đóng tiền mua báo năm và
được bốn báo chủ nhiệm tặng không một năm « Bảo Hiểm Nhân-mạng ».
Hồi 14 giờ chiều hôm qua Cô bị xe hơi cán trọng thương.

Nhờ có giấy « Bảo Hiểm Nhân Mạng » của Bốn Báo, cô liền được
lãnh ngay số tiền bồi thường là 2000\$. Thật là một dịp may hiểm có !
Vậy quý bạn, ai chưa đóng tiền mua báo năm, hãy quyết định ngay đi !
Biết đâu, nay mai quý độc giả sẽ vô cùng sung sướng lãnh được số tiền
tái tái kia ? »

Q B.



CÁC bạn, cũng như tôi, phần đông đều nuôi một mộng-tưởng. Mộng-tưởng trở thành một chính-khách, mộng-tưởng trở thành một bác-sĩ, một họa-sĩ, v...v... Nhưng mộng-tưởng đều do ảnh-hưởng của xã-hội chi - phối, thường biến chuyển theo trào-lưu của nền văn-minh và trình độ văn-hóa của nước nhà.

Mộng-tưởng của tôi là làm xi-nê-ma. Nó bắt đầu nảy-nở khi lần đầu tiên tôi được xem phim « Le voleur de Bagdad » do Douglas Fairbank đóng. Nếu ai đã học tại trường Trung-Học Vinh năm 1928, thì sẽ nhớ đến buổi trình-diễn hi-đát ấy. Rạp hát bóng ở cạnh cửa Nam thành Nghệ-An. Cứ mỗi tuần chủ rạp chiếu hai lần cho học-sinh xem với giá vé đặc-biệt (6 xu thì phải) vào thứ năm và chúa-nhật.

Hôm đó, một chương-trình thật hấp-dẫn được tung ra : Douglas Fairbank trong phim : Le Voleur de Bagdad ! Các bạn cứ tưởng-tượng Douglas Fairbank là James Dean thời nay thì hiểu ngay sự quyến-rũ của một phim « hốt-bạc » như thế nào !

Giờ chiếu định là 3 giờ chiều. Từ 1 giờ rưỡi đã có hàng trăm học-sinh đứng chờ trước cửa rạp, tuy họ đã mua vé do-trường bán từ lâu. Đứng một cái, chủ rạp tuyên bố : vì phim hay nên lấy thêm tiền ! Anh em phần uất cực độ ! Ba anh ghiền xi-nê bàn : « Thôi, thêm tiền đi anh em ! ». Nhưng 2 xu thôi bấy giờ to lắm, gần như 200 %, thời nay vậy. Mà xin cha mẹ được 1 xu là cả một vấn đề ! Cho nên, anh em phần đông muốn đi-đảo cha chủ rạp, nhưng nhìn cái bộ râu quyến-rũ của Douglas nên cố

nhận-nhạc và nhờ thầy «xu- quai-dan» can thiệp giúp.

Tiếng tây qua lại như pháo rang, giữa một cái không-khí như giồng-bão, lại thêm nặng 3 giờ nóng ghê gớm, sơ suất một tí là có thể xảy ra một vụ xung đột «nặng nề»! Tôi còn nhớ, cha chủ lùn tịt cái bụng bự, lên tay múa ngón coi như một Napoléon thứ hai đang cõ vỏ quân lính, mà quân lính đây là quân lính địch, trong các bộ áo dài đen, hoặc trắng, đầu đội nón li-e, «học-sinh» Trung-Học mà chớ phải chơi sao! Giá trị tương đương như các sinh-viên Đại-Học hay xuất dương thời nay vậy (họ tự cho là vậy!). Đã có một luồng gió phá hoại thời ngang, vì thời

bây giờ họ là con cháu của những nhà cách-mạng danh tiếng...

Sau cùng lẽ phải đã thắng, và học-sinh lực tặc kéo vào rạp. Tôi còn nhớ Douglas đóng hay hơn Sabu nhiều, và có vẻ hiên ngang hơn. Nhưng dù có hay, có hấp dẫn cũng chẳng làm cho tôi quên cái «nhục» quá to đối với tôi; một người ngoại quốc-dám khinh thường cả một thế-hệ! (sic). Xi-nê, Xi-nê, tại sao người Việt-Nam lại không làm xi-nê được? Câu hỏi ấy cứ lẩn vẩn mãi trong trí non nớt của tôi.

Nhưng, mộng tưởng ấy quá

bồng bột, nên bất chấp cả sự học đang tiến bộ, tôi tự ý muốn tìm cách học cho biết! Than ôi! nhiều sự thật chưa chất kéo tôi vào thực tế và cái thành kiến: «Xương ca vô loại» đã là một cánh cửa bằng gỗ lim khép chặt lãnh vực điện-ảnh, không cho tôi bén mảng vào trong một thời gian khá lâu.

Tuy vậy cái mộng vẫn triển-miền, dai-dẳng, đội lốt thành ra «mê Xi-nê». Thôi thì tuồng nào cũng đi, bao nhiêu tên tuổi tài-tử thuật như cháo, còn hơn các «phương-trình» khoa-học nữa! Trong rừng, có một chiếc hộp gỗ đựng bình các tài-tử, do hàng

«M» kèm theo các gói thuốc lá. Toàn là hình 4 x 6. Chương trình thì được

xếp kỹ lưỡng, còn quý hơn các bài học nữa!

Tôi thấy cái dịch «Ái Xi-nê» ấy không mấy đổi thay, dù ở phương-trời nào hay vào thời-đại nào! Mãi sau này tôi mới hiểu lý-do chính-yếu khiến cho phần đông các bạn thanh-niên ưa thích xi-nê!

Thăm-thoát gần hai mươi lăm năm! Mộng-tưởng vẫn tồn-tại, mặc dầu xã-hội đã lổi-đổi tôi vào một con đường khác, hay là một bình-diện khác, một hình-thức xi-nê khác: Điện-học!

Có kẻ tốt phước được xuất-dương theo đòi sự học hồi trong

Hồi Mĩ THÁI-THỨC-DIỆN

một trường Điện-Ảnh ngoại-quốc họ có cái cấp bằng của một trường ở Pháp hay Mỹ, - mà thời-đại nào cũng mền chuộng bằng cấp cả, mặc dầu bằng-cấp chưa đủ chứng-minh một tài-nghệ gì. Có kẻ xấu số, cầm cùi nhúng tay vào nước thuốc, mất mồn-mỗi trên những cuốn sách mua với một giá chợ đen. họ lại chẳng có một tấm giấy chứng chỉ nào, nhưng họ vẫn vui-vẻ hy-sinh hy-sinh nữa.. để tự tìm hiểu những mảnh-khoé đặc biệt của nghề mà chỉ có sự thực-hành mới có thể dạy-dỗ đầy-dủ.

Họ bắt đầu từ một tên vác đèn, khiêng máy, họ bắt đầu một kẻ gõ bằng, rồi lên lần trở thành một người thợ ráp nối phim, một chuyên môn vó tiếng, một chuyên môn rửa và in, một chuyên môn quay, một chuyên môn viết, cắt, kết-tạo ra chuyện, một đạo diễn, một nhà sản-xuất. Sự cố-gắng không ngừng tuy không đem lại cho một mảnh bằng nào cả, nhưng họ suag-sướng được tự mình tìm cách thực-hiện mộng-tưởng của họ : Xi-nê, Điện-Ảnh chỉ có hai chữ, như cây đèn néon nhấp-nháy, kéo cả đời họ vào cái nghiệp-chương triền-miên...

Khi các bạn ở một rạp chợp

bóng bước ra, sau khi xem xong một cuốn phim, bạn có quyền khen hay chê, nhưng bạn chắc không bao giờ tưởng tượng ra công-phu của những người đã tận-tụy làm ra cuốn Phim để hiến cho bạn, mặc dầu hay, hay dở, thì đây, tôi cùng bạn bước vào thế-giới điện-ảnh. Cuộc hành trình này, sẽ giúp bạn hiểu rõ đời sống các chuyên-viên xi-nê, với cái vinh, cái nhục, cái cực, cái sướng, và bạn sẽ cùng tôi dự vào sự cấu-tạo một cuốn phim-không phải như trong các sách đã chỉ vẽ hoặc như các bậc tri-thức đàn-anh đã dạy bảo trong mấy tạp-chi Điện-Ảnh xứ-ta với lý-thuyết khô-khan căn-bản, hay không phải là bi-quan-hóa thuần-Phong mỹ-tục điện-ảnh như trong một vài thiên phóng-sự bi-đát — các bạn cùng tôi sống lại một đời chuyên-viên điện-ảnh và bạn sẽ thương thương những con người «nghệ-sĩ» ấy. Và điều mong-mỏi hơn hết là bạn sẽ ủng-hộ nghệ-thuật thứ-bảy của Việt-Nam, với trí sáng-suốt của bạn. Sau khi thấy rõ giọt mồ-hôi của người thợ phim trộn lẫn với nước thuốc, hay điểm máu của họ nhỏ trên băng nhựa vàng khè.

(Còn nữa)

* TRÊN SÂN BANH

Hai chị ở miền núi lần đầu tiên xuống thành-phố xem đá banh :

A — Trời ơi ! họ đá khiếp quá ! Đánh nhau chi vậy he ?

B — Ủa nhỉ ! ở ngoài phố, mỗi quả banh bấu vài trăm bạc, chứ có mắc-mỏ gì, sao họ không mua mỗi người một quả để đem về nhà chơi, tội gì tranh nhau, góc ếm quá !

Q. B.

Phước
Cười

20

CINEMA



BAN đầu thì khi nào cũng hay, cũng đẹp, cũng quý cả. Nhất là những con người trên dưới ba mươi gập nhau trong những buổi « liên hoan » đèn màu, những cuộc tảo thanh vĩa hè đô thị trông đáng nòng thơ qua mái tóc « kiều » gọn gàng, xinh đẹp như những cô đào nguyên tử của kính đỏ ánh sáng trời âu vừa nhập cảng..., những bước đi « kiều cách » của con người dài các, lâu hoa chính cống; mặc dầu xuất thân từ gái « ma-ri-phông-ten » đến « ô hương đèn ». Có lẽ vì thế mà người ta rất dễ dãi với nhau, thân nhau không mấy chốc !

Tôi và Hoàng gặp nhau cũng một trong những trường hợp trên, lại thêm vào sự trung gian của người bạn trai rất thân tôi nên chúng tôi càng dễ dàng trao nhau những tâm-tình nửa mùa, những câu chuyện đời vụn vặt, sau cái bắt tay, câu chào thông thường,

PHÒNG SỰ
THỜI ĐẠI
của
NGUYỄN
THU
MINH

tôi và Hoàng đã sánh vai trên bậc
lượn phố phường tìm « hoa tri-
kỷ » như đôi bạn chí thân trên
mười lăm năm ở giữa cuộc đời..

Khởi đầu câu chuyện gặp gỡ
bằng một hình ảnh đẹp — cô gái lai
chính tông — có bốn giòng máu,
lười qua với tất cả « cơ đồ » ngọc
tượng đã được tay thợ lành nghề
chỉ chuốt lớp ni-lông, khề gặt
đầu chào Hoàng lẳng cụp mắt
thơ mộng, nụ cười mê ly nửa
miệng.

Hoàng mạnh dạn cười trả
đúng-diệu « tay tở » trên đường
em út, tuy mình vẫn còn là một
« thư sinh »:

— Angèle đi chơi ?

Cô nàng chưa kịp đáp trả, Hoàng đã tiếp bằng một giọng « nịnh đầm » nửa đùa nửa thật :

— Hôm nay trông Angèle đẹp quá !

Nàng « chơi » e-thẹn, nguyệt Hoàng :

— Anh chỉ « khéo tán » thì không ai bằng.

Được thế Hoàng càng « làm già » nheo mắt đa tình :

— Angèle hôm nay sao mà « ngoan » đến thế, b.ết khen anh một câu rất phải.

Nghe vậy, nàng liền cười xi xòa, có lẽ vì sợ Hoàng giận rồi mất vài châu o-hế bên ngọn đèn xanh chẳng ; nên nàng phải khề trề đôi môi đỏ mọng nói :

— Người gì mà khéo chịu thế không hiểu.

Trong lúc đó Hoàng say sưa nhìn bộ ngực nở nang, lằng eo mát rượi của nàng xuyên qua khung vải gương năm tám đặc-biệt gọi tình ba mươi lăm, chẳng đáp câu hỏi của nàng, khiến nàng hơi « ngớ ngàng » buộc lòng tôi tấn công thêm câu nữa :

— Bây giờ anh đi đâu ?

Như người vừa tỉnh mộng, nhưng Hoàng cũng khéo trả lời câu rất « hay » chứng tỏ tay lão-luyện trên đường chim gái hoa đèn và vĩa hè :

— Đi tìm Angèle chứ đi đâu.

Bây giờ gặp, Angèle đi đâu cho tôi theo với...

Dứt câu, Hoàng nhún vai quay sang tôi nhảy mắt cười ra hiệu muốn bảo thầm cho tôi biết rằng nàng là của Hoàng, người tình của Hoàng rất đẹp, rất xinh thế đấy.

Tôi cười của sự thông cảm sâu xa duyên lứa đôi mươi đa tình, gặp nhau trong buổi chiều phố hội.

Vài anh chàng đôi mươi nặng tình « trống mái » đạo ngang, vênh mặt dề ra nhìn chúng tôi bằng cặp mắt như ganh ghét vì ước muốn cà-kê hương lòng mà chưa gặp chỗ.

Tôi lặng lẽ quay ra quang-lộ ngắm những chiếc xe hơi tối tân bóng nhoáng nối đuôi nhau bò dài dọc theo đường phố ; để cố che đậy nụ cười ranh mãnh thâm kín của cảm nghĩ lòng mình bởi đôi môi nồng cháy nhiệt tình, bộ ngực giàu khả năng sinh tố, gần trên tấm thân ngà ngọc mát rượi của Angèle, lẫn dáng điệu song tàn, cái miệng khéo nói, đôi mắt say sưa gọi cảm của Hoàng.

Bỗng tiếng cười đầy thoải mái nở đậu trên đôi môi mọng Angèle xé tan bầu không khí rồi rạc kếm trẻ trung giữa chúng tôi.

Tôi giật mình quay lại vừa đúng lúc bàn tay Angèle mím mím chia ra bắt tay Hoàng để từ già :

— Thôi, cho Angèle đi đàng

này với chị bạn có tí việc. Mai rồi, mời anh ghé nhà chơi.

Hoàng mỉm cười gật đầu.

Angèle đảo cặp mắt liếc tình tiếp :

— Nhớ nhé ! Đừng để Angèle chờ, sốt ruột lắm đó !

Bóng nàng tho ngược chiều được mười bước, Hoàng quay lại vịn vào vai tôi thăm nhủ :

— Được chứ cậu ? Nữ sinh N.V.K và V.L cả đây cậu ạ.

Tôi vui vẻ hỏi :

— Vẫn còn nữ sinh à ? Đệ mấy ? Mà đúng « hiệu » hay khoác vỏ đề cho mầy đứng trên vỏ chuối.

Hoàng trở mặt, cải-chính một cách tự đắc :

— Bậy nào ! Con nhà tử-tế, đang hoàng mà. Điều bọn lai nó « tự nhiên » thế đấy ! Hơn nữa, nó lại là tinh cũ nghĩa xưa !

Tôi gật đầu nhận lỗi sự xét đoán vừa qua.

Hoàng tiếp :

— Trông vậy, chứ hiểu rõ nàng và gia đình nàng thật đáng thương lắm cậu ạ. Mặc dầu, đôi khi vì tánh tự kiêu của nàng làm mình khó chịu l...

Tôi biện bác hộ cho Angèle để Hoàng vui lòng thêm :

— Con gái ai không thế, đừng nên trách Angèle mà tội.

Hoàng cười, tôi cũng cười.

Những nét độc-đáo của người

đàn ông trên dưới ba mươi đang còn độc thân bắt đầu xuất hiện trên gương mặt, nụ cười của chúng tôi.

Bốn gót giày vẫn thi nhau nhịp đều dọc theo các vỉa hè đại lộ đông người điễm kiều.

Nắng đẹp rải đều trên thân hình mọi người càng làm tăng thêm vẻ tươi trẻ chuỗi ngày vui.

Hoàng và tôi lại tiếp tục những câu chuyện tình nồng cháy lửa đôi đã qua trên lớp tuổi thời gian.

Đầu tiên là chuyện tình giữa Hoàng và Angèle cách đây ba năm sống đầy hoa gấm, hứa hẹn nhiều giấy xích cao-su... Rồi cứ thế mà kéo dài sang những chuyện tình ái lẽ khác « mê toi » đặc sắc hơn và cũng lắm làm ly, đau khổ chẳng kém gì Thúy Kiều-Kim Trọng.

Trên hai tiếng đồng hồ vòng quanh vỉa-lộ đồ thành, Hoàng không nói câu chuyện gì khác hơn là nàng và chàng đẹp duyên đẹp lứa, áo quần bánh bao, lịch sự. Những là cổ nầy có mái tóc đẹp quá, tóc chịu thật, cô kia đã xấu lại còn đáng đi trông thật kinh khủng, cô nọ mặc chiếc áo ngắn thật, giá đánh trường đi phố còn hơn, nàng nầy... hai « trái đào » quá xá, dám so sánh với một Marilyn Monroe, một Brigitte Bardot của kinh đô ánh sáng trời Âu lắm, nàng nọ cũng Vamp chẳng khác gì nữ tu-huyết K.N. nhà mình, mợ nầy gài chứ còn

«hăng» chán; tớ nghĩ giả mình lấy một cô vợ goá chồng mà hay cậu ả, «đầy đủ» số sách, nên nhớ là «toàn-diện» nghe. Trông mợ này cũng tạm được, «bọn» mình đi theo «phá» cho vui, vân vân và vân vân...

Những lúc này nếu tôi có lời nào phản đối Hoàng sẽ nhìn vào mặt tôi mà bảo: «Cậu mà «hiền» vậy sao? Đứng đạo đức giả nữa, cứ ồm ồm! Cái «nước» cậu chỉ tổ làm đàn-bà con gái khinh thôi, nó sẽ cho cậu là không «biết gì...» Cậu đừng tưởng «làm bộ» vậy đàn bà, con gái yêu cầu, cậu thấy trên đời này những anh chàng nào càng... «đều» lẻo bịp bao nhiêu thì đàn bà, con gái càng ưa, lẫn xả vào bấy nhiêu. Đàn bà chỉ là những con thiêu thân, ham muốn vô bờ. Nếu cậu giữ được những điểm trên tất cậu sẽ rõ... về đàn bà ngay...

Do đó, tôi chỉ biết lẳng lẳng nghe, thỉnh thoảng chỉ xen vào đôi câu gọi là đưa muối cho đậm đà duyên nợ buổi đầu, chẳng khác gì cái «điệu» của nàng dâu từ giã bà con, họ hàng đáp xe hoa về nhà đức ông chồng tìm vui!

Đang nghĩ liên miên về những cậu bạn mà tôi đã được cái vinh hạnh gặp trên bước đường vô tận của lớp tuổi, có thể nói chưa một ai bằng Hoàng mà đã «sỏi đời», ngạo đời như vậy, trong khi Hoàng vẫn vui vẻ cười tiếp:

— Đi suốt mấy dãy phố chả trông được một cô nào ra hồn, sáng này thật là xúi quẩy.

Tôi đùa:

— Chắc cậu ra đường gặp «gái» chứ gì!

Trầm ngâm một chốc Hoàng vẫn dáng điệu muông thú của thằng trai chỉ sống biết có vật chất:

— Này, cậu nhảy khá không? Chiều này đi «trà vũ» cho vui. Tớ có mấy «con bả» tha hồ nhảy.

Tôi nhìn Hoàng đáp:

— Tạm thôi, hơn nữa... đề xu đi ciné chứ cậu.

Hoàng đánh vào vai tôi, chắc lưỡi:

— Tốn quái gì, bao lăm mà ngại.

Xong chỉ tay vào ngực:

— Cậu yên trí, tớ chịu tất cả, khỏi ngại. Ở Tabarin có con Bích-Hương xinh lắm cậu ả, tớ dám nói với cậu rằng nó đi ra đường chẳng ai biết nó là gái nhảy, cứ tưởng là học sinh — «ngây thơ» một trăm phần trăm — không khéo cậu gặp nó, cậu sẽ chết một cũng nên.

Rồi như chợt nhớ việc gì, Hoàng dừng lại:

— À, mà chúng mình về chứ, cậu nhỉ? Phố đã vắng rồi mà các em cũng chả còn ma nào lương thiện đâu, toàn dân «đánh đập» cả...

Lúc này tôi cũng đã cảm thấy uể oải vì nắng trưa gay gắt lẫn không khí sinh hoạt gần như ứ đọng nên tỏ ý tán thành:

— Ừ, chúng mình nên về là vừa, chiều gặp!

(Còn nữa)



Hà
Liên
Tư

của

LÂM VI THUY



Giới thiệu

MƯỜI ba năm qua đã biến-đổi hẳn tâm-hồn của Dân-tộc Việt-Nam. Một thế-hệ thanh-niên mới cũng vừa trời dậy, rất trẻ nhưng rất già, chưa kinh-nghiệm về đời nhưng đã thử-thách đời, chưa giàu đã biết khổ, hoặc chưa biết yêu đã ghét.

Những nhà xã-hội tâm lý học đã lưu tâm đến những trạng thái biến chuyển sau một lộn nhào của Lịch-sử, như bên Pháp sau hai Đại-chiến 14-18 và 39-45, như ở Việt-Nam hiện nay, đều nhận thấy một tình-trạng tâm-lý nào-nuột, không tránh khỏi, một nét đậm của Luật biến-cải trong tâm-hồn con người, rõ-rệt nhất trong tâm-hồn của bạn trẻ.

Chính ở trong những biến-chuyển ấy đã nảy-nở trên lĩnh-vực văn-hóa một lớp văn-nghệ-sĩ thanh-niên mới, nam và nữ, từ 16 đến 30 tuổi. Một số các bạn chưa kịp hấp-tụ ảnh-hưởng sâu-xa của văn-học Âu-lây và Á-Đông như thế-hệ Thi-văn tiền-chiến, các bạn ấy, sau khi đã lăn-lộn nhiều hay ít trong 10 năm khói đạn vì tin ngưỡng ái-quốc hoặc vì ham mộ phiêu-lưu, ngày nay đã trở về trong một cảnh thái-bình còn hỗn-dộn. Như một thành-trì vừa cháy

rủi mà lại là các đồng tro lẫn với nền gạch những pho-
tong đồ gỗ, những đồ xưa tan vỡ và cả một dĩ-vãng
lạc-đánh mà chính các bạn trẻ ngày nay vẫn chưa quen biết
mấy! Ở giữa một quá-khứ hazy còn gần gũi quá nhưng đã
chết hẳn rồi, các
bạn đã bỏ-ngỡ, bồi-hồi, như chưa tìm ra được một định-
hướng rõ rệt trong hiện-tại còn đầy mâu-thuẫn.

Nếu các bạn ấy không hẳn khinh-miệt nếp dĩ-vãng
vừa bị sụp-đổ, thì các bạn cũng không sao thông cảm được
màu-lệ với nó, vì mỗi liên-hệ lịch-sử đều như đã đứt rồi.
Than ôi!

Chúng ta chưa nhận được những dấu hiệu của
một Hồi-xuân gần-gũi từng bừng.

Vì thế, trên bình diện tâm-lý xã-hội, chúng tôi thấy
rằng thế-hệ văn-ngệ-sĩ hiện đang bông-bột từ 1954, không
tránh khỏi chứng bệnh của thời-đại, và sẽ biến-hóa dần-dần
trong 10 hay 15 năm tới đây, trước khi gặp thời cơ thích-
hợp để vươn lên thật-sự, mãnh-liệt, nảy-nở hoàn-toàn theo
hòa-âm mới của nhân-loại.

Để ghi lại những diễm tham-dạm nhất, tiêu-bien văn-
nghệ thanh-niên hậu-chiến, chúng tôi xin giới-thiệu lần-thứ
trong tạp-chi **PHỔ-thông** những tài hoa mới trỗi dậy của
Việt Nam mà chúng tôi nhận thấy được tham-nhuần nhiều
nhất hương-vị của thời-thế mới hiện-lại.

Chúng tôi muốn người giới-thiệu các bạn là một thi-
sĩ thanh-niên của thế-hệ, đang sống với các bạn, và thông
cảm với các bạn rất nhiều, là anh **Lâm-vị-Thầy**.

NGUYỄN-VỸ



HÀ Liên Từ tên thật Nguyễn
Ngọc Bện; Sinh năm
1928 tại Vĩnh Công — Tân An,
trong một gia đình trung lưu
về nông nghiệp. Cảnh gia đình
sa sút từ khi anh lên ban trung
học. Anh bẵng rơi nước mắt
nhận tiền mẹ vay mượn từng
tháng để đóng học phí.

Hà Liên Từ lần lượt theo học
các trường Lê Bá Cang, Saigon,
và Nam Hưng, Cần Thơ, khoảng
1942 — 1945. Rồi vì thời cuộc
anh bị gián đoạn sự học luôn
từ đó.

1948 — 1949, anh làm thơ gửi
đăng rải rác trên các báo.

Giữa năm 1954 anh được lệnh

gọi nhập ngũ, với chức vụ một biên tập viên của tuần báo Quân Đội.

Cuối năm 1956, anh trở về nếp sống trước. Hiện anh là công chức ngạch hành chánh, tổng sự tại Nha Dinh Thự Bộ Kiến Thiết.

Hoa niên đã vượt quá tầm tay, Hà Liên Tử bây giờ 30 tuổi. Cái tuổi mà Trần Quang Dũng độ nào đã định nghĩa bằng mấy câu thơ:

Vui như trẻ lên mười

Yêu như tuổi mười bảy

Tuổi Hà Liên Tử cũng có viết phóng sự, tùy bút, chuyện ngắn.. nhưng người ta chỉ biết đến anh nhiều hơn trên bộ môn thơ.

Thi phẩm TIẾNG BÊN TRỜI gồm 28 bài, là tâm sự cô đọng mười năm của Hà Liên Tử.

Mười năm trên đất nước này, có lẽ còn dài hơn mười thế kỷ, vì biết bao biến chuyển đã diễn ra.

Mười năm với những kỷ niệm se lòng, đã tạo Hà Liên Tử thành một con người trầm lặng. Con người chưa bao giờ thấy vui trọn nụ cười.

Tính tình ấy đã ảnh hưởng sâu đậm đến thơ anh. Hà Liên Tử luôn nhìn đời bằng khía cạnh đau buồn:

Ai hát dấu đây

Nghẹn ngào qua ngõ tối;

Ánh điện mờ...

Mưa dầm lụy lại.

bằng sự tiếc nuối quãng thời gian cũ. Quãng thời gian mà, thế nào chẳng nữa, phần đông ai cũng vẫn cho rằng êm đẹp:

Ngày xưa .. ừ nhỉ, ngày xưa ..

Dòng đời thanh lặng, hồn chưa

bão bùng;

Khăng khít niềm vui trang sách,

Mái trường hoa mộng lên hương...

Tương lai hẹn nở ngàn xuân thắm

Mắt sáng chưa cay lớp bụi đường.

(Tiếng hát trong mưa)

Ấu thời thiếu thốn, cực khổ,

khiến Hà Liên Tử dễ cảm thông

với những kiếp người bị xã hội

bỏ quên:

Em cơ hàn, thân xác ốm xanh xao;

Không mấy tuổi sớm nhọc: nhàn

cực sống.

Em* cô độc giữa kinh thành bích

mộng,

Bên chợ đời không có một tình

thân;

Em dừng đứng nhưng hẳn biết bao

lăn

Em cảm thấy thiếu tình thương ắp

ủ...

Một tình thương bao la như vũ trụ

Cũng ít nhiều hong ắm được lòng

em

Đang triển miên tằm tối như trời

đêm

Không có lấy một ánh đèn nho nhỏ;

Tôi đau xót nghe lòng em rỉ máu!

Và lòng dâng ngào nghẹn một niềm

thương...

Trong la hoa tấp nập khách qua
đường..

(Em bé mồ côi)

Nhưng anh không khinh ghét,
oán thù giai cấp. Dù giai cấp ấy
đáng mỉa mai:

Đêm về huyền ảo mê ly mộng hồn

.....
.....
.....
.....

Nhạc dâng chậm chậm, xôn xao,
Lơi lơi, khăng khít kếp đào từng
đôi,

Nhịp nhàng chân bước chơi vơi
Tích say, nghiêng ngửa mộng đời
đào điên.

Mê ly sóng nhạc triển miên
Hồn quay trong phút mơ tiên tuyệt
vời...

Nhạc dâng, tiếng nhạc dẫn lối
Về khuya càng đắm say người truy
hoan.

.....

(Kiếp phù phàng)

★

Về tâm tình, Hà Liên Tử chưa
từng được nếm qua hương
vị của chữ yêu. Dù rằng anh
yêu rất nhiều, nhưng *những*
người ấy không hề biết đến. Có
lẽ bởi vì anh thành thực quá!
Và mất mát, ảm hận là dĩ nhiên:
Từng phen ngời say thơ rượu.

Chập chờn nhọc giấc cô miên!
Mắt xanh chừ cay bụi gió,
Mây rầu chừ thẹn trung kiên!
Lửng lơ đồ bặt hướng thuyền

Ngân khơi vui mộng hoa niên mất
rồi!

Chuyện đời, ừ, gở mấy trời
Ai đau mà xót, ai mới mà thương!

(Tiếng hát, đêm thu)

Đôi khi, Hà Liên Tử ước ao,
hy vọng:

Tôi sẽ trở về sống giữa quê hương
Trong một ngày xuân gió hiền
nắng đẹp.

Tôi mở rộng tâm hồn ra đón tiếp
Một trời tươi vừa mở cửa thanh
bình,

Một vườn đời hoa sắc ngát hương
trinh
Một nguồn mới vừa vươn cao
mạch sống...

Tôi say đắm giữa cánh đồng xa
rộng
Nhìn trời mây lồng lộng, bao la...

(Ngày về)

Niềm hy vọng, tôi cho rằng đã
bắt nguồn từ sự chán nản tột
cùng vậy.

★

Về sự nghiệp nghệ thuật của
Hà Liên Tử, nhận xét riêng tôi
sau khi đọc tron thi phẩm
TIẾNG BÊN TRỜI của anh, Hà
Liên Tử có một hồn thơ phong
phú. Nguồn rung cảm rất thành
thực, vì thể thơ anh tế nhị,
không có tính cách gượng ép, giả
tạo, không chạy theo thị hiếu
thời đại.

Điều đáng tiếc là Hà Liên Tử
sáng tác không đều tay; tham
lam diễn đạt cảm hứng, nên
dù trong thơ anh có nhiều đoạn
hay, đọc nghe cảm động:

Mười năm xưa, mười năm sau,
Một hình bóng cũ xóa màu thời
gian...

Cầm như đã lỗi nhịp đàn,
Cổ nhân ơi, mấy ngổ ngang...
Cổ nhân !

(Bóng chiều xuân)

Đôi mắt xanh thơ
Của người em xa lạ
Lâu rồi ám ảnh hồn tôi ;
Đêm nao tình cò gặp lại
Thoáng qua...
Và đã mất rồi !

(Mất)

Văng vẳng
Lọt nửa tiếng cười
Nhẹ tan trong gió
Ai người chợt nghe ? !
(Bài thơ lệch cả nhan đề
Khách thơ chưa nghĩ quay về xóm

đêm).

(Đẹp Thơ)

Những chữ đang khêu, làm
nổi bật được ý muốn diễn tả :
Đêm nao

Lá gió
Đường sương,
Vàng trăng huyền ảo
Tơ vương xóm nghèo.
Vỏ gầy
Từng cánh vàng gieo,
Bằng khuôn lòng khách chuỗi
theo lá vàng...

(Tiếng hát đêm thu)

Đã thoáng nghe buồn với tiếng
Nắng ngày ơi bức ngã sang hè.
Bằng khuôn mây trắng lười lười
động,
Đội gió, muôn cánh đứng ù ù.

(Sang hè)

Giữa một chiều sương.
Ngang qua xóm nhỏ,
Ba-lô xười nghiêng áo mốc bụi
đường,
Tình ai khép nép,
Mắt nhìn lưu luyến chút tơ vương...

(Hẹn)

Thì cũng có những đoạn không
lấy gì làm đặc sắc lắm :
Chưa hôm nào
Trên đường về ngoại ô,
Mỗi bước, dừng chân quán lạ,
Bỗng dừng mà hồn thơ xao xuyến...
Một dáng kiêu ? Từ nơi nao xuất
hiện ?
Không, không, không ! - Một thoáng
động qua hồn ...

Tôi chưa say mà ngây ngất,
Chưa kịp thấy mà si mê !
Gió trăng lệch thếch tư bề,
Hồn thơ khắp khênh đi về xa xưa...

(Nhớ xưa)

Những điệp ngữ làm người đọc
không chán thơ trên bến TRẮNG,
Ngày xưa áo TRẮNG đẹp tinh hoa ;
Mùa trăng về ngợp trên sông
TRẮNG,
Màu TRẮNG ngày xưa vẫn thiết tha.

(Bến trăng)

Trong các thẻ lục bát, bốn
chữ, sáu chữ, bảy chữ, tám chữ

và phá thờ, Hà Liên Tử thành
công hơn ở lối thơ sau cùng:
Bỗng dưng...

Em khóc!

Tôi cười!

Chuyện mười năm cũ với người
hôm nay...

(Bóng chiều xuân)

Áo hoa thối lượn phở phờng,
Lòng không hẹn nhớ mà vương
vẫn nhiều...

Áo hoa thiên hạ dập dề,
Trong tôi, thiếu một dáng kiêu
quen xưa...

Bài thơ viết giữa chiều mưa

Mãi không trọn vẹn. buồn chưa...
hỏi người!

(Trọn vẹn)

✱

Hơn bao giờ hết, phong trào
làm thơ, in thơ rất nhiều,
nhất là các thơ « Tự-do », phá-
thờ. Ở đây, tôi không phải là lý-
thuyết-gia của Thi-văn, tôi không
bình-vực nó, cũng không công-
kịch nó, vì đó là việc làm của
nhà văn-học-sử sau này. Tôi chỉ
giới-thiệu Thơ của Hà-Liên-Tử,
một trong số các Thi-sĩ tài-hoa
của Thế-hệ Thanh niên Hậu-
chiến, như tôi sẽ lần lượt giới-
thiệu, công bằng, và khách quan,
một số các nhà Thơ khác vậy.

✱ TIỀN - THẦN

Một ông Nhà-văn có danh tiếng vừa xuất-bán một tập-san sau một
thời gian ău-dật trên núi. Ông muốn cho tập-san bán chạy, đó là lẽ
thường, nhưng ông lại có tính quá kiêu-căng tự-phụ, trong số báo nào
ông cũng cứ tự xưng là Tiên Ông, vợ ông là Tiên Bà, con ông là Tiên-
con, v. v. .

Một hôm có một cậu sinh-viên muốn thử coi Nhà-văn Tiên Ông còn
trí óc thăng bằng không, liền viết thư đến khen ông, đại-khải có câu
« Ngày nay chúng tôi mới thấy xuất-hiện một vị Tiên-Ti ần... » Tuần-
lễ sau cậu sinh-viên thấy trong số tập san mới ra, có đăng bức thư của
cậu trong mục « Bạn đọc khen Nhà văn Tiên Ông » Cậu sinh-viên ôm
bụng cười rử.rợi bảo với các bạn của cậu : « Mình có ý nói xỏ : « Tiên
thần », nói lái là « Thần tiên » mà ông Nhà Văn không biết chớ !
Ông tưởng mình khen ông, há.há.há.há ! » Giởng chuyện hồi xưa có người
đi mừng một ông quan lớn trước làm BỒI cho TÂY, bằng bức hoành-phí
có câu « Muốn đậm BẦY TÔI » ! nói lái là « BỒI TÂY » .

Thế mới biết tiếng Việt Nam thật là tế-nhị không có tiếng nước
nào bằng !

ĐINH-BA



*** THUYỀN THƠ, của Đông-Xuyên.**

(Nguyễn-Hiến-Lê xuất bản)

Một tập thơ gồm trên 50 bài sáng-tác, toàn theo thể Đường-luật hoặc lục-bát, song thất lục-bát, và 13 bài thơ dịch, phần nhiều là dịch cổ-thi Tàu. Phần thơ Đường-luật có nhiều bài hay, nhiều câu tả cảnh, tả tình, xác-đáng và thâm-trầm. Nghệ-thuật Đường-thi của tác-giả, có thể nói là tinh-xảo lão-luyện, bố-cục chặt-chẽ và tứ thơ dồi-dào, tế-nhị. Nhiều bài có phong-độ duyên-dáng của Yên-Đỗ và Nguyễn-công-Trứ :

*Mảnh áo vải nâu, nổi bắp lược,
Ngọn đèn dầu lạc, cuốn thơ nôm.*

.....
*Nước lắng hồ sâu, trắng rọi xuống
Bụi vào nhà trống, gió bay đi*
.....

Thơ cũ, nhưng nhiều ý mới, ít có sáo-ngữ, không khô-khan. Ngàn ấy ưu-điểm có thể che-lấp vài ba khuyết-điểm nhỏ, và **Thuyền-Thơ** có thể bơi trên dòng sông Xích-Bích, hay sông Đà, không thẹn với người xưa

* BẢNG TÌNH THƯƠNG của Phan-Minh-Hồng

(Nhà xuất bản: Nguyễn đình-Quạt)

Đây là thơ « tự-do » không theo kỹ-luật Thi-văn nào cả, vần lộn-xộn, câu không niêm, lời không điệu :

Sóng trùng-đường
Mệnh mang bài ca chi-khu
Anh trải lòng thương
Gửi gió mang vào bến lạ.
Vân những sáng mai mừng vui chồi *đây*

Nhà anh nghèo
Không ánh sáng
Em đem về đôi mắt sao
Gắn vào đêm tối

Độ là về thể-tài không khác văn xuôi mấy. Còn về chất Thơ, có những bài chứa-đựng một đôi ý hay. Tuy nguồn thi-cảm không mới lạ, nhưng từ Thơ rào rạt đó đây, gợi được vài cảm-xúc đẹp. Chỉ sợ những bài thơ như thế không sống lâu được trong ký-ức của thời-gian. Nhưng nhà Thơ Phan-minh-Hồng còn nhiều hứa-hẹn...

* TẠI MAHAI của Đoàn-Thêm

(khó lý lẽ đưa xuất-bản)

Nói cho đúng thì đây là một bài thơ, chứ không phải một tìp Thơ. Một bài thơ theo thể song-thất lục-bát gồm tất cả 152 câu, kể lại mối tình của một ông Vua già ở Ấn độ hồi thế-kỷ XVII. Đây không phải mối tình cảm động bi-đạt như Roméo — Juliette, Paul et Virginie, hay Orphée Eurydice, mà chỉ là một mối tình phong-kiến và ngu-xuân, của một vị Vua Mông-Cổ mê sắc đẹp của một mỹ-nữ, rồi bỏ bê nàng, khi nàng chết lại hối hận lập một ngôi đền thờ-sộ suốt mấy chục năm với mồ-hôi nước mắt của dân... đền thờ Nàng. Một hạng vua Kiệt bên Tàu và vua Chéops bên Ai-Cập, chứ không hơn. Sau dân nổi loạn, con trai của Vua phải bắt giam Vua cha để cứu dân cứu Nước. Chuyện có vậy mà tác giả thêu dệt thành chuyện ái-tình lâm li... cao thượng!

Trong 152 câu thơ của tác-giả, thịnh-thoảng có năm mươi câu êm đẹp, một vài đoạn cảm động; nhưng rất tiếc, nếu với thi tài ấy, ông Đoàn-Thêm ca ngợi các đền-đài Lịch-sử Việt-nam hay các Tháp Chàm, có phải là hay hơn nhiều không?

HỒ-THỊ-LÝ



NHỜ CÁC BẠN TRẢ LỜI GIÙM



1.— Làng gì có cái tên dài nhất trên thế-giới, mà không ai đọc được, (58 chữ) ? ở đâu ?

BA - TÈO.

2.— Thánh Gandhi bị ám-sát năm nào ?

3.— Bom Nguyên-tử đầu tiên nổ năm nào ? Trên thành phố nào ?

4.— Hitler lên nắm chánh quyền ở Đức năm nào ?

5.— Hôn-lễ Hoàng-hậu Elisabeth cử-hành năm nào ?

6.— Staline (Xít-ta-lin) đuổi Trotsky (Trốt-ki) là cựu đồng-chí của y ra khỏi Nga, năm nào ?

7.— Nhà Bác-học Einstein được giải-thưởng quốc-tế Nobel năm nào ?

XUÂN - GIANG

8.— Một Bà nọ khóc ôi nước nỡ

Bên mồ hoang cây cỏ chưa xanh

Có người đến hỏi sự tình :

Làm sao mà phải một mình khóc ai ?

Rằng : « Người ở dưới đây còn trẻ

Cha nó đi làm rề cha tôi,

Cha tôi, nội nó là sui,

Sợ chi ông bà làm tui thêm sầu ?

Người kia nghe lời, tức bực

Trời ơi khó quá, ai đâu giải đùm ?

THANH-VÂN (Tuy-Hòa)

- 9.— Ai ra câu đối nói lái này : « *Kìa mấy cây mía* » ?
Và ai đối lại như thế nào ?

BA - TÈO

- 10.— Người ngoại-quốc nào đã viết mấy câu này :

« *Người đàn-bà Sài-gòn có cái đẹp mơn-trơn, với vóc mình mảnh mai óng-ẻo, cái đẹp phong lưu với bộ đi dịu-dàng tha-thướt, cái đẹp kín đáo với nụ cười tươi tắn, đầy tình-tử và thú-vị ; cái đẹp truyền thần với cặp mắt mơ-màng, kêu gọi với nét mặt xinh tươi như hoa mới nở một buổi sáng đầu xuân...* »

CHÂU BÁ (Sài-gòn — Dakao)

11.— Có một ông danh-tiếng lừng-lẫy, một hôm vô buồng, gặp vợ đang ở trần trong đó. Ông ấy tức giận, chạy ra thưa với Mẹ : « *Vợ của con thật là vô lễ, con vào mà nó ở trần !* » Ông ấy liền bị Mẹ mắng : « *Chính mày mới vô-lễ. Sắp vào ngõ thì phải hỏi có ai không ? Sắp lên thềm thì phải lên tiếng. Sắp vào cửa thì mắt phải nhìn xuống, như thế mới là có lễ, vì không thừa lúc người ta không phòng bị kịp.* » Ông vô-lễ ấy tên là gì ?

12.— Ông Khổng-Tử con của ai ? Cha mấy tuổi, Mẹ mấy tuổi lúc sinh ông ? Mẹ làm nghề gì ?

13.— Trên Thế-giới, hiện nay có bao nhiêu người còn ăn bốc (bằng tay) ?

BÁ-LINH-VŨ

(Xem anh Ba Tèo trả lời ở trang 116)

★ Đây là nỗi băn khoăn của nhiều người : Buổi chiều họ không biết tại sao sáng đã thức dậy ? và tại sao ngày mai họ lại sẽ thức dậy ?

P. BONCOUR

✱ Giới Lao động sẽ giải quyết rất dễ dàng nếu họ đoàn kết lại thành hàng ngũ và nhận những lời chỉ giáo khôn ngoan, rồi nhịp bước theo đường lối cha ông đã đi và tìm được thắng lợi cho mình và cho các dân-tộc.

RERUM NOVARUM

KIỆN TRÌNH

CHUYỆN DÀI CỦA CÔ VĂN NGÀ



NHỮNG ai đã từng xuôi ngược ghe thương hồ lặn nước biếc rợp những bóng dừa xanh ở vùng Hậu - Giang thanh bình thời tiền chiến, khi lừng lờ mái dầm trên dòng sông Cái đổ từ tỉnh Cần-thơ qua Rạch giá tất sao cũng chú ý đến vòm Cái đước bé thuộc làng Ngọc Chúc, quận Giồng Riềng là một nơi nhà cửa san sát nối nhau với những mái ngói đỏ au nổi bật trên nền ruộng xanh mướt màu mạ non của giải đất cát phi nhiều nọ.

Đây là quê hương bé nhỏ và thân mến của tôi, của dòng họ Trương đã hai đời nhập tịch hẳn vào dân Việt.

Thuở xưa, phần đông những gia đình khai thác đầu tiên ở Cái đước bé đều là người khách trú, gốc Tiểu châu, đã lấy vợ Việt và nhất tâm kỳ gởi mảnh xương khô trong lòng đất Tổ-quốc thứ hai của mình. Họ đã nối tiếp nhau nkiều đời, từng dày dạn gan lỵ công khó trước sự hăm dọa của hùm thiêng rắn độc để biến đổi vùng rừng rậm, bưng lát, xình lầy kia thành ra những khoảng ruộng màu mỡ đỏ ối những gié lúa vàng trong mùa gặt hái. Gia đình tôi cũng thuộc trong số người được hãnh diện về những công trình tiền nhân ấy.

Theo tôi được biết, ông cố tôi khi cấm sào dừng ghé lưu lạc tại nơi ấy thì nói rất toản tiếng khách và bập bẹ vài câu tiếng

Miền vì phải giao thiệp với những người Thổ ở rải rác trong vùng; đến như ông nội tôi thì thua nói tiếng khách mà sành sỏi tiếng Việt và tiếng Miền hơn; tới đến ba tôi thì ngôn ngữ dùng trong nhà toàn là tiếng Việt cả. Nếu hồi còn bé tôi không có được nghe ông tôi và ba tôi thỉnh thoảng lại cãi nhau bằng tiếng khách thì có lẽ tôi sẽ không bao giờ ngờ mình đã lai mấy đời.

Tôi còn nhớ dạo mới mười, bốn, mười lăm tuổi, tôi hằng theo di út tôi đi giúp các đám cưới trong vòng thân thuộc, tôi đã nghe lắm được những lời phê bình của các bà bên họ hàng trai :

→ Cái con nhỏ sao mà phải thể con gái quá. Tụi con minh-hương đưa nào cũng ngộ, cả gái lẫn trai, mặt thì như bột nắn mà mỗi lúc nào cũng đỏ như thoa son, minh thấy mà bắt thềm. Con nhỏ này khi tấn lên là chắc ăn đứt cả quận Giồng Riềng này đó, bà con nào còn con trai liệu bỏ cộc trước là vừa...

Trước những lời nói bốn ấy, tôi thẹn đỏ mặt, găm đầu lủi trốn xuống bếp để rồi về sau thỉnh thoảng lại núp vào kẹt vách rút mảnh kiến tròn trong túi ra soi lấy mình. Người con gái nào lại không muốn rằng mình đẹp, rằng vẻ tốt tươi của mình ăn đứt các bạn gái khác ? Nhưng tôi không vì thế mà kiêu hãnh, khinh đời. Có lẽ thuở ấy tôi còn

nhỏ tuổi, đầu óc hazy còn đang trong trắng quá trong khuôn cảnh mộc mạc chung quanh mình và cũng có lẽ nhờ vào sự khe khắc của một gia đình tuy khá giả nhưng vẫn cần cù với đồng quê sống biệt lập hẳn mùi quyến rũ vật chất khiến cho tôi tự nhiên nặng óc tự ti mặc cảm và lúc nào cũng thẹn thuồng, luống cuống khi chạm thấy mình là « cây đinh » trong đám đông.

Ba má tôi có tất cả tám người con. Anh hai tôi chết hồi còn nhỏ không kể đến, còn thì anh ba tôi tên là Khanh, tôi đứng hàng thứ tư rồi mới tới một dọc năm em trai tôi, sau nữa mới là đứa em gái thứ mười và một thằng em trai út năm ấy vừa được ba tuổi. Ba tôi cưng tôi lắm, đi đâu người cũng cho ngồi một bên và khi mua sắm gì thì cũng nhớ đến phần của tôi cả.

Người thường căn nhắc má tôi :

— Con Vân nó cũng sắp lớn rồi, sao má nó ra chợ Giồng Rền bạn nào cũng không thấy mua phần son gì cho nó hết vậy.

Nhưng má tôi cương quyết phản đối :

— Ông tập cho con hư không hề. Con gái mới mười sáu tuổi mà phần son nổi gì, ở ruộng thì phải tập cho nó biết lo đến mâm cơm trả mướm để sau này nó về nhà chồng, người ta khỏi bới sới đến cha mẹ ông bà còn hay hơn là bày cho nó xe xua với bọn gái thị thành.

— Nhưng nó thua sút chị em chúng bạn, mà phải nhà mình nghèo khổ gì cho cam...

— Vậy chứ quần áo của nó bộ tôi không có sắm cho sao ? Ông nghĩ thế nào lại tưởng tôi hà tiện với con ?

Ba tôi cười hề hề :

— Tôi có nói má nó hà tiện đâu. Nhưng áo dài của nó may theo kiểu bạn suồng đuột như hình thân cây chuối.

— Vậy chứ phải may làm sao ?

— Mấy tiệm may ngoài tỉnh Rạch giá may khéo lắm, vai bằng, cổ cứng lại có eo ở lưng nữa.

— Con gái ruộng năm ba tháng mới có dịp bận áo dài một lần, ông muốn cho nó tân thời quá, hàng xóm láng giềng chê cười không tốt.

— Ấy, thì cũng may một hai cái kiểu mới đi, tốn hao gì lắm sao mà sợ.

Má tôi nguẩy đi :

— Tùy ông, ông cưng nó quá, nó hư thời ông chịu lấy.

Má tôi tuy nói thế nhưng lúc nào cũng chịu ý ba tôi. Người thương tôi một cách khác : không bao giờ nói ra hay tỏ một cử chỉ gì dịu ngọt với tôi. Trái lại, người kèm thúc tôi vào công việc nội trợ rất nhiều, hề hở nghỉ tay một tý từ ngoài giờ ăn giấc ngủ là bị mần ngay.

Người thường bảo tôi.

— không phải tao rầy mầy hoài mà tao vui đâu. Mầy phải biết rằng cái vốn liếng giá trị nhất của người con gái đem về nhà chồng là sự đảm đang. Nữa rồi mầy sẽ hiểu những điều tao khô công dạy mầy là để mầy với chồng mầy nhờ mà thôi.

Má tôi lúc nào cũng xem tôi là một đứa trẻ con. Cả anh ba Khanh của tôi nữa, anh thường sai tôi những công việc thuộc về tình cảm riêng của anh: trao những phong thư nặc nùng mùi nước hoa thơm phứt cho những cô bạn hàng xóm:

— Trưa nay mầy qua nhà con Bê đưa cái thơ này cho nó, nói tao chờ nó ở chỗ hẹn nhen.

— Gần tựu trường rồi, anh không đi lo học, còn hẹn gì hẹn hoài vậy?

— Chật, con nít biết gì mà hỏi nà!

— Khỏi cần coi, tôi cũng hiểu anh viết gì ở trong nữa.

Anh Khanh trợn mắt nạt nhỏ:

— Nói bậy nè, bạn bè viết thơ thăm nhau không hề. Mầy nói um sùm « ổng » hay, « ổng » chửi tất bết.

— Tôi quẹt tay vào má lêu lêu anh tôi:

— Tôi biết rồi, thư này là thư mèo?

Tôi nói vậy vì tôi đã có một bạn bị người ta đưa cho một cái thơ tương tựa như thế. Đó là



lúc tôi vừa mười sáu tuổi, tuy lòng chưa vương bận một gì nhưng cũng biết nhận thức được những nỗi bâng khuâng man mác trước cảnh trời chiều sắp rơi vào lòng hoang hờn u tịch hay thần thờ hăng giây phút ngồi bên bến nước rồi mắt trông theo những dề lục binh lính định không biết trôi rạt mãi về đâu... Một hôm nọ trời vừa chạng vạng và trong nhà vừa mới đổ đèn, tôi còn đang ngồi thơ thần dưới đầu cầu bỗng thấy có người rón rén bước lại gần. Đây là một anh bạn hàng xóm thường chơi thân với anh tôi, lúc nào đến nhà cũng hỏi thăm vồn vã đến tôi nên tôi vẫn thân mật như là với anh tôi vậy:

— Ủa anh Tê, sao đến chơi tối vậy, anh ba tối ở trong nhà ế..

Nhưng Tê tiến lại tới và rung động nói lấy bắp như một cậu học trò chẳng thuộc bài:

— Cô.. cô.. Vân... Tôi có một chuyện nói... riêng với cô..

Linh cảm ngay một sự lạ và bất chánh, tôi bỗng đứng bối rối:

— Không... anh vào trong nhà..
Đừng đứng đây, người ta cười...

Tê cố nài nỉ:

— Cô Vân... đã lâu rồi... tôi thương.. cô...

Tôi dớn dác nhìn vào nhà, lòng muốn bỏ chạy đi mà chân bước không nổi, mặt cứ đỏ bừng lên như nếm phải men nồng, tai cứ nghe tiếng trống ngực đánh thùm thụp liên hồi. Tôi không nghe gì nữa cả, chỉ biết Tê nói lịch nhích qua cổ họng một tràng những tiếng còn tiếng mất và rồi nhét vào tay tôi một phong thơ thơm phứt. Tôi kinh hoảng phải tay lia lia:

— Không... anh đừng làm thế...
Tôi mét với ba tôi...

Tê luống cuống bỏ đi đề khỏi nghe những lời từ chối:

— Cô cứ đọc kỹ thơ của tôi đi, trong ấy... tôi đã nói với tất cả lòng... mà miêng tôi không thể thốt ra được...

Phong thư nằm trên sàn ván cầu, phập phều chực bay theo gió như một cánh hoa tím. Tôi qua rồi phút cảm động của người

con gái vừa dậy thì phải bối rối trước một sự tấn công đường đột và lố bịch, lòng bình thản lại như mặt nước ao tù vừa qua cơn gió gợn. Giờ đây phải làm gì với cái thư? Mở ra coi ư? Tôi không đến nỗi ngu ngốc đến bực không biết rằng hành động ăn cắp như thế là xấu lắm, Vút bỏ theo dòng nước chảy âm thầm dưới cầu ư? Trong thơ hẳn phải có nói đến tên tôi, lẽ kể khác nhắc được thì sao? Hay đem vào cho ba tôi? Cũng không được nữa, người sẽ làm ra lớn chuyện với gia đình của Tê.

Đang trong lúc phân vân, anh Ba tôi đã bước đến cầu mát:

— Vân, mấy làm gì ngồi ở đó lâu vậy? Vừa thấy bóng thằng Tê đây mà nó đâu rồi kia...

— Ảnh đi về rồi!

— Ủa, sao lạ vậy, mới tới chơi rồi lại về hè...

— Anh đó kỳ cục quá mà anh thân với ảnh nổi gì.

Anh ba Khanh bước tới hỏi nhỏ:

— Nó làm gì mấy mà kỳ cục?

— Khi không ảnh lại nhét cái thư kia trong tay tôi vậy ế...

Anh Khanh nhặt lấy cái thơ, tức tối bảo:

— Tao biết rồi! Thằng khốn kiếp! Dám gửi thơ mèo cho em gái tao chơi! Nà, Vân à, tao dặn mấy phải nhớ nha, có đưa nào gửi thơ cho mấy, mấy cứ đưa

tao coi. Con gái mà coi lên thư
trai xấu lắm ghen.

— Tôi biết lắm chứ, tôi muốn
vứt bỏ đi đó chứ...

— Đừng bỏ, cứ đưa tao... rồi
tao lại gởi thư cho em gái nó để
trả thù.

— Vậy còn xấu hơn nữa...

— Thấy kệ nó. Làm thân con
gái không biết giữ phận thì đáng
đời. Tội nó chạy theo bộ mặt
bảnh trai của tao, tao không
hưởng thì thằng khác cũng
hưởng.

Tuy không tán thành lý luận
ích kỷ mà phần đông những
thanh niên thời bấy giờ đều có,
nhưng tôi không cãi lại anh tôi
và thỉnh thoảng lại buộc lòng
phải giúp anh trong những cuộc



ước hẹn thầm lén. Chúng tôi
thương nhau lắm, có gì cũng bày
tỏ cùng nhau và anh tôi đã bao
phen dùng tình cảm lung lạc sự
dùng thẳng của tôi.

Tôi cười xòa, chỉ tay vào mặt
anh tôi :

— Mà đầu đuôi cũng tại anh
hết...

— Tại tao làm sao ?

— Đí đâu anh cũng bẻm miệng
rêu rao với những người bạn
có em gái là : kẻ có chuối, người
có lúa, cùng đổi nhau...

— Ở bự, nói thì vậy, chứ còn
đổi nhau lại là một chuyện khác
chứ. Lúa của tui nó là thứ lúa
lép, muốn đổi với chuối tốt của
tao sao được !

— Tôi đã bao nhiêu lần cảm động
vì sự tin yêu ấy và ngày thơ hỏi
lại :

— Còn anh tự phụ quá không
chùng có ngày lắm thứ lúa lép
đá.

Khanh quả quyết nói :

— Mốc xi, tao sẽ lựa cho mày
một người chị dâu tốt. Mày có
thương nó không ?

— Biết mặt mũi làm sao mà
ước trước, nhưng hể anh thương
là tôi cũng thương...

—Ừ, vậy tốt đa. Chùng tao
lựa được, tao sẽ cho mày coi
bình...

Ba hôm sau, Tê lại đến nhà
tôi. Anh Ba không ra tiếp mà

còn bảo mấy đứa em tôi vỗ tay hát lý om sòm:

«Thương em không dám vô nhà.

Đi qua, đi lại hỏi có gà bán hông».

Tê cút luôn và mắt mắt không đến nhà tôi nữa. Anh tôi hóm hỉnh bảo:

— Hôm tối qua này, thằng đó mất lúa mà không được chuối. Nhưng con em nó cũng không xài được, để tao còn chọn kỹ...

Nhưng anh tôi chưa kịp lựa thì tháng sáu năm ấy có một người bà con ở Châu đốc xuống chơi và đề nghị với ba tôi hỏi cưới cho anh Khanh một người con gái một của bà góa phụ nọ, điền chủ ở làng Ba Chúc, quận Tịnh Biên, tỉnh Châu đốc. Ba tôi bằng lòng, gọi anh tôi bỏ học trở về đề sắm sửa đi coi mặt cô dâu.

Má tôi ban đầu không muốn cưới dâu ở xa bất tiện, nhưng ba tôi bần mãi người nghe cũng phải:

— Không dễ gì kiếm một chỗ xuôi gia môn đăng hộ đối, những gia đình khá giả ở gần đây thì một là con gái họ không được, hai nữa là họ cũng nghe danh thằng Khanh quá nhiều, chắc còn lâu mới tìm nơi xứng chỗ. Thằng Khanh năm nay cũng tổng ngừng cái đầu rồi, để nó lông bông không buột vào vào chân cũng khó lắm. Tôi muốn đi về

miền núi mà chơi và nếu phải nhằm vào duyên phận của con thì cũng thành loan cho nó cho rồi.

Chuyến đi ấy có tôi đi theo. Nhà bà điền chủ nọ là một nhà gia thế lớn lao trong vùng đầy những cô gái thanh lịch của dòng quê Nam Việt đã lai mấy đời trong ba dòng máu Việt-Tàu-Miền mà người ta thường gọi là bọn đầu gà dit vịt.

Cô Ba con bà nghiệp chủ vào trạc tuổi tôi, nhưng tươi hơn vì nhờ khí hậu mát mẻ của miền núi. Công việc trong nhà do một tay cô quán xuyến và sự tiếp đãi nồng hậu trong gia đình khiến má tôi ưng ý ngay.

Anh Ba tôi vui như Tết, tươi cười cả ngày và đã kết thân ngay với người anh của cô Ba cũng trạc tuổi anh. Anh bắt đầu thì thầm đến chuyện đôi chác chuối, và lúa làm cho tôi đâm ngượng lên trước cặp mắt xét nét của cậu trai con nhà ấy lúc nào cũng như dán vào người tôi. Sau một tuần lễ ở chơi, ba má tôi từ giã ra về và ước hẹn sẽ đem lễ đậm qua khi xong mùa lúa.

Nhưng năm ấy ông nội tôi qua đời vì tuổi già yếu và cũng vì quá thua buồn trong một vụ mất trộm vàng mà suốt một đời cần cù của ông đã ky cốp được. Tôi không hiểu vì sao phần nhiều những gia đình khá giả ở vùng tôi hay có cái tục chia cha mẹ

ra để phụng thờ. Như ông nói, và bà nội tôi thì ông một nơi, bà một ngã, người ở với cha tôi, người lại về nương đậu bên nhà bác. Ba tôi ở mãi Chợ Mới cách đến những năm cây số mà đáng lẽ ra hai ông bà phải được sống chung nhau trong những lúc gần đất xa trời. Ông nội tôi về sau sanh tật nhậu rượu, có bận say be bét đến phải ngã xề cả gối. Ông tuy thương yêu tôi lắm, nhưng mỗi khi mua rượu hay làm món nhắm trễ là ông chưởi tăn mạt. Ông lại xấu rượu, khi đã say thì việc kín gì cũng nói trượng lên :

— Mồ cha con Vân, nó nói tao say mà tao có say đâu. Tao tỉnh lắm chứ. Nè, tao còn nhớ hết : tao nằm ngủ trên chổng nè, con dao dầu tao gát kế bên, hủ vàng tao chôn ngay đầu nằm, thẳng nào lớn gan đến ăn cắp vàng của tao, tao chẻ bẻ sọ nó ra. . .

Những khi ấy, tôi phải năn nỉ ông tôi mãi :

— Trời ơi « còn » nói nhỏ nhỏ vậy, ba má con ngủ giữ lúa ngoài trại ruộng, nhà vắng vẻ quá, lỡ ăn trộm lên vào thì sao ?

« Còn » tôi, nghĩa tiếng tiều là ông nội, như nhựa bảo :

— Bộ tao có nói gì bậy sao. Thôi tao không thêm nói nữa. Mày cứ đi ngủ đi, Vân.

Kết quả cũng những trận say ấy là một buổi sáng nọ, khi nhìn thấy một lỗ đào tống bụng dưới đầu giường, « còn » tôi ngã ngửa

ra bất tỉnh ngay. Ông tôi bắt đầu đau lệt giương từ đấy đến mấy tháng sau thì mất luôn.

Ba má tôi vì cái tang mà trễ hẹn, đến tháng sáu năm sau mới thu xếp việc nhà để qua núi Tượng, thì éo le thay, lại nhằm ngày bà nghiệp chủ nọ nhận lễ hỏi nơi một nhà khác. Bà dậm chân than trời trách đất, khóc lóc kể lể lại thời gian đợi chờ và hồi tiếc mãi cậu rể huyệt đẹp trai đã làm bà ưng ý hết sức. Cả những người bên tôi cũng mũi lòng rơi lệ, nhất là khi nghe cô Ba quần chí đến nỗi muốn cạo đầu đi tu. Đang tấp tênh là nhà đang trai, chúng tôi lại biếng thành những người ngoài có phận sự dàn xếp cho cô dâu yên phận về nhà mới của người ta.

Chuyến trở về buồn tênh, tẻ nhạt làm sao ! Việc hoạn nạn thường dồn dập không ngớt, khi về đến chợ Châu-đốc ba tôi đã thấy nhuốm bệnh nhưng vẫn gấn gượng đi tàu về Rạch giá và về thẳng luôn tới nhà. Bệnh ba tôi không ngờ trở thành trầm trọng và một tháng sau, trong một chiều mưa gió nọ, người bảo má tôi gọi chúng tôi đến để trời trăng những lời từ biệt :

— Tôi tiếc vì mạng số vắng vôi, chưa kịp dựng vợ gả chồng cho mấy đứa con thì đã về cùng ông bà. Má nó... ở lại răn nuôi con... Vân...! Khanh...!

(Còn nữa)

B a T è o xin trả lời

những câu hỏi ở

trang 106



1 — Thưa các Quý Ngài, cái làng có tên dài nhất trên Thế-giới mà cô Diệu Huyền hỏi đó, là làng này nè :

LlanfairpwllgwyngyllgogerychwyrndrobwllHantysiliogogogoeh (58 chữ). Làng này ở Hâu-quốc de Galles, ở nước Anh, hâu quốc này là một Hoàng-triều cương thổ của Nữ-Hoàng Elisabeth ban cho Hoàng-tử Charles, vừa được phong chức Prince of Galles. Thổ-ngữ ở đây không giống tiếng Anh chút nào hết. Thí dụ một câu mà dân chúng ở đây thường nói nhất, là câu : « Xứ Galles là một biển đầy những bài ca ». Tiếng Anh nói : Galles is an ocean of songs, thì tiếng của xứ Galles nói :

Mor O Gan ywycym ru i gyd !

2 — Thánh Gandhi bị ám-sát năm 1939

3 — Bom nguyên-tử thả đầu tiên năm 1945 trên thành phố Hiroshima Nhật.

4 — Hitler lên nắm chánh quyền ở Đức năm 1933

5 — Hôn lễ Hoàng-Hậu Elisabeth cử hành năm 1947

6 — Staline trục-xuất Trotsky ra khỏi Nga năm 1928

7 — Nhà Bác-học Einstein được giải thưởng Nobel năm 1929

8 — Thiếu-phụ khóc ai ? Đáp :

Khó gì mà giải không ra :

Thiếu-phụ ngồi khóc con bà chó ai ?

9. — Vua Thành-Thái ra câu đố *Kia mấy cây mía ?* và chính nhà vua đối lại : *Có vài cái vỏ.*

13. — Người ngoại-quốc đã tán-dương chị em phụ nữ ta ở Saigon và... Má thằng cụ Tèo, bằng những câu rất nên thơ kia, là Bác-sĩ Dereniez, một nhà viết báo trứ danh của Pháp đến viếng Saigon năm 1940.

11. — Người ấy tên là Mạnh-Tử, nhà Đại-Triết-học Tàu.

12 Cụ Không-Thúc-Lương — (Thúc-Lương-Ngột), 70 tuổi lấy đứa đầy tớ 15 tuổi làm vợ thứ ba, tên là Nhân-Thị, sinh ra Đức Không-Tử.

13. — Trên Thế-giới hiện nay có 740 triệu người còn ăn bốc (bằng tay) — chưa biết dùng đũa, hay nĩa. Tài liệu của U. N. E. S. C. O (Liên Hiệp Văn-Hóa Quốc-tế của Liên-Hiệp-Quốc)

★ LÃO TỬ LÀ CON RỒNG

Không Tử tên là Khâu, tự Trọng Ni người nước Lỗ — Lão Tử tên là Nhĩ họ Lý, tự Bá Dương người nước Sở. Một bữa Không Tử đến thăm Lão Tử ở kinh đô nhà Chu (Lạc Ấp) hai ông nói chuyện với nhau về « Lễ ». Khi về, Không Tử nói với học trò, cảm tưởng của Ngài về cuộc hội kiến với Lão Tử như sau :

— « Con chim bay lưng trời, con cá bơi dưới nước, con thú chạy trên đất, ba giống ấy ta đều biết cách lui tới của chúng. Chừ đến như con Rồng vận chuyển phi thường trong vũ trụ mệnh mông thì ta không biết đâu mà lường cho được. Hôm nay, Gặp Lão-Tử, Ta thấy Ngài như con Rồng vậy » (Sử ký — Tư mã thiên).

FRANÇOISE SAGAN



BONJOUR TRISTESSE



Buôn ơi ! Chào Mi

CÔ DIỆU HUYỀN dịch ra Việt văn

Françoise Sagan, tác-giả quyền truyện rất có danh tiếng này, là một cô Nữ-sinh Pháp, 18 tuổi. Thật không ai ngờ. Thi Tú-tài xong, cô cho xuất bản nó, rồi một sớm một chiều cô đã trở nên một nhà văn có tiếng-tầm lẫy-lừng ở nước Pháp và khắp Âu-Châu.

Ngày nay cả Thế-giới đều khen ngợi văn-lài của cô, và cô đã viết hai quyển tiểu-thuyết khác nữa. Truyện của cô đã được quay phim và các sách của cô đã được dịch ra các thứ tiếng : Anh, Mỹ Đức, Nhật, Ý, v.v...

Nhà Nữ-sĩ nay đã trở thành triệu phú tên thật là Françoise Quoirez, vừa mới kết duyên hồi tháng Ba năm nay với nhà xuất bản Guy Schoeller ở Paris lớn tuổi hơn cô khá nhiều.

Nhưng cô rất sung sướng được chồng cưng, và làm một người vợ rất chăm lo việc gia-dình, vừa viết văn với một máy đánh chữ, vừa lo việc bếp núc không thua một bà nội trợ đảm đương nào khác.

Bonjour Tristesse, là quyển truyện đầu tay của cô đã làm cô nổi tiếng khắp Thế-giới và cũng là quyển truyện hay nhất của cô. Hiện nay cô là nhà Nữ-sĩ Pháp được các lớp Thanh-niên và Tri-thức các nước ca-ngợi nhiều hơn hết. Bạn đọc quyền truyện, sẽ nhận thấy Françoise Sagan quả thật là một nữ-sĩ có tài. Văn của cô, cũng như tư tưởng của cô đều có vẻ nhẹ-nhàng, di-dễm, và thâm trầm, kỳ-lạ.

Các bạn sẽ ngạc nhiên gặp nhiều ý nghĩ táo bạo ở đầu óc một thiếu nữ 18 tuổi của Thời-dại Nguyên-lử. Có dám viết ra những điều mà chưa có nhà văn nào dám viết và có xử dụng lời văn khéo-léo.

Trong bản dịch Việt-văn này, tôi sẽ cố gắng dịch thế nào diễn đạt được hết lời và ý của tác giả.

PHẦN THỨ NHẤT

Chương một

NIỀM cảm-xúc vô-danh đang ám-ảnh tôi lúc này, chán-nản, dịu-dàng, tốt-ngần-ngại gán cho nó một cái tên, cái tên xinh đẹp trầm-nặng, là cơn buồn. Vì cảm-xúc quá hoàn-toàn, quá vị-kỷ, khiến tôi hầu như thẹn-thù, chớ cơn buồn thì lúc nào tôi cũng cảm thấy như là đáng kính-trọng.

Tôi chưa hề cảm xúc như thế này bao giờ, tôi chỉ biết có chán-nản, hối tiếc, thoảng-hoặc có đôi khi ân-hận. Hôm nay, có cái gì rơi xuống tâm-hồn tôi, như một thớ lụa, xào-xạc, êm dịu, cách-biệt tôi với những kẻ khác.

Mùa hè năm ấy, tôi mới có mười bảy tuổi, và tôi hoàn-toàn sung-sướng, Những «kẻ khác» tức là Ba tôi và Yến-Hoa (Elsa) là tình-nhơn của ông. Tôi phải gì ng-giải ngay tình-trạng hơi trái cựa này. Ba tôi bốn mươi tuổi, ông góa vợ đã mười lăm năm. Ông là người đàn - ông còn trai trẻ, dồi dào sinh-lực và khả-năng, và khi tôi ở nhà trọ ra, trước đây hai năm, tôi không lạ gì tình ông mà không hiểu tại sao ông cần phải sống với một người đàn-bà. Tuy vậy tôi khó chịu thấy ông cứ sáu tháng là thay vợ một lần. Nhưng rồi tôi cũng sẵn sàng quên đi vì nhận thấy ông có sở đào-hoa, và ông thích cuộc đời mới-mẽ và dễ-dàng. Ông là người nhẹ dạ, thạo việc, lúc nào cũng hiểu kỳ và

chống chán, và được đàn-bà ái-mộ. Tôi cũng âu-yếm Ba tôi lắm, cũng quen luyến thiết tha vì ông tử-tế, rộng-lượng, vui-vẻ, và rất quý-mến tôi. Tôi tưởng tôi không có người bạn nào thân hơn ông, và vui tính hơn ông.

Đầu mùa hè ấy, ông nhả nhặn đến đổi ông hỏi tôi trong kỳ nghỉ hè tôi có thích làm bạn với Yến-Hoa (Elsa) là tình-nhơn hiện-tại của ông không? Tôi trả lời sẵn-sàng chịu ý ông vì tôi biết ông cần có đàn bà, vả lại Yến - Hoa, cũng sẽ không làm phiền nhọc gì cho chúng tôi lắm.

Nàng là một cô gái lớn-tướng, tóc hoe-ho đỏ, vừa là gái ti-tiền, vừa là ả giang-hồ, trước có đóng các vai phụ trong các phim-trường và các quán rượu ở Đại-lộ Champs-Élysées. Nàng tử-tế, hơi giản-dị, không lẻo-loẹt phách lối mấy.

Vả lại, được đi nghỉ mát với Ba tôi thì tôi khoái-trá lắm, nên tôi cũng chẳng muốn trái ý Ba tôi làm chi. Ông có thuê trên bờ hồ Địa-Trung-Hải một biệt-thự lớn, tường quét vôi trắng toát, xinh đẹp, và tĩnh mịch mà chúng tôi vẫn mơ-uớc từ hồi nằng hề bắt đầu oi-ả. Biệt thự xây dựng trên một mỏm núi nhện xuống biển, nấp sau một rừng thông xa đường lộ. Có một con đường mòn từ biệt thự đi xuống một vung nhỏ có bãi cát ánh vàng, chung quanh có đá lồi chồm màu đỏ-hoe, mà sóng biển dội ra dội vào.

Mấy ngày đầu thật là tung-bừng. Chúng tôi ở hàng giờ

ngoài bãi biển, dầm dưới nắng, thịt da dần dần rực-rỡ ánh vàng tươi đẹp lên, duy có nàng Yến-Hoa thím mặc mây đỏ bồng lông-tóc và rụng-rời đầu-đòn coi ghê lạ! Ba tôi tập hai ống chân làm những cử-động kỳ-cục, để xẹp bớt cái bụng bự không thích-hợp với khả-năng tán gái của ông.

Mỗi buổi sáng, cứ trời vừa hừng đông là tôi nhảy xuống biển, nước biển lúc bấy giờ mát rượi và trong veo, tôi chui xuống dưới, tôi lặn tôi hụp, tôi vùng-vẫy lung-tung để rửa sạch tất cả những bóng đen, tất cả những bụi-bặm của Paris. Tôi nằm sấp trên mặt cát, tôi hốt một nắm cát trong tay tôi, tôi thả nó rơi xuống qua mấy khe ngón tay thành những sợi cát vàng, êm-địu; tôi nghĩ rằng cát trôi như thời gian, rằng đó là một ý-nghĩ dễ-dàng, và có những ý-nghĩ dễ-dàng như thế cũng thích-thú vì là mùa nghĩ hè.

Đến ngày thứ sáu, tôi trông thấy Tuấn-Sinh (Cyril) lần đầu tiên. Chàng ngồi trong một chiếc thuyền buồm nho-nhỏ trôi dọc theo bờ biển, đến nơi vụng của chúng tôi thì thuyền bị đắm. Tôi giúp chàng thu lượm các đồ-đạc và giữa lúc chúng tôi nô đùa thì chàng cho tôi biết tên chàng là Tuấn-Sinh (Cyril), chàng là sinh-viên trường Luật và chàng đi nghỉ-mát với mẹ chàng ở một biệt-thự gần đây.

Chàng có khuôn mặt như người La-Mã, màu nâu đậm, rất thông-minh, nét mặt của một người

cốt-cách thẳng-bắc, hào-hiệp, khiến tôi ưa thích.

Thế mà từ trước đến giờ, tôi vẫn tránh xa bọn sinh-viên Đại-học ấy, vì tội họ tàn-nhân, chỉ lo nghĩ đến thân họ, nhút là đến tuổi trẻ của họ, tự tìm lấy cho họ một đề-tài của bi-kịch, hay một bằng-cớ để buồn-rầu. Tôi không ưa tuổi trẻ. Tôi thích những bạn-bè của Ba tôi hơn là bọn trẻ, những ông đã bốn-mươi tuổi, họ nói với tôi một cách lễ-phép hơn, và âu-yếm hơn, họ tỏ với tôi một tình-yêu dịu-dàng vừa như Cha, vừa như tình nhân.

Nhưng hôm nay tôi lại thích chàng Tuấn-Sinh. Chàng cao lớn thỉnh-thoảng tôi thấy chàng đẹp, một sắc đẹp làm cho tôi tin-tưởng. Tôi không đồng-ý với Ba tôi về sự ông có ác - cảm với người nào xấu - xí, vì vậy mà chúng ta cứ giao-thiệp với những người đẹp mà ngu-ngốc, nhưng đứng trước những kẻ không có một chút duyên - dáng nào tôi vẫn thấy ngượng - ngịu không dễ-ý đến họ. Sự họ cam đành không gọi chút cảm-tình nào với chúng ta, tôi cho là một tàn-tật khiếm-nhã.

Vì lẽ, ai mà không tìm sự ưa thích? Hôm nay tôi cũng chưa biết có phải ý ham-thích chiếm tình-yêu của ai là do một sinh-lực quá dồi-dào bùng-bột hay không? Có phải đó là một ham muốn áp-lấn, hay chỉ là một nhu-cầu thoảng qua, thăm-kín, được tự-minh tin chắc nơi mình, tự an-ủi mình?

Khi Tuấn-Sinh từ-giả tôi, chàng có hứa sẽ tập tôi bơi thuyền buồm. Tôi về nhà ăn cơm tối, đầu óc cứ lẩn vẩn vì chàng, và không thích chuyện-trò với ai cả. Có chàng tôi chỉ hơi đề-ý đến tính nóng nảy của Ba tôi một chút thôi.

Xong bữa, chúng tôi ngã lưng nằm dài trên ghế pho tôi, ngoài hè, như mọi buổi tối. Trời tung-tóc những ngôi sao. Tôi nhìn sao, mơ - mẩn được thấy chúng nó rụng sớm, rơi xoẹt khắp vòm trời. Nhưng bấy giờ mới là đầu tháng Bảy, các ngôi sao không nhúc-nhích. Trước hè, tiếng ve kêu inh-ỏi. Chúng nó có mấy ngàn con là ít, say nắng và say trăng, nên mới kêu kỳ cục như thế suốt những đêm trường. Người ta giảng cho tôi nghe rằng ve kêu là vì nó cọ sát hai cái cánh với nhau, nhưng chúng tôi lại thích tưởng-tượng là chúng nó hát với giọng khò-khè trong cổ, như mèo kêu trong mùa đực cái của nó vậy.

Chúng tôi thấy dễ chịu. Vì có những hạt cát nhỏ chui vào giữa da thịt của tôi với tấm áo sơ-mi của tôi nên tôi chưa ngủ được, mặc dầu cơn buồn-ngủ đã tấn-công tôi dè-mè êm-dịu. Ba tôi lại ho lên một tiếng rồi ngồi nhồm đậy trên ghế dài của ông. Ông bảo :

— Tôi báo tin cho các người biết sẽ có khách đến ở đây.

Tôi thất vọng, nhắm mắt lại. Chúng tôi được yên - tĩnh một thời-gian, bây giờ đây là hết !

Yến Hoa ham giao-thiệp lắm, vội-vàng hỏi :

— Ai đấy, anh ? Nói mau lên em nghe !

Ba tôi bảo :

— Anh-Lê (Anne Larsen)

Rồi ông quay sang nói tôi. Tôi kinh-ngạc, ngó ông. Ông bảo :

— Ba có bảo nàng nếu nàng không được khỏe lắm thì đến đây nghỉ mát, và nàng... đến.

Thật tôi không thể ngờ được chuyện ấy. Anh-Lê là một người bạn cũ của Má tôi, và nàng ít có giao-thiệp với Ba tôi lắm, tuy là trước đây hai năm, khi tôi ở nhà trọ ra, Ba tôi có gọi tôi nhờ nàng chăm nuôi bộ, để khỏi bận-rộn ông. Trong một tuần-lễ đầu, nàng đã dạy tôi cách phục-sức cho đúng-điệu, và dạy tôi cách xã-giao. Tôi rất yêu-quý nàng, nhưng nàng lại khéo léo xoay hướng tình yêu ấy đến một chàng trẻ tuổi quen với nàng.

Nhờ vậy mà lần đầu tiên tôi đã biết trang-sức duyên-dáng, và lần đầu tiên tôi đã biết yêu. Nay tôi vẫn còn mang ơn nàng về sự diu-dắt ấy. Nàng đã bốn mươi hai tuổi, nhưng vẫn còn mặn-mà lắm, rất quyến-rũ, được nhiều người mê, với khuôn mặt xinh-đẹp, kiêu hãnh, lãnh-đạm như chân-nấm cuộc đời. Người ta chỉ trách nàng về bộ mặt lạnh-lùng đó thôi. Nàng khá-ái nhưng làm cao. Tất cả trong người nàng đều phản-chiếu một ý-chí cương-

quyết bền-bĩ, một tấm lòng yền-tĩnh, khiến cho ai cũng kính-nể. Tuy nàng đã ly-dị và sống đơn-phương độc-mã, nhưng ai cũng biết rằng nàng không có người tình-nhân nào. Vả lại nàng giao-thiệp với một giới khác hơn chúng tôi : bạn hữu của nàng là những người thông-minh, tế-nhi, nhĩ-nhận, còn bạn bè của chúng tôi là những kẻ ồn-ào, khao khát, mà Ba tôi chỉ thích họ đẹp và lỗ-lăng là được rồi. Tôi tưởng thế nào Ánh-Lệ cũng khinh thường Ba tôi và tôi vì chúng tôi chỉ thích vui chơi, phù-phiếm, còn nàng thì ghét những cái gì thái-quá. Thỉnh thoảng chúng tôi chỉ gặp nhau trong một bữa ăn bàn về công-việc, nàng thì chăm lo nghề may còn Ba tôi thì chuyên về quăng-cáo —, hoặc đôi khi tưởng nhớ đến Má tôi, hay là nói đến việc học-hành của tôi, tôi vừa nề-nặng mà cũng vừa quý mến nàng lắm.

Nhưng bây giờ sự Lệ Ánh sẽ đến, đột ngột ở đây tôi thấy không hợp thời, vì có Yến-Hoa, và không biết Lệ Ánh sẽ nghĩ thế nào về sự giáo-dục của tôi trong hoàn-cảnh này.

Yến-Hoa hỏi Ba tôi vô số những câu hỏi về địa vị của Lệ Ánh trong xã hội, rồi nàng lên lầu ngủ. Còn một mình tôi với Ba tôi. Tôi đến ngồi trên bực thềm, bên chân ông. Ông cuối xuống, đặt hai tay trên vai tôi :

— Con gái dịu hiền, sao đẹp

này con gầy đét thế ? Cõi bộ có, giống như mèo hoang nhỏ-thỏ. Ba thích có đứa con gái đẹp, tóc vàng hoe, lực-lưỡng một chút, với đôi mắt bằng sành, và...

Tôi bảo :

— Đấy không phải là vấn đề. Tại sao Ba lại mời Ánh-Lệ đến ở đây ? Tại sao nàng lại nhận lời ?

— Nàng đến, có lẽ để thăm ông cha già của con. Biết đâu đấy !

— Ba đâu phải là hạng người mà Ánh-Lệ thích ? Nàng quá thông-minh, nàng biết tự-trọng chứ ! Còn Yến Hoa thì sao ? Ba có nghĩ đến Yến-Hoa không ? Ba tưởng Yến-Hoa với Ánh-Lệ ra nói chuyện với nhau làm hả ? Con thì không nghĩ thế nhé !

Ba tôi thú thật :

— Ba không nghĩ đến việc ấy. Ờ, nhĩ, hai người ấy mà gặp nhau thì đáng sợ thật ! Mộng-Linh dịu-hiền của Ba, hay là chúng ta trở về Ba-Lê đi !

Ông khẽ cười, vừa lấy tay xoa ót tối. Tôi quay lại ngó ông. Đôi mắt mờ tối của ông sáng-rực lên, hai bên vành mắt nổi lên mấy đường nhăn kỹ-cục, miệng ông hơi nhếch một chút. Cõi diện-mạo của ông không đẹp tí nào. Tôi phì cười với ông, cũng như mỗi khi ông có chuyện gì rắc rối thì hai bờ con nhìn nhau cười. Ông bảo :

— Chú mày ơi, không có chú mày đồng lửa với ta thì ta biết tính sao đây ?

Nghe giọng nói của ông rất chân-thật, rất âu-yếm, tôi hiểu ngay là nếu không có tôi thì chắc ông khổ lắm. Chúng tôi thức thật khuya, bàn về ái tình và những phức-tạp của nó. Theo Ba tôi nhận xét thì những phức-tạp của ái-tình chỉ có trong tưởng-tượng. Ông quả-quyết phủ-nhận sự trung-thành, sự đứng-đắn, hoặc những lời thề non hẹn biển. Ông giảng cho tôi nghe rằng những thứ ấy không căn-cứ vào đầu cả, và không đi đến kết quả nào cả. Nếu người khác nói thế thì tôi cho là chương tai. Nhưng tôi biết

trường-hợp của Ba tôi, tuy nghĩ vậy nhưng ông vẫn quyến-luyến với tình-yêu, say-mê với nó, và ông càng biết nó là tạm bợ nhất-thời, ông lại càng thiết-tha với nó. Quan niệm ấy, tôi cũng chịu lắm : chỉ cần những tình yêu mau-lẹ, bông bột và thoáng qua. Tuổi tôi còn nhỏ, không phải tuổi chung tình. Tôi chưa biết gì về tình-yêu cho lắm : chỉ biết hẹn nhau gặp gỡ, hôn nhau cho đã, rồi chán nhau ngay !

HẾT CHƯƠNG I

(Còn nữa)

★ NGƯỜI CHỒNG CÓ PHƯỚC

- Ba Tèo mới cưới vợ, đi chơi gặp Thiên-lý-Nhơn. Lý-Nhơn khen Ba Tèo :
— Anh Ba Tèo ă tui thấy anh dạo này ăn mặc tử-tế, nút khuy kết đảng-hoàng quá ! Anh có phước mới lấy được cô vợ giỏi, đó anh !
— Đúng, mới có một tuần mà nó chỉ cho tui may vá được, có tài hông anh !

★ BẮT MẠCH TIỀN

- Bác-Sĩ : — Ông có đủ tiền trả không nếu tôi bảo là bệnh ông cần phải chữa gấp ?
Bệnh-nhân : — Ông thấy có cần phải chữa gấp không nếu tôi không đủ tiền ?

★ BÀN ÔNG LÀ PHÁI YÊU

- Cha-oi ! tại sao dân ông không được lấy nhiều vợ ?
— Con ă, lúc nào con trưởng-thành, con sẽ hiểu rằng luật-lệ làm ra cốt để bênh-vực cho những kẻ nào không thể tự -vệ được.

★ PHÉP LỊCH-SỰ

- Cu Tèo lên tám, vừa ngốn xong bánh mì thì vào lớp học, quên lau miệng.
Cô giáo nheo lông mày rồi hỏi :
— Đi học mà quên rửa mặt, xấu lắm. Nếu cô cũng làm như em thì em sẽ nói sao ?
— Thưa Cô, em chẳng nói gì cả. Em cần phải giữ phép lịch-sự ă !

★ CẢI CÓ LÝ

- Quan-Tòa : — Nè, sao anh quả quyết rằng anh vô tội ? Có tám người trông thấy anh phóc lên chiếc xe máy toan đạp chạy trốn.
Thủ-phạm : — Ô, thưa quan-tòa, cái đó có quan-hệ gì. Tôi có thể tìm ra tám nghìn người không thấy tôi lấy chiếc xe máy ă !

Xuân-Giang và Ba Tèo

VIỆT-NAM, QUÁ 4.000 NĂM CA-DAO



★ ★ ★ ★ BA TEO ★ ★ ★ ★

THƯA Bà con cô-bác,
Bộ-môn Ca-dao này,
tụi-tui nhứt-định xin đòi về phần
tụi-tui, là bọn **Bình Dân Quê Mùa**
của **Đồng-Ruộng Việt-Nam**.

Về địa-hạt Văn-Thơ, nào Thơ
cũ, Thơ mới, nào Đường-luật,
Tự-do, thì hẳn là về phần của
các nhà Tri-thức rồi. Tụi tui
hồng dám xen vô. Đời nay, thơ
in trên mặt báo, hoặc xuất-bản
thành sách, xưa các cụ cũng chép
trong bản-thảo, để lại hàng nghìn
Thi-tập, với những tên thi-sĩ
rạng danh muôn thuở muôn đời.

Còn tụi-tui là lũ **Dân Quê** tay
lấm, chửi bùn, sống bằng mồ-hôi
nước mắt, kẻ đi cày, đi cấy,
người làm thợ mộc, thợ nề, cả
ngày chỉ tối nắm ngón tay cần-

cổ có bao giờ được hân-hạnh cầm
cây bút lông hay cây bút sắt đầu !

Vả lại, tụi-tui hầu hết là hồng
có học-thức như quí cụ, quí cô.
Tụi-tui vẫn đốt chữ dốt, ngày
xưa chỉ nghe lồm chụt ít *chí hồ*
giả dã, ngày nay học mót mấy
vận i-tờ. Cho nên tụi tui chẳng
hiều Văn-thơ là chi chi ráo !

Nói vậy, chẳng phải là đầu óc
quê-mùa của tụi-tui hồng biết
suy nghĩ đâu. Nhưng nghĩ ra câu
gi, nói ra câu nấy. Muốn nói cho
vui thì đặt ra thành vè, hát lên
thành câu, đơn-sơ giản-dị, hồng
có văn-hoa bóng-bẩy như các
Ngài có học. Hát lên trong lúc
rủ em, hát lên trong khi đã gạo,
hát lên trong đêm thanh gió mát,
hát lên trong lúc quay tơ. Trên bờ

ruộng, trên mặt sông, bên bụi tre, ngoài vườn chuối... Sáng sớm, gà vừa gáy, tui-tui đã mở mắt dậy, lật-dật tay cầm chiếc rựa nhịp-nhàng gõ lên đồn xóc, miệng đã hát vang lên để gọi anh chị em trong xóm mau mau tựu hội nơi chòi canh để cùng nhau vỗ rừng đồn cối. Trưa trời nắng cháy thịt cháy da, tui-tui kẻ đắp bờ người cấy mạ, miệng cũng vẫn cứ hát lên ngân-ngã đội cả cánh đồng.

“ Rồi trưa cũng hát, chiều cũng hát, tối cũng hát... Hát hoài hát hầy, khắp cả giang-sơn đất Việt quanh năm suốt tháng chỉ vang động tiếng hát của Dân Quê. Cứ như thế, người này truyền khẩu qua người kia, đời con nhớ lại từ đời cha, suốt từ Nam tới Bắc, vượt ải qua trường, cầu Ca-Dao của người nông dân Việt lưu-truyền mãi mãi cho đến chừ.

Tui được nghe lỏm có người đọc một câu bằng tiếng La-tinh (hay La-Mã gì đó) như vậy, nếu nhờ Trời tui nhớ hồng sai :

Verba volant, Scripta manant.

Họ giảng nghĩa cho tui nghe là « lời nói bay đi, chữ viết còn lại ». Vậy mà lạ thiệt, kể đã 4000 năm chớ ít-ôi gì sao, có tới hàng ừc hàng muôn câu Ca-Dao của người Dân ta, hồng để lại một dấu vết nào trên giấy tờ mà nay vẫn còn đầy-đủ, hồng thiếu một câu nào ! Lại cứ thêm hoài thêm mãi ! Nếu được như lúa mà bớt đồ vô vựa thì ngày nay Ca-dao của Dân ta chưa đầy-ợc biết bao

nhiều kho-làng vô-lận, há Bà-con ?



Ca-dao Việt-Nam ta nhiều quá xá ! Nhiều quá xá !

Hồng phải khoe-khoan, chớ thiệt hãnh-diện cho người Dân-Quê ta đã đóng-góp biết bao nhiều mồ-hôi nước mắt bồi-bổ giang sơn, lại còn để lại cho nòi giống qua muôn đời muôn thuở một gia-tài Văn-hóa quý báu quá chừng !

Thưa Bà con cô bác của thời-đại nguyên-tử, ngày nay Dân nước ta đã tiến-bộ tới đâu chẳng nữa, nhưng cái di-sản của 4000 năm còn lại cho ta đó, nó trường-tồn bất-lận, nó còn mới hoài, mới mãi, nó mỗi ngày mỗi mới, *nhứt-tân nhứt-nhứt tân, hựu nhứt-tân..*, hồng bao giờ lỗi thời lạc-hậu cả ! Các ngài đọc lại bất cứ một câu Ca-dao nào, hồng thấy nó cũ chút nào hết, hễ hồng ?

Vậy đó, cho nên tui mới dám xin phép các ngài cho tui được góp-nhóp lại, trong một xó tòa nhà Văn-hóa Phở-Thông này, những câu Ca-dao từ xưa từ xưa, từ Nam tới Bắc, đề rồi tui sẽ cố-gắng viết một cuốn sách bự về « Việt-Nam, qua 4.000 Năm Ca-Dao. »

Dạ thưa quới Ngài, tui hồng phải là Nhà Văn, Nhà Thơ gì ráo. Tui cũng hồng phải là Nhà Học-giả học-thiệt chi trơn. Nhưng từ trước đến giờ tui được hân-hạnh đọc mấy cuốn sách của các

Ngài Học-giả đã viết về *Ca dao Việt-Nam*, thiệt tui hông bằng lòng chút nào hết. Xin lỗi quới Ngài, tánh tui nghĩ sao nói vậy.

Vì lẽ thứ nhứt là mấy ông chỉ lượm-lặt được vài trăm câu, tui tui thấy hông đủ vào đâu hết. Lẽ thứ hai là các ông lại ưa dùng các thứ triết-lý mới của Âu-Tây, khó hiểu bỏ xừ, đề « nhận-xét » « phân-tách », « nghiên-cứu », về tâm-hồn của người Dân ta, mà hông ăn nhập gì tới thực-tế của Dân ta hết trời ! Ông thì áp-dụng biện-chứng-pháp của Mác-xít Mác-xét gì đó, ông thì thuyết-minh theo triết-học Freud (Phờ-rớt) Phờ-rít gì đó, tui-tui là Bình-dân Việt-Nam thấy hông đúng chỉ tron ! Trật-lắt hết !

Hông ! Hồng được ! Tui tui, là Dân-quê Việt-Nam, sống từ 4000 năm nay trên đất của con Rồng cháu Tiên, hông có biết mác-xít, phờ-rớt-đít hay rớt-khu gì ráo !

Tui tui sẽ trình bày mọi lẽ thực tế Việt Nam hơn.

✱

Vạn-sự khởi đầu nan, tui xin bắt đầu góp-nhóp cho thiệt đầy đủ các câu *Ca-dao* ta, rồi sẽ nói chuyện sau. Hiện giờ trong ngăn tủ bị một ăn của tui, đã có trên hai ngàn câu, ky-cóp trong nhà tù một mớ, ở ngoài đời một mớ. Nhưng tui biết là chưa đủ. Vậy tui dám xin bà con cô bác, ai biết câu nào, làm ơn gởi về cho tui xin, tôi cảm ơn hông xiết kể. Trong quyển sách của tui sẽ hông dám quên tên các bạn góp phần cho tui; bởi lẽ đó

là phần trọng đại hơn cả. Chừng nào tui có đủ năm sáu ngàn câu : *Ca dao*, hát-hò, hò nhặt, hò khoan, hát lí, bông mạy, sa mạy, trống quân, hát đố, vè, v. v... tui mới có thể phân ra từng loại, ghép từng đề-tài, nhiên hậu tui mới dám chép ra thành sách, đề trình-bày thấu-triệt tinh thần dồi dào, phong-phú lạ lùng, của người Dân ta, thuần-túy Dân ta.

Tui hông chịu làm như mấy ông Văn-sĩ lầy lẹ, cứ đem một vài triết lý ngoại-lai vô « phân tách » *Ca dao* và Văn Thơ Việt nam, rút cuộc rồi hông còn gì là Việt nam hết ráo ! Theo ý hèn-mọn của tui, thì một là phải Việt nam chính hiệu con-naï, hai là hông phải Việt-Nam chỉ tron, (nhứt là về văn-hóa cổ-cựu của ta)... Nói cũng như ông Thi-sĩ Shakespeare nào đó của nước Anh hồi xưa :

To be, or not to be :

that's the question !

(Phải hay là không phải, vấn đề chỉ có thế thôi !)

(Xin lỗi bà con, lỗi tui viết trật chữ *Ang-lê* xin Bà con sửa giùm, vì tui chỉ nghe lồm tiếng được tiếng mất, hông chắc gì trúng hết đâu ạ.)

Trong cuốn sách của tui, (Tui hông dám so sánh với bộ *Kinh-Thi vĩ-dại* của Cụ Không bèn Tàu đâu ngen !), dĩ-nhiên là tui sẽ ghi rõ một bản danh sách các Bạn ở Trung-Nam-Bắc, đã và sẽ có thịnh-linh tiếp-

tục giúp tui sưu tầm như mấy
năm trước rồi, thành cuốn
« VIỆT-NAM, QUA 4000 NĂM
CA-DAO ».

Tuixin nhớ ơn các bạn 4000 lần!
Thơ bất tận ngôn.

Nguyễn-Ba-Tui,
tên tục là BA-TÈO.

★ Đây là của cô **Bằng - Tâm**, ở
Huế (xin cô bạn cho biết địa chỉ
rõ ràng) đã gởi cho tui :
(Xin chú-ý : con số dưới đây
là tiếp theo con số tui đã có từ
trước rồi)
của **Bằng-Tâm — (Huế)**

2118. — Ru em cho thết cho muối,
Đẻ mẹ đi chợ Truồi (1) mua
bánh em ăn.

(1) Truồi : 1 làng ở xứ Huế.
2119. — Trái bòn hòn trong tròn
ngoài méo

Trái thầu đầu, trong héo ngoài
tươi

Em thương anh ít nói ít cười,
Ôm duyên ngồi đợi chín mười
con trăng !

2120. — Muối mặn ba năm muối
hãy còn mặn

Gừng cay chín tháng gừng hãy
còn cay

Điện nghĩa can-thường chó dỗi
dùng thay.

Dầu có làm nên danh-vọng rủ
có ăn mây cũng theo nhau.

Theo nhau cho trọn đạo Trời
Dầu mà không chiếu trái lại
mà nằm.

2121. — Lên rừng hóa hổ về
đồng nội hóa long
Trời xui đất khiến 2 đứa-con
giòng gặp nhau.

2122. — Chim chiến bụi sậy ; Con
cá quậy bụi từng.
Anh thương em thâm-thiết vô
cùng

Đĩa nghiêng mãi mực tằm cũng
bức thơ.

2123. — Thư dưới gởi lên
Thư trên gởi xuống.

Em đang ăn đang uống, em bỏ
đũa xuống xem thơ
Xem rồi nước mắt ướt hết nửa tờ
Ai phản chồng rẽ vợ kiếm
đường su-sơ để tìm.

(su-sơ sắt-sử : lang thang)

2124. — Tai em nghe anh đau
đầu chưa khá
Em băng đồng chỉ sá đi bề
nằm (1) lá nọ về xông

(1) Nằm
Ở làm ri (2) đây cho trọn nghĩa
vợ chồng

(2) vậy
Đồ mờ hôi ra em chặm, ngọn
gió lồng em che.

2125. — Tay em cầm gáo nước
tươi cả 3 cây

Tươi cây lựu bỏ cây đào

Tươi cây đào bỏ cây lê

Có ai trong nhà cho em mượn
1 đôi gióng để bưng về cả
ba cây !

2126. — Bối vì chàng nên chỉ
thiếp phải chịu đòn oan.

Thần phụ già đánh mắng, thế-
gian ta chê cười.

2127. — Thương nhau cau sáu
bữa ba

Ghét nhau cau sáu bữa ra thành
mười.

Xin nhớ : những câu nào đã có rồi,
thì không đăng lại.

(còn nữa)

XIN LƯU Ý : Vì nhiều vấn - đề kỹ - thuật, trong ba bốn số đầu tạp - chí có thể ra trễ 4 hay 5 hôm, nhưng vẫn ra đều mỗi tháng 2 kỳ. Xin bạn đọc thông cảm cho.

ĐA TẠ

PHỔ - THÔNG tạp chí

XUẤT BẢN MỖI THÁNG 2 KỲ

GIÁ BẢO :

Mỗi số	10 \$
Ba tháng (6 số)	60 \$
Sáu tháng (12 số)	110 \$
Chín tháng (18 số)	170 \$
Một năm (24 số)	220 \$

Lệ mua báo, trả tiền trước. Xin đề Quý danh và Địa-chỉ thật rõ ràng.

Tất cả thư-từ đều gửi :

Ô NGUYỄN-VỸ

Giám-đốc Chủ-Bút tạp-chí PHỔ-THÔNG

227, Phạm ngũ-Lão — SAIGON

★ Về Tiền-bạc, xin giao-dịch với Nhà-Sách Nam-Cường, 185, Nguyễn-thái-Học — Saigon

AI MUỐN ĐỔI PHỔ-THÔNG CŨ, LẤY PHỔ-THÔNG MỚI ?

Bạn nào còn giữ các số PHỔ-THÔNG cũ, Bộ I và Bộ II, từ số 1 đến số 15, hoặc LÊ-TÊ KHÔNG ĐỦ BỘ, xin gửi về tôi, tôi xin đổi lại PHỔ-THÔNG mới. (Cần phải nguyên vẹn, đừng mất bìa hoặc mất các trang ruột). Một quyển Phổ-Thông cũ, đổi lấy một quyển Phổ-Thông mới. Thành-thực cảm ơn các bạn.

NGUYỄN - VỸ